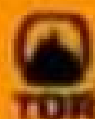

H. G. WELLS

***KẺ VƯỢT
THỜI GIAN***



Đăng Sơn dịch

Kẻ Vượt Thời Gian

H. G. Wells

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[VÀI DÒNG VỀ H.G. WELLS](#)

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[LỜI CUỐI](#)

VÀI DÒNG VỀ H.G. WELLS



H.G. Wells ra đời năm 1866 trong một gia đình nghèo khó và nhiều tai họa. Bằng trí thông minh hiếm có và chí phấn đấu mãnh liệt, mặc dù phải bận rộn vật lộn với miếng ăn ngay trong thời niên thiếu, ông vẫn đạt những bước tiến đều trên con đường học vấn. Được đại học Royal College of Science, Kensington, cấp học bổng, ông là một sinh viên ưu tú của khoa học gia nổi tiếng T.H. Huxley. Ra trường với ngành động vật học, ông có dự tính trở thành một giáo sư. Không ngờ năm 21 tuổi, một tai nạn trên sân túc cầu phá hư một chiếc thận; ông phải nằm liệt giường một thời gian dài; con đường dạy học đành bỏ dở. Hoàn cảnh thiếu may mắn đó bắt buộc ông phải ứng biến, và tình cờ bước vào sự nghiệp văn chương.

Kiến thức khoa học có sẵn cộng với óc tưởng tượng vô cùng phong phú trở thành tài sản quý báu, Wells thành công rất sớm với những truyện ngắn, xã luận, và tranh khôi hài đăng báo. “The Time Machine” là truyện dài đầu tay của ông, xuất hiện từng kỳ trên mặt báo rồi được in thành sách năm 1895. Độc giả khắp nơi thấy ngay dấu hiệu của một thiên tài, và Wells nổi tiếng nhanh chóng khắp thế giới.

Trong vòng năm mươi năm, H.G. Wells cho ra đời một số lượng kinh hồn là 150 tác phẩm. Ông viết nhiều loại, nhưng thành công nhất vẫn là khoa học giả tưởng, mà ngoài “The Time Machine” còn phải kể đến “War of the Worlds” (Chiến tranh liên hành tinh), “The Invisible Man” (Người vô hình), “The Island of Doctor Moreau” (Hòn đảo của bác sĩ Moreau).

Ông mất năm 1946 giữa lúc uy tín đang suy sụp trầm trọng vì xuất bản quá nhiều tác phẩm tầm thường - nằm ngoài sở trường khoa học giả tưởng của ông - trong hơn 20 năm liền. Nhưng gần đây phong trào đọc H.G. Wells đã mạnh mẽ trở lại. Người ta khám phá rằng trong khoảng 20 tác phẩm có lẽ sẽ tồn tại vĩnh viễn với thời gian, Wells không những chỉ chứng tỏ tài nghệ văn chương mà còn có viễn quan chính xác. Những suy tưởng của ông về con người, về thế giới, về vũ trụ không còn là giả tưởng xa xôi nữa, mà càng lúc càng phản ánh trung thực đời sống đầy bất trắc và hoang mang của chúng ta.

CHƯƠNG 1

Kẻ vượt thời gian (gọi hắn như vậy cho dễ nhớ) đang cố giải thích một chuyện thật lạ và khó tin. Mắt hắn rực lên nét hăng hái, và khuôn mặt thường xanh xao của hắn hồng hào, sống động. Ngọn lửa trong lò sưởi bập bùng, ánh sáng từ ngọn đèn phản chiếu lấp lánh vào những đốm bột nhỏ li ti đang sủi chạy trong các ly rượu. Những chiếc ghế, do hắn phát minh, không chỉ là vật thụ động bị ngồi lên mà đang liên tục vuốt ve, tạo sự dễ chịu cho mọi người. Tất cả tạo thành cái không khí thoải mái sau bữa ăn tối, khi mà ý tưởng được giải phóng khỏi mọi sự kềm hãm, tha hồ bay nhảy tự do.

Trong khi chúng tôi ngồi lười biếng thán phục thái độ chân thành của một người nhiều tưởng tượng (tối thiểu chúng tôi nghĩ thế lúc ấy), hắn vừa trở ngón tay út mảnh khảnh về phía trước để nhấn mạnh vấn đề, vừa liên tục nói say sưa:

“Quý vị phải nghe tôi thật kỹ. Tôi sẽ đi ngược lại một hoặc hai điều mà ai cũng xem là đương nhiên đúng. Môn hình học mà họ dạy quý vị trong trường chẳng hạn, đã được đặt trên nền tảng sai lầm.”

“Anh bắt đầu kiểu này thì có khác gì làm khó chúng tôi?” Filby, một chàng tóc hung hay lý sự, đặt vấn đề.

“Tôi không đòi quý vị phải công nhận bất cứ một điều gì mà không giải thích rõ ràng. Rồi quý vị sẽ công nhận đủ những điều tôi mong muốn. Hắn quý vị đã biết một đường thẳng toán học, mà theo định nghĩa là không có bề dày, không thể nào hiện hữu trên đời. Họ dạy quý vị như thế phải không? Mặt phẳng toán học nữa. Tất cả chỉ là quan niệm trừu tượng.”

“Đúng thế!” Nhà tâm lý học nhìn nhận.

“Như vậy, vì chỉ có chiều dài, chiều rộng, chiều cao, một khối thể cũng không thể nào hiện hữu được.”

“Tôi phản đối,” Filby nói. “Dĩ nhiên một khối đặc có thể hiện hữu. Tất cả những vật thể có thật...”

“Hầu hết chúng ta đều nghĩ thế. Nhưng khoan đã. Có thể nào một khối thể hiện hữu tức thời hay không?”

“Tôi không hiểu anh nói gì,” Filby nói.

“Có thể nào một khối thể, không tồn tại trong bất cứ một khoảnh khắc ngắn ngủi nào, hiện hữu được không?”

Filby bắt đầu trầm tư “Rõ ràng,” kẻ vượt thời gian tiếp, “mỗi vật thể đều phải có bốn chiều: chiều dài, chiều rộng, chiều cao và chiều LÂU nữa. Nhưng vì một lý do thực tế đặc biệt mà tôi sẽ giải thích, chúng ta đã quên mất điều ấy. Ba chiều kia thường được gọi là ba mặt phẳng không gian, còn chiều thứ tư chính là THỜI GIAN. Tuy nhiên, chúng ta có khuynh hướng đặt ra một sự phân biệt sai lầm giữa ba chiều không gian và chiều thời gian, vì ý thức của chúng ta thường di chuyển bất định về đúng một phía của chiều thời gian từ lúc khởi đầu cho đến đoạn cuối cuộc đời.”

“Điều này,” một thanh niên vừa lên tiếng vừa cố châm lại điếu xì gà bằng ngọn lửa trong chiếc đèn để bàn, “điều này... thật là rõ lắm.”

“Đáng ngạc nhiên là chẳng ai để ý đến điều ấy,” kẻ vượt thời gian tiếp, nét vui trên mặt tăng lên một chút. “Đây chính là chiều thứ tư, mặc dù nhiều người từng nhắc tới chiều thứ tư không biết là họ muốn nói đến nó. Chiều thứ tư là một cách nhìn thời gian. Không có sự khác biệt nào giữa chiều thời gian và ba chiều không gian, trừ một điều là ý thức của chúng ta di chuyển theo nó. Nhưng một số người ngây thơ đã nghĩ sai về chiều thứ tư. Chắc quý vị đều biết rõ quan điểm của họ?”

“Tôi chưa biết,” ông thị trưởng nói.

“Rất đơn giản. Không gian, theo các nhà toán học, được xem là có ba chiều gọi là chiều dài, chiều rộng, chiều cao. Ba chiều ấy có thể được xác định bằng ba mặt phẳng thẳng góc với nhau. Nhưng một số triết gia đặt câu hỏi “Tại sao ba mặt phẳng, tại sao không thể có một mặt phẳng khác thẳng góc với cả ba mặt phẳng kia” và họ cố tạo dựng khoa hình học bốn chiều. Giáo sư Simon Newcomb đã trình bày quan điểm này trước hội toán học New York mới khoảng hơn tháng trước đây. Quý vị đều biết rằng trên một mặt phẳng (chỉ có hai chiều) chúng ta có thể biểu diễn một vật thể ba chiều mà không làm mất bất cứ đặc tính nào của nó. Tương tự, họ nghĩ rằng với ba chiều, họ có thể biểu diễn các vật thể có bốn chiều, nếu họ nắm vững mọi quy luật cần thiết.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” ông thị trưởng lẩm bẩm. Đôi lông mày nhíu lại, ông chìm vào cõi suy tư, cặp môi ông di động như người đang lặp đi lặp lại một câu thần chú. “Phải, giờ tôi đã hiểu rồi,” ông thốt lên sau một lúc lâu, với một nét vui mừng không lấy gì làm rõ ràng, chắc chắn.

“Được. Tôi không ngại cho quý vị biết rằng tôi đã nghiên cứu khoa hình học bốn chiều từ khá lâu nay, và đã khám phá ra một số kết quả khá lạ lùng. Thí dụ, đây là tấm hình của một người phái nam lúc tám tuổi, tấm này lúc 15 tuổi, tấm này 17 tuổi, tấm kia 23 tuổi, v.v... Tất cả đều có thể gọi là những “thời đồ”, hình biểu diễn ba chiều của một sinh vật bốn chiều, cố định và không thể biến đổi.”

“Giới khoa học,” kẻ vượt thời gian ngưng nói một chút để chúng tôi có đủ thời giờ ghi nhận, rồi tiếp, “biết rất rõ thời gian chỉ là một loại không gian. Đây là một biểu đồ quen thuộc, biểu đồ thời tiết. Đường mà tôi đang chỉ biểu diễn những thay đổi của hàn thử biểu. Hôm qua ở mức độ cao, tối qua thấp hơn, rồi sáng nay lại tăng lên dần đến đây. Mức thủy ngân làm sao đi theo đường biểu diễn này nếu chỉ có ba chiều không gian quen thuộc? Nhưng hiển nhiên nó đã vẽ đường này, và đường này, vì vậy, phải được kết luận là đường của chiều thời gian.”

“Nhưng,” ông bác sĩ nói, mắt đăm đăm nhìn một khối than đá trong lò sưởi, “nếu thời gian chỉ là chiều thứ tư của không gian, tại sao, và tại sao từ trước đến nay vẫn thế, nó được coi là một chiều khác? Tại sao chúng ta không thể di chuyển trong thời gian như trong ba chiều kia của không gian?”

Kẻ vượt thời gian mỉm cười. “Ông có chắc chúng ta có thể di chuyển tự do trong không gian không? Chúng ta có thể đi về phía trái, phía phải, phía trước, phía sau, và con người đã luôn luôn làm thế. Nhưng chiều lên xuống thì sao? Chúng ta bị ngăn cản bởi sức hút trái đất kia mà.”

“Không hẳn,” ông bác sĩ nói. “Có khinh khí cầu.”

“Nhưng trước thời của khinh khí cầu, trừ những chuyện nhảy lên nhảy xuống và sự khác biệt chiều cao của mặt đất, con người không có tự do di chuyển theo chiều thẳng đứng.”

“Nhưng họ vẫn có thể di chuyển lên xuống chút ít, như anh đã nói.”

“Xuống, xuống dễ hơn lên rất nhiều.”

“Nhưng anh không thể di chuyển trong thời gian một chút nào hết, anh không thể thoát khỏi giây phút hiện tại.”

“Thưa ông bác sĩ thân kính, đó chính là điểm sai lầm của ông. Đó chính là điểm sai lầm của cả thế giới. Chúng ta luôn luôn rời xa hiện tại. Những thực thể tâm thức của chúng ta, vốn không có hình thể và khối lượng, di chuyển trên chiều thời gian bằng vận tốc đều từ lúc nằm nôi xuống đến mộ phần. Y hệt như trường hợp đi xuống thấp nếu chúng ta bắt đầu sự hiện hữu ở một nơi trên cao hơn mặt đất 50 dặm.”

“Điều khó khăn là,” nhà tâm lý học ngắt lời. “Anh có thể di chuyển qua lại trong cả ba chiều của không gian, nhưng không thể làm tương tự với thời gian.”

“Đó chính là nguyên nhân dẫn đến phát minh lớn của tôi. Nhưng ông đã lầm khi nói rằng chúng ta không thể di chuyển trong thời gian. Thí dụ, khi tôi hồi tưởng lại từng chi tiết của một việc đã qua có nghĩa là tôi trở lại phút giây xảy ra việc đó: trạng thái lúc ấy của tôi thường được gọi là đang trí. Dĩ nhiên, cũng như một anh mọi hoặc một con thú nhảy cao lên khỏi mặt đất rồi tức thì rơi xuống, tôi không thể lưu lại ở phút giây quá khứ, mà sẽ bị kéo về hiện tại. Nhưng chú ý rằng trong thí dụ tôi vừa đưa ra, một người văn minh hơn một anh mọi ở chỗ là người ấy có thể dùng khinh khí cầu để bay lên ngược chiều hút của trái đất. Đã thế, tại sao chúng ta - những người văn minh - không có quyền hy vọng sẽ có một lúc, chúng ta có thể dừng lại hoặc đi nhanh hơn theo chiều thời gian; và ngay cả quay đầu lại, đi ngược chiều thời gian nữa?”

“Chuyện này,” Filby xen vào, “tất cả chỉ là...”

“Tại sao không được?” Kẻ vượt thời gian hỏi.

“Trái với lý lẽ,” Filby nói.

“Lý lẽ nào?” Kẻ vượt thời gian hỏi.

“Anh có thể dùng lập luận để chứng minh rằng màu đen là màu trắng,” Filby đáp, “nhưng anh sẽ chẳng bao giờ thuyết phục được tôi.”

“Có lẽ không,” kẻ vượt thời gian nhìn nhận. “Nhưng chắc quý vị đã bắt đầu hiểu mục đích cuộc nghiên cứu của tôi về hình học bốn chiều. Từ lâu tôi đã có khái niệm mơ hồ về một cái máy...”

“Để vượt thời gian!” Chàng thanh niên thốt lên.

“Di chuyển trong thời gian, theo bất cứ chiều nào.” Filby phá lên cười.

“Nhưng những điều tôi nói đều có thí nghiệm chứng minh.” Kẻ vượt thời gian nói.

“Nếu làm được như anh nói thì rất tiện lợi cho các sử gia,” nhà tâm lý học nhận xét. “Họ có thể lùi lại thời gian để kiểm chứng những gì đã được ghi lại về trận Hastings chẳng hạn!”

“Ông không nghĩ làm như vậy là gây ra khó dễ à?” Ông bác sĩ nói. “Tổ tiên chúng ta chắc không thích những kẻ hay kể chuyện sai đâu.”

“Mình có thể nghe tiếng Hy Lạp ngay từ miệng Homer hoặc Plato,” người thanh niên nói.

“Nếu vậy người ta sẽ không để yên anh đâu. Các học giả Đức đã cải tiến tiếng Hy Lạp rất nhiều.”

“Và rồi còn tương lai nữa,” người thanh niên lại nói. “Thử nghĩ xem! Chúng ta có thể đầu tư hết cả gia sản, để tiền lời tự sinh ra, rồi tới sớm để mà hưởng thụ!”

“Khám phá một xã hội,” tôi nói, “xây dựng hoàn toàn trên nền tảng cộng sản.”

“Nghe như một thuyết hoang đường!” nhà tâm lý học trở lại vấn đề.

“Phải, chính tôi đã từng nghĩ thế,” kẻ vượt thời gian trả lời, “vì vậy tôi chưa bao giờ nói chuyện này với người khác, cho tới khi...”

“Có thí nghiệm chứng minh!” Tôi thốt lên. “Anh sẽ chứng minh những điều anh nói thật sao?”

“Chứng minh, chứng minh!” Filby kêu thành tiếng. Hắn có vẻ hết chịu đựng nổi những lời giải thích của kẻ vượt thời gian.

“Hãy cho chúng tôi nhìn tận mắt thí nghiệm của anh,” nhà tâm lý học yêu cầu, “mặc dù, như anh biết, chúng tôi thấy khó tin lắm.”

Kẻ vượt thời gian mỉm cười đảo nhìn hết chúng tôi. Rồi trong khi vẫn giữ nụ cười nhẹ, với hai tay đút sâu trong túi quần, hắn bước chậm ra khỏi phòng. Chúng tôi nghe tiếng dép lẹp lẹp của hắn kéo dài trên hành lang dẫn tới phòng thí nghiệm.

Nhà tâm lý học nhìn chúng tôi. “Không biết hắn định làm gì đây?”

“Một trò ảo thuật nào đó,” ông bác sĩ nói, và Filby cố tranh thủ thời gian, kể vội cho chúng tôi nghe về một ảo thuật gia mà hắn đã chứng kiến ở Burslem; nhưng phần nhập đề chưa xong thì kẻ vượt thời gian đã trở lại, Filby đành bỏ dở câu chuyện.

Trong tay kẻ vượt thời gian là một vật chói ánh kim loại, không lớn hơn chiếc đồng hồ để bàn bao nhiêu và có vẻ như đã được chế tạo một cách tỉ mỉ. Có phần làm bằng ngà, có phần bằng pha lê trong suốt. Đến đây tôi phải đi vào chi tiết vì những gì xảy ra sau đó - trừ trường hợp quý vị đã chấp nhận những lời giải thích của kẻ vượt thời gian, không kể - thật là vô cùng khó tưởng tượng. Hắn kéo một trong những chiếc bàn ngũ giác nhỏ xếp đầy phòng đến trước lò sưởi, hai chân bàn kê trên tấm thảm trước lò. Hắn đặt “chiếc máy” trên bàn rồi mang một chiếc ghế đến ngồi xuống. Trên bàn chỉ có thêm một ngọn đèn chiếu lung linh vào chiếc máy, nhưng xung quanh cũng có khoảng trên mười ngọn nến đặt ở những nơi khác nhau, nên phòng khá sáng. Tôi ngồi trên một chiếc ghế bành thấp mà tôi kéo tới trước để ở giữa kẻ vượt thời gian và chiếc lò sưởi. Filby ngồi sau lưng hắn, ngang tầm nên có thể nhìn xéo qua vai thấy rõ mọi chuyện. Ông bác sĩ và ông thị trưởng ở bên phải, nhà tâm lý học ở bên trái, và đứng sau nhà tâm lý học là người thanh niên. Tất cả chúng tôi đều chú tâm quan sát. Thật khó mà tin là có bất cứ trò ảo thuật nào, dù biểu diễn khéo léo đến đâu chẳng nữa, qua mắt nổi chúng tôi.

Kẻ vượt thời gian nhìn chúng tôi rồi nhìn chiếc máy.

“Anh còn chờ gì?” nhà tâm lý học hỏi.

“Chiếc máy này,” kẻ vượt thời gian nói. Tay hắn chống lên bàn, hai bàn tay nắm vào nhau ở phía trên chiếc máy, “chỉ là một vật thí nghiệm sơ khởi. Thực ý của tôi là làm một chiếc máy thật, để đi lại trong thời gian. Chắc quý vị thấy hình thù của chiếc máy hơi kỳ lạ, và cái thanh ngang này có một vẻ quái đản, như thể nó không có thật.” Hắn chỉ trỏ. “Lại nữa, đây là một chiếc cần nhỏ màu trắng, và đây là một chiếc cần khác.”

Ông bác sĩ rồi ghé đứng dậy nhìn chiếc máy. “Thật là công phu,” ông nói.

“Tôi mất hai năm để làm nó đấy,” kẻ vượt thời gian tức thì đáp lại. Và, trong khi chúng tôi cùng đứng dậy, cố nhìn chiếc máy thật gần như ông bác sĩ, hắn nói, “Tôi muốn quý vị hiểu rằng cái cần này, nếu ấn xuống, sẽ đưa chiếc máy về tương lai, và cái cần kia chiều ngược lại. Cái yên này là chỗ ngồi của kẻ vượt thời gian. Tôi sẽ ấn cái cần này, và chiếc máy sẽ bắt đầu cuộc hành trình. Nó sẽ đi đến tương lai rồi biến mất. Hãy nhìn nó cho kỹ, và chiếc bàn nữa, để biết chắc đây không phải là một trò ảo thuật. Tôi không muốn mất chiếc máy mà bị coi là một thằng lão khoét.”

Một phút lặng lẽ trôi qua. Hình như nhà tâm lý học muốn nói với tôi một điều gì đó nhưng lại đổi ý. Kẻ vượt thời gian đặt ngón tay vào chiếc cần. “Không,” hắn đột nhiên nói. “Ông cho tôi nhờ.” Hắn quay sang, nắm tay nhà tâm lý học và bảo ông ta chìa ngón trở ra. Nhà tâm lý học trở thành người đưa chiếc máy vào cuộc hành trình vô định của nó. Tất cả chúng tôi chứng kiến chiếc cần di chuyển. Tôi chắc chắn là không có trò lừa đảo nào hết. Một luồng gió thổi, ngọn lửa trong chiếc đèn để trên bàn nhảy múa, và đột nhiên chiếc máy nhỏ quay tròn, trở thành mờ ảo như một bóng ma trong vài giây có lẽ như một cuộn hình ảnh chụp chồn hỗn độn của màu thau bóng và màu ngà trắng; và rồi nó không còn nữa - biến mất! Trên bàn chỉ còn chiếc đèn đứng chờ vơ.

Chúng tôi im lặng đến cả phút đồng hồ, rồi Filby kêu lên một tiếng đầy kinh ngạc.

Nhà tâm lý học như bừng tỉnh, vội đưa mắt nhìn dưới chiếc bàn. Kẻ vượt thời gian cười lên vui vẻ. “Ông còn chờ gì?” Hắn cố ý nhắc lại lời của nhà tâm lý học lúc nãy. Rồi hắn đứng lên, đến kệ lấy keo thuốc lá và nhồi thuốc vào píp, lưng quay về phía chúng tôi.

Chúng tôi nhìn nhau. “Cho tôi hỏi,” ông bác sĩ nói, “anh có đùa với chúng tôi không đấy? Anh thực sự tin là chiếc máy đó đã đi vượt thời gian?”

“Dĩ nhiên,” kẻ vượt thời gian trả lời trong khi cúi người để đốt một đoạn giấy mồi. Rồi hắn quay lại, châm píp, nhìn thẳng vào mặt nhà tâm lý học. (Nhà tâm lý học muốn chứng tỏ mình vẫn bình tĩnh cũng tự châm một điếu xì gà, nhưng lại quên cắt đầu thuốc ra trước.) “Đặc biệt hơn nữa. Tôi có một chiếc máy lớn sắp hoàn thành, ở trong kia” - hắn muốn nói tới phòng thí nghiệm - “và khi làm xong chiếc máy ấy, tôi muốn tự mình làm một cuộc du hành.”

“Anh muốn nói rằng chiếc máy hồi nãy đã đi đến tương lai?” Filby hỏi.

“Tương lai hay quá khứ - tôi không biết chắc.”

Sau một giây phút, nhà tâm lý học nảy ra một kết luận. “Nếu nó đã đi đến bất cứ đâu thì chắc chắn là nó phải đi về quá khứ,” ông nói.

“Tại sao?” Kẻ vượt thời gian hỏi.

“Vì tôi giả sử là nó không hề di chuyển trong không gian. Nếu nó đi về tương lai thì nó phải ở trước mắt chúng ta ngay tại lúc này, vì nó phải đi qua thời điểm hiện tại của chúng ta.”

“Nhưng,” tôi nói, “nếu nó đi về quá khứ chúng ta phải thấy nó khi mới bước vào phòng này; và thứ năm tuần trước khi chúng ta cũng có mặt ở đây; và thứ năm tuần trước nữa, tuần trước nữa, vân vân!”

“Rất có lý,” ông thị trưởng nhận xét. Với một cung cách vô tư, ông quay sang kẻ vượt thời gian, chờ lời giải thích.

“Không đúng chút nào cả,” kẻ vượt thời gian lên tiếng, và hắn nói với nhà tâm lý học: “Ông thử nghĩ đi. Ông có thể giải thích điều này được mà. Hình ảnh dưới mức cảm nhận, hình ảnh bị tan loãng...”

“Dĩ nhiên,” nhà tâm lý học đáp, rồi trấn an chúng tôi. “Đó là một điểm tâm lý đơn giản. Đúng ra tôi đã phải nghĩ ra. Nó giản dị, và nó giải thích được mọi nghịch lý một cách toàn vẹn. Chúng ta không thể thấy chiếc máy hồi nãy, hoặc cảm nhận sự hiện diện của nó, cũng như trường hợp chiếc cãm trong một bánh xe quay nhanh hoặc một viên đạn bay trong không khí. Nếu nó đi trong thời gian năm mươi hoặc một trăm lần nhanh hơn chúng ta, nếu nó trải qua một phút trong khi chúng ta trải qua một giây, cái cãm tưởng tạo thành dĩ nhiên sẽ chỉ là một phần năm mươi hoặc một phần trăm của trường hợp nó không di chuyển trong thời gian. Chỉ đơn giản như thế.” Ông quơ tay vào chỗ để chiếc máy lúc nãy. “Quý vị thấy chứ?” Ông vừa nói vừa cười.

Chúng tôi ngồi nhìn chăm chăm vào mặt bàn thật lâu; rồi kẻ vượt thời gian hỏi chúng tôi nghĩ gì về tất cả những việc đã xảy ra.

“Tất cả đều có vẻ rất hợp lý trong đêm nay,” ông bác sĩ nói; “nhưng phải đợi đến ngày mai đã. Hãy đợi sự thức tỉnh của đầu óc sẽ đến vào buổi sáng.”

“Quý vị có muốn thấy chiếc máy vượt thời gian không?” Kẻ vượt thời gian hỏi. Và tức thì, với chiếc đèn trên tay, hắn dẫn chúng tôi dọc theo chiếc hành lang dài lạnh lẽo dẫn tới phòng thí nghiệm. Tôi nhớ mồn một ánh đèn lung linh, hình dáng kỳ dị của đầu hắn in trên tường, bóng hắn nháy múa theo từng nhịp đi. Tôi nhớ chúng tôi leo đèo theo hắn, lòng đầy hoang mang nhưng chưa tin tưởng, và tôi nhớ phòng thí nghiệm ấy, nơi chúng tôi nhìn thấy bản phóng lớn của chiếc máy nhỏ đã biến mất trước mắt chúng tôi. Có phần bạch kim, phần ngà, phần chắc chắn phải là do đá được mài hoặc cưa ra mà thành. Chiếc máy đại khái hoàn tất, nhưng có những thanh pha lê làm chưa xong nằm trên bàn cạnh một số biểu đồ. Tôi cầm một thanh lên để nhìn cho kỹ. Hình như là thạch anh.

“Thật không,” ông bác sĩ hỏi, “Tất cả là thật? Hay đây chỉ là một trò đùa - như con ma mà anh dọa chúng tôi giáng sinh năm ngoái?”

“Với chiếc máy này,” kẻ vượt thời gian nói, tay giơ chiếc đèn lên cao, “tôi có ý định khám phá những bí mật của thời gian. Điều ấy rõ ràng với quý vị chứ? Tôi chưa bao giờ nghiêm trang hơn bây giờ cả.”

Chúng tôi chẳng ai biết nên nghĩ gì cho phải.

Tôi gặp ánh mắt của Filby qua vai ông bác sĩ. Hắn nháy làm dấu với tôi, nhưng đó là dấu của một vẻ nghiêm trọng rõ rệt.

CHƯƠNG 2

Lúc ấy có lẽ chẳng ai trong chúng tôi tin vào chiếc máy. Lý do chính là người chế tạo ra nó. Kẻ vượt thời gian thuộc loại người quá khôn ngoan nên trở thành đáng nghi ngờ. Bạn không bao giờ có cảm tưởng đã biết những điều cần biết về hắn; đằng sau vẻ thành thật, bạn luôn luôn có cảm giác như hắn ẩn giấu, che đậy một điều khó dự phòng, hoặc một trò quỷ quái, chờ đúng lúc bất ngờ mới tung ra. Nếu thay vì kẻ vượt thời gian mà là Filby, có lẽ chúng tôi đỡ nghi hơn. Vì chúng tôi hiểu con người của Filby - đúng hơn phải nói ngay cả anh chặt thịt heo ngoài chợ cũng hiểu Filby. Ngược lại, kẻ vượt thời gian luôn luôn có một nét kỳ quái; chúng tôi không thể tin hắn được. Mọi việc đều trở thành quá dễ dàng trong tay hắn. Những đặc tính được coi là đơn giản ở người khác, nếu hắn có cũng bị coi là phức tạp. Ngay cả những người nể vì kẻ vượt thời gian cũng không dám đoán hắn sẽ làm gì; như thế có sự hiểu ngầm rằng nếu đặt danh dự vào việc tin tưởng hắn cũng chẳng khác nào gửi đồ sứ dễ bể ở một trường dạy con nít mẫu giáo.

Vì vậy chúng tôi chẳng nói gì nhiều về chuyện vượt thời gian giữa thứ năm tuần đó và thứ năm tuần sau; mặc dù chắc chắn trong đầu óc mỗi người đều ngập đầy những suy nghĩ: chuyện vượt thời gian có trái khoa học không, nếu không trái khoa học thì có chắc thực hiện được không? Mà nếu đã về quá khứ, thấy rõ sự thật, thì phải làm gì về những đoạn viết sai trong lịch sử? Riêng tôi bị ám ảnh thật nhiều bởi trò “ảo thuật” của hắn. Tôi nhớ tôi có bàn chuyện này với ông bác sĩ vào thứ sáu lúc gặp nhau ở Linnaean. Ông nói là đã tận mắt chứng kiến một trò tương tự ở Tübingen. Theo ông, mấu chốt là lúc ngọn nến bị thổi tắt. Nhưng ông không giải thích nổi trò ấy được làm như thế nào.

Thứ năm tuần kế tiếp tôi lại đến Richmond - hình như tôi là một trong những người khách thường trực nhất của kẻ vượt thời gian. Hơi trễ giờ, đến nơi tôi đã thấy bốn năm người ngồi sẵn ở phòng khách. Ông bác sĩ đứng cạnh lò sưởi, một tay cầm một mảnh giấy, tay kia cầm đồng hồ. Tôi nhìn quanh tìm kẻ vượt thời gian.

“Bảy giờ rưỡi rồi,” ông bác sĩ nói, “chắc mình dùng bữa trước đi.”

“Hắn đâu?” tôi hỏi.

“Anh mới tới phải không? Lạ lắm. Hắn có chuyện kệt. Hắn có viết trong mảnh giấy này, nhờ tôi mời mọi người dùng bữa lúc bảy giờ nếu không thấy mặt hắn. Hắn nói sẽ giải thích tất cả khi trở lại.”

“Để đồ ăn nguội hết thì thật uổng,” anh chủ một tờ báo khá sáng giá trong địa phương lên tiếng. Nghe vậy, ông bác sĩ liền bấm chuông làm hiệu cho dọn thức ăn ra.

Trong những người có mặt tuần trước, lần này chỉ thấy ba người là tôi, nhà tâm lý học, và ông bác sĩ. Những khuôn mặt kia gồm có Blank, anh chủ báo mà tôi đã nhắc đến, một ký giả, và một ký giả khác - một người im lặng, nhút nhát để râu quai nón - mà tôi không quen biết; và nếu tôi nhớ không lầm, hình như ông ta không hề mở miệng một lần nào suốt đêm đó. Chúng tôi vừa ăn vừa đoán mò về lý do vắng mặt của chủ nhà, mà tôi nửa đùa nửa thật nói là chắc còn bận vượt thời gian. Anh chủ báo nghe vậy sinh thắc mắc, nhà tâm lý học bèn giải thích đại khái cho anh nghe về cái “thuyết nghịch lý và trò ảo thuật đầy sáng tạo” mà chúng tôi mục kích tuần trước. Trong khi ông còn đang giải thích thì cánh cửa hành lang mở ra một cách chậm chạp và lặng lẽ. “Chào!” Tôi nói. “Cuối cùng anh đã về!” Cánh cửa mở rộng hơn, kẻ vượt thời gian đứng

trước mắt chúng tôi. Tôi chấm dứt câu nói bằng một tiếng kêu kinh ngạc.

“Trời ơi! Chuyện gì đã xảy ra cho anh vậy?” Ông bác sĩ thốt lên. Ông là người thứ hai nhìn thấy hẳn. Mọi người không hẹn mà cùng quay về phía cánh cửa.

Kẻ vượt thời gian ở trong một tình trạng mê mẩn. Chiếc áo khoác bám bụi dơ bẩn, tay áo dính bê bết màu xanh. Tóc hẳn rối bù, tôi có cảm tưởng đã bạc hẳn đi - không hiểu vì bụi bám hay vì thực sự thay màu. Mặt hẳn xanh như tàu lá. Cầm hẳn có một vết đứt chưa lành hẳn. Nét mặt hẳn khốn khổ và mệt mỏi, như đã trải qua những đau đớn ghê gớm. Hẳn đứng phân vân ở ngưỡng cửa một chút, như bị chói mắt bởi ánh đèn. Rồi hẳn bước vào, khập khiễng như một kẻ bụi đời bị bệnh đau chân. Chúng tôi im lặng nhìn, chờ đợi hẳn lên tiếng.

Nhưng hẳn không nói, chỉ tiến tới bàn như một người đang bị cơn đau hành hạ. Tay hẳn với chai rượu vang. Anh chủ báo liền đổ champagne vào đầy một chiếc ly, đẩy về phía hẳn. Hẳn uống cạn, rượu hình như giúp hẳn phần nào bình phục: vì hẳn bắt đầu nhìn quanh, trên môi hiện ra bóng dáng của nụ cười quái dị quen thuộc.

“Anh đã làm chuyện gì vậy?” Ông bác sĩ hỏi. Kẻ vượt thời gian hình như không nghe thấy. “Xin lỗi đã làm phiền quý vị,” hẳn nói bằng một giọng không mấy thông suốt. “Tôi không sao cả.” Hẳn ngừng lại, đưa ly ra đòi thêm rượu, và tức thì uống cạn. “Ngon thật”, hẳn nhận xét. Mắt hẳn sáng hơn lên, và một chút sinh khí trở lại trên đôi gò má. Mắt hẳn đảo qua chúng tôi như muốn tỏ một sự biểu đồng tình thiếu hăng hái. Hẳn đi vòng quanh căn phòng, rồi lại nói, như vẫn cố tìm một cách phát biểu thích hợp. “Tôi phải đi tắm và thay quần áo, rồi tôi sẽ xuống đây giải thích mọi chuyện... Nhớ để lại cho tôi một chút thịt cừu. Tôi thèm thịt lắm rồi.”

Hẳn nhìn xéo qua anh chủ báo, một người khách hiếm khi gặp, và hỏi thăm sức khỏe. Anh chủ báo đặt một câu hỏi. “Tôi có thể nói với ông,” hẳn trả lời, “là ngay bây giờ tôi chưa được bình thường lắm. Nhưng cho tôi một phút, tất cả sẽ đều tốt đẹp.”

Hẳn đặt ly xuống đi về phía cửa. Tôi lại chú ý đến dáng khập khiễng của hẳn, những bước chân đi như vật nặng kéo lê trên sàn. Từ chỗ đứng, tôi nhìn thấy hai bàn chân hẳn. Hai bàn chân không mang giày, chỉ có một đôi vớ rách rưới lấm tẩm máu. Cánh cửa đã đóng lại sau lưng hẳn mà nửa hồn tôi còn như muốn tìm theo những bước chân, rồi tôi nhớ lại là hẳn vốn ghét sự chú ý quá đáng của người khác. Đầu óc tôi rối như mớ bòng bong đến cả phút đồng hồ. Rồi tôi nghe anh chủ báo nói: “Thái độ kỳ lạ của một khoa học gia tên tuổi.” Câu nói nghe như tí của một bài báo đã đánh thức tôi trở lại với cõi thật của chiếc bàn ăn sáng sửa trước mặt.

“Trò gì vậy?” anh ký giả hỏi. “Hẳn chơi trò kích sĩ tài tử à? Tôi thật không hiểu.” Tôi bắt gặp ánh mắt của nhà tâm lý học, và đọc thấy ý nghĩ của tôi trên mặt ông ta. Tôi nghĩ về kẻ vượt thời gian đang khập khiễng đau đớn trên lầu. Tôi cho rằng tôi là người duy nhất để ý đến tình trạng bất bình thường của đôi chân hẳn.

Người thứ nhất hoàn toàn hồi tỉnh là ông bác sĩ. Ông rung chuông gọi một đĩa đồ ăn nóng - kẻ vượt thời gian không thích đầy tớ đứng hầu bàn trong bữa ăn. Thấy thế, anh chủ báo vừa hít hà vừa quay qua cầm dao nĩa lên; ông ký giả im lặng tức khắc làm theo. Bữa ăn tiếp tục. Những câu nói tiếp đó pha đầy sừng sốt xen vào với sự ngạc nhiên; và rồi anh chủ báo không còn dằn nổi tò mò nữa. “Bộ anh bạn của chúng ta thành lĩnh đánh mất cái lợi tức khiêm nhượng của hẳn rồi sao? Hay là hẳn tự nhiên lên cơn sáng?” Anh hỏi. “Tôi chắc chuyện này phải dính tới cái máy vượt thời gian,” tôi nói, và tiếp câu chuyện nhà tâm lý học kể dở dang lúc nãy. Những người khách mới rõ ràng là không tin. Anh chủ báo phản ứng. “Hẳn đã vượt thời gian à? Người ta đâu thể nào dính bụi đầy áo vì cuộn mình trong đồng đất của sự nghịch lý, phải không quý vị?” Rồi, cơn hứng nổi lên, anh xoay qua chuyện đùa cợt. “Bộ người tương lai không có bàn chải phủi bụi quần áo sao?” Anh ký giả cũng không tin một chút nào. Anh hòa theo, lấy câu chuyện để đùa bỡn. Họ thuộc lớp nhà báo tân thời, những người trẻ, vui vẻ, không biết nể nang gì cả.

“Đặc phái viên của chúng tôi loan tin trong ngày mốt rằng...” anh ký giả đang nói, đúng ra là đang hét lớn, giữa chừng thì kẻ vượt thời gian trở lại. Hắn mặc một bộ đồ đêm bình thường, và tất cả những nét đổi thay khiến tôi sửng sốt lúc này đã hoàn toàn biến mất, còn chẳng là nét thâm trên khuôn mặt hắn mà thôi.

Anh chủ báo đùa: “Mấy tay này nói với tôi là anh đã vượt thời gian tới giữa tuần tới! Nói cho chúng tôi biết về cô bé Rosebery đi, được không? Muốn đòi gì anh cứ cho biết, rồi mình tính với nhau.”

Kẻ vượt thời gian im lặng đến chiếc ghế đã dành sẵn cho hắn. Ngồi xuống rồi, hắn nở nụ cười nhẹ quen thuộc. “Thịt cừu của tôi đâu?” hắn nói. “Lại được ghim nĩa vào thịt quả là một hạnh phúc!”

“Kể chuyện đi chứ!” anh chủ báo giục.

“Không chuyện trò gì cả!” kẻ vượt thời gian đáp. “Tôi muốn ăn cái đã. Tôi không nói một chữ nào hết cho đến khi bơm đủ protein vào mạch máu. Cám ơn. Xin cho một chút muối.”

“Vậy thì một chữ thôi,” tôi yêu cầu. “Anh vừa đi vượt thời gian phải không?”

“Phải,” kẻ vượt thời gian vừa trả lời vừa gạt đầu, trong khi miệng vẫn còn đầy thức ăn.

“Tôi trả một shilling mỗi dòng cho người nào ghi lại từng chữ,” anh chủ báo nói. Kẻ vượt thời gian đẩy cái ly về phía người im lặng, và ra dấu bằng cách gõ nhẹ móng tay vào thành ly. Người im lặng đang chăm chăm nhìn thấy vệt vàng cuống quýt rót rượu vào đầy ly cho hắn. Những phút kế tiếp của bữa ăn không thoải mái chút nào. Phần tôi, những câu hỏi cứ đột ngột muốn trào ra miệng, và tôi dám chắc những người khác cũng thế. Anh phóng viên cố phá tan bầu không khí nặng nề bằng cách kể vài câu chuyện về Hettie Potter. Kẻ vượt thời gian chăm chú ăn. Hắn ăn khỏe như một kẻ bụi đời đói khát. Ông bác sĩ châm một liều thuốc, nhú mày trầm tư quan sát kẻ vượt thời gian. Người im lặng càng tỏ ra lúng túng, ông ta uống champagne từng ngụm lớn hết ly này sang ly khác rõ ràng chỉ vì bối rối.

Cuối cùng, kẻ vượt thời gian đẩy chiếc đĩa qua một bên và đảo mắt nhìn chúng tôi. “Chắc tôi phải yêu cầu quý vị tha lỗi,” hắn nói. “Chỉ vì tôi đói quá. Tôi đã trải qua những giờ phút kỳ lạ ngoài sức tưởng tượng.” Hắn vớ tay lấy một liều xì gà và cắt đầu thuốc ra. “Chúng ta hãy qua phòng hút thuốc. Câu chuyện quá dài, kể bên cạnh những chiếc đĩa đầy dầu mỡ không hợp.” Vừa đi vừa rung chuông báo hiệu cho đầy tớ biết bữa ăn đã chấm dứt, hắn dẫn chúng tôi sang phòng bên cạnh.

“Anh đã nói cho Blank, Dash, và Chose biết về chiếc máy?” hắn hỏi tôi, nhắc đến tên ba người khách mới, trong khi tựa lưng trên chiếc ghế xoay.

“Nhưng câu chuyện chỉ là một nghịch lý,” anh chủ báo nói.

“Tôi không thể tranh luận với ai tối nay. Tôi rất sẵn sàng kể cho quý vị nghe mọi chuyện, nhưng tôi không thể tranh luận. Tôi sẽ,” hắn tiếp, “kể cho quý vị nghe về những chuyện đã xảy đến cho tôi, nhưng quý vị phải hứa là sẽ dần lòng không ngắt lời tôi mới được. Tôi muốn kể chuyện. Muốn kinh khủng. Gần như toàn thể câu chuyện sẽ giống như những lời nói dối. Chẳng sao! Tất cả là sự thật - từng chữ một, chỉ đơn giản như thế. Bốn giờ chiều nay tôi có mặt trong phòng thí nghiệm, và từ lúc ấy... tôi đã trải qua tám ngày... những ngày mà chưa một người nào khác từng sống! Tôi gần như hoàn toàn kiệt lực, nhưng tôi không thể ngủ cho đến khi tôi kể hết mọi chuyện cho quý vị nghe. Rồi tôi sẽ yên tâm nghỉ ngơi. Nhưng không được ngắt lời! Đồng ý chứ?”

“Đồng ý,” anh chủ báo nói, và chúng tôi phụ họa, “đồng ý.”

Thế là kẻ vượt thời gian bắt đầu câu chuyện của hắn, chính là những điều mà tôi sắp viết ra đây. Ở đoạn đầu câu chuyện, hắn tựa lưng vào ghế, kể lể như một người mệt mỏi. Sau một lát, hắn trở nên sống động. Tôi biết thật rõ là với giới hạn của bút mực và với khả năng ngôn ngữ thiếu sót của tôi, thật không thể nào diễn tả sức lôi cuốn của câu chuyện đến nơi đến chốn. Tôi đoán là bạn sẽ đọc với mọi sự chú tâm; nhưng bạn không được thấy khuôn mặt trắng nhợt đầy nét chân thành của người kể lung linh dưới ánh sáng của ngọn đèn nhỏ, bạn cũng không được nghe những biến đổi trong giọng nói của hắn. Bạn không thể thấy những biểu lộ trên nét mặt hắn phù hợp với diễn biến của câu chuyện như thế nào! Chúng tôi, những người nghe đều ở trong bóng tối, vì những ngọn nến trong phòng không hề được thắp lên. Chỉ có khuôn mặt của anh phóng viên và khoảng chân từ đầu gối trở xuống của người im lặng là được ánh đèn chiếu tới. Lúc đầu thỉnh thoảng chúng tôi còn quay sang nhìn nhau. Một lúc sau chúng tôi không nhìn nhau nữa, tất cả mọi đôi mắt đều dán vào khuôn mặt của kẻ vượt thời gian.

CHƯƠNG 3

“Tuần trước, một số trong quý vị đã nghe tôi trình bày nguyên tắc của chiếc máy thời gian và đã thấy nó - ở tình trạng chưa hoàn tất - trong phòng làm việc của tôi. Bây giờ nó vẫn đang ở đó, trầy xước chút đỉnh sau chuyến đi. Một cái cần bằng ngà bị nứt, và một cái lườn đồng bị cong; nhưng những bộ phận khác vẫn còn hoàn hảo.”

“Tôi cứ tưởng có thể hoàn thành chiếc máy vào thứ sáu tuần trước, nhưng rồi tôi khám phá một thanh bạch kim bị ngăn đúng hai phân rưỡi, buộc lòng phải làm thanh khác, thành thử sáng hôm nay mới xong. Đúng mười giờ sáng, chiếc máy bắt đầu cuộc đời của nó. Tôi kiểm soát lại một lần cuối, vặn chắc những đinh ốc, nhỏ thêm một giọt nhớt vào chỗ nối cái cần thạch anh. Rồi tôi ngồi vào máy. Chắc những kẻ tự tử trong phút giây kề súng vào đầu mình cũng mang tâm trạng y hệt như tôi lúc ấy. Một tay tôi đặt trên cần số, tay kia đặt trên cần thắng. Người tôi đảo lộn vì cái cảm giác như người nằm mơ thấy mình rớt vào hố thẳm. Nhìn quanh, tôi vẫn thấy căn phòng thí nghiệm, tất cả y hệt như cũ. Có chuyện gì xảy ra chưa? Trong thoáng giây sau đó, tôi tưởng khả năng suy luận đã đánh lừa tôi. Nhưng rồi tôi nhìn lên đồng hồ. Ngay trước khi tôi kéo cần số, nó chỉ mười giờ hơn một phút gì đó, bây giờ nó đã chỉ ba giờ rưỡi.”

“Tôi thở mạnh, nghiêng rằng, nắm cần số bằng cả hai tay, ấn mạnh xuống. Phòng thí nghiệm mờ đi rồi tối sầm lại. Bà Watchett vào phòng rồi ra bằng cánh cửa dẫn tới sau vườn. Hình như bà không hề thấy tôi. Tôi ước lượng muốn đi qua căn phòng bà phải mất khoảng một phút, nhưng tôi lại thấy bà bắn ngang nhanh như một chiếc hỏa tiễn. Tôi ấn cần số xuống mức tận cùng. Đêm đến như người ta tắt một ngọn đèn, và trong chớp mắt đã là buổi sáng. Căn phòng thí nghiệm càng lúc càng trở thành mờ nhạt. Đêm hôm sau mang màu đen tối, rồi ngày, rồi lại đêm, lại ngày thay đổi mỗi lúc một nhanh. Những tiếng lùng bùng vang trong tai tôi như từng đợt sóng, đầu óc tôi tràn ngập một cảm giác khủng hoảng lạ lùng.”

“Tôi e tôi không thể diễn tả trọn vẹn những cảm giác kỳ dị mà tôi trải qua trong lúc vượt thời gian. Khó chịu kinh khủng. Tôi có cảm giác bất lực của một người bị phóng nhanh về bóng tối phía trước. Tôi cũng có cảm giác của một người biết trước là nếu không ngừng lại sẽ bị chạm vào một cái gì đó mà tan xác. Vận tốc càng tăng, đêm nối theo ngày như nhịp vỗ của một đôi cánh đen. Nét mờ nhạt của căn phòng thí nghiệm hình như rời xa tôi. Tôi thấy mặt trời từ dưới phóng lên cao mỗi phút, mỗi phút đánh dấu một ngày. Tôi đoán căn phòng thí nghiệm đã bị phá huỷ và tôi đã ra ngoài không khí. Tôi có cảm giác thoáng qua như thấy những tấm ván được dùng làm sàn cho thợ hồ xây cất, nhưng vì đang đi quá nhanh nên không thể nhận rõ bất cứ vật gì. Con ốc sên chậm chạp nhất cũng trở thành quá nhanh đối với tôi. Mắt tôi như không còn chịu nổi sự biến đổi chớp nhoáng giữa bóng tối và ánh sáng.”

“Rồi trong những khoảng tối ẩn hiện, tôi thấy mặt trăng xoay chuyển nhanh chóng từ khuyết đến tròn, và bóng mờ của những ngôi sao xoay vần trên bầu trời. Vận tốc vẫn gia tăng, sự biến đổi giữa ngày đêm đã hoà thành một màu xám liên tục; bầu trời biến ra một màu xanh đậm huy hoàng, loại màu óng ánh của những buổi chiều đẹp sắp chuyển qua đêm tối; mặt trời trở thành một lần lửa cong rực rỡ đứng yên trên không trung; mặt trăng như một lần khác, nhạt hơn và xoay động nhiều hơn. Tôi không thấy những vì sao nữa, ngoại trừ thỉnh thoảng có một khoảng sáng lập loè lẫn vào giữa vùng xanh thẳm.”

“Khung cảnh mờ ảo như có phủ sương. Tôi vẫn ở trên sườn của chiếc đồi này, đỉnh của nó ở phía trên tôi nhạt nhòa sắc xám. Tôi thấy cây cối mọc và thay đổi như những đợt hơi nước,

vàng, rồi xanh; cỏ trời lên, lan tràn, rồi chết. Tôi thấy những tòa nhà khổng lồ vươn cao, mờ và đẹp, rồi biến tan như mộng. Mặt địa cầu hình như biến đổi - chảy tan dưới mắt tôi. Chiếc kim chỉ vận tốc quay càng lúc càng nhanh hơn. Tôi thấy đường cung mặt trời thụt lên thụt xuống, từ vị trí này đến vị trí kia, và từ đó tôi biết cứ mỗi phút tôi vượt khoảng một năm; mỗi phút tuyết phủ xuống địa cầu, tan biến, rồi nhường chỗ cho màu xanh tươi ngấn ngủi của mùa xuân."

"Những cảm giác khó chịu lúc đầu bắt đầu gay gắt rồi gom nhập vào nhau thành một khối lạc điên cuồng. Chiếc máy thỉnh thoảng lắc qua lắc lại, tôi biết thế mà không hiểu lý do. Nhưng đầu óc tôi không còn tỉnh táo để bận tâm đến điều ấy. Với một sự điên dại tăng dần, tôi phóng tới tương lai không do dự. Đã có lúc tôi toan ngừng lại; nhưng rồi một loạt cảm giác của tò mò pha lẫn sợ hãi liên tục tràn lên, ngự trị tôi hoàn toàn. Thế là tôi cứ đi tới trước."

"Tôi nghĩ đến biết bao nhiêu bước tiến lạ kỳ của nhân loại, bao nhiêu phát kiến tuyệt vời so với nền văn minh sơ khai hiện tại mà tôi không thể nào nhận biết rõ ràng qua hình ảnh của cái thế giới mờ ảo, khó phân định, đang hiện ra rồi biến đi vùn vút. Tôi thấy những công trình kiến trúc nguy nga, đồ sộ hơn bất cứ dinh thự lâu đài nào của chúng ta, mọc lên chung quanh; vậy mà chỉ mong manh như sương khói. Tôi thấy một màu xanh tươi đẹp tràn phủ lên đồi, lưu lại đó, không bị gián đoạn bởi mùa đông tuyết giá. Mặc dù tâm thần đang hỗn loạn, tôi thấy trái đất thật đẹp dễ. Và tôi nghĩ đến việc dừng lại."

"Nhưng nếu có bất cứ vật gì chiếm cùng khoảng không gian với tôi hoặc với chiếc máy thì thật là vô cùng nguy hiểm. Một khi tôi còn đi thật nhanh trong thời gian thì chẳng sao hết; vì tôi chỉ như một làn hơi luồn lách dễ dàng qua những kẻ hở của mọi vật thể. Nhưng ngừng lại có nghĩa là mỗi một phân tử trong thân thể tôi sẽ va chạm vào bất cứ vật gì chiếm cùng chỗ với nó. Rất có thể sự va chạm đó sẽ khiến mọi nguyên tử nổ tung, đưa tôi và chiếc máy thời gian về một cõi nào không biết. Khi chế tạo chiếc máy, tôi từng nhiều lần nghĩ đến điều này, và đã vui vẻ chấp nhận tất cả mọi hậu quả tàn khốc như đòi hỏi liều lĩnh phải có của đời sống. Nhưng lúc đối diện với thực tế, tôi thấy mình không còn nhìn sự việc vui vẻ như thế nữa."

"Sự kỳ lạ tột cùng của mọi diễn biến, độ rung lắc của chiếc máy, và nhất là cảm giác của một người bị rơi càng lúc càng nhanh vào khoảng trống vô tận khiến hệ thống thần kinh của tôi nhện nhện. Tôi nhủ: "Có lẽ mình chẳng thể nào ngừng lại." Nhưng bất ngờ, như một gã điên nóng nảy, tôi chồm tay kéo lút cần thắng. Tức thì chiếc máy thời gian lật úp, ném văng tôi ra ngoài không khí."

"Có tiếng sấm vang vào tai tôi. Hình như tôi chới với một lúc. Quanh tôi một trận mưa đá đang đổ xuống loạn cuồng; rồi tôi nhận ra mình đang ngồi trước chiếc máy thời gian lật úp. Vạn vật như vẫn còn mang màu xám, nhưng những tiếng ù trong tai tôi đã tan biến. Tôi nhìn quanh. Chỗ tôi đang ngồi hình như là một thảm cỏ trong một khu vườn, với nhiều bụi cây trường thành bao quanh. Những đóa hoa tím nhạt và đậm rơi đầy trong cơn mưa đá. Những cục nước đá chạm vào chiếc máy thời gian, bật lên tung toé như một cụm mây nhỏ, rồi rớt xuống chạy dài trên đất như những làn khói ngẩn. Chỉ trong nháy mắt, tôi đã ướm như chuột lột. 'Hay nhỉ', tôi thốt lên, 'bạc đãi một người vượt thời gian vô tận để đến đây'."

"Nghĩ mình để bị ướm như vậy thật là dại, tôi đứng dậy, nhìn quanh. Một hình thù khổng lồ, hình như được đúc bằng đá trắng, hiện ra mờ mờ trong làn mưa sau những bụi trường thành trải dài liên tiếp. Đó là tất cả những gì tôi thấy."

"Thật khó diễn tả cảm giác của tôi lúc ấy. Khi lớp mưa đá mỏng dần, tôi thấy cái khối màu trắng rõ hơn. Quả thực khổng lồ, vì ngọn cây bạch thụ bên cạnh chỉ chấm tới hai phần ba của nó. Đó là một khối cẩm thạch, giống như các khối hình sư tử có cánh vĩ đại của sa mạc Trung Đông, nhưng đôi cánh thay vì xếp thẳng đứng lại xoè ra tạo thành dáng điệu như đang bay bổng. Những bậc thềm hình như bằng đồng thau, với hoen đồng xanh lướt phủ đầy. Đôi mắt vô

hồn của con sư tử đá như đang nhìn tôi, và như có nét cười trên đôi môi nó. Nó đã bị tàn phá bởi thời gian, và cho tôi một cảm giác của sự bệnh hoạn. Tôi đứng nhìn nó nửa phút, mà cũng có thể là nửa giờ đồng hồ. Nó như lùi lại, tiến lên tùy theo lớp mưa đá dày hơn hay mỏng bớt. Cuối cùng tôi quay mặt đi phía khác; trận mưa đá đã chỉ còn những hạt nhỏ li ti, không gian sáng lên hứa hẹn sự xuất hiện của mặt trời.”

“Tôi lại nhìn về phía con sư tử đá khổng lồ, và đột nhiên thấy chuyển đi của mình thật quá liều lĩnh. Việc gì sẽ xảy ra khi màn mưa đá mờ ảo kia hoàn toàn biến mất? Có chuyện gì không thể xảy ra cho loài người? Biết đâu sự tàn bạo đã trở thành tình cảm bình thường? Biết đâu con người đã mất hẳn nhân tính, trở thành một loài vô cảm xúc, với những khả năng cực kỳ ghê gớm? Biết đâu tôi sẽ bị coi như một con thú hoang của một thời quá khứ, với nét tương tự về hình dáng càng gây thêm sự bức tức khó chịu, một con vật dơ bẩn cần bị giết ngay lập tức?”

“Nhờ cơn mưa giảm bớt, tôi bắt đầu nhìn thấy những kiến trúc đồ sộ khác - những tòa nhà khổng lồ với ban công phức tạp và cột vút cao, bao quanh bởi cây cối phủ kín ngọn đồi. Tôi đâm ra hoảng hốt. Vội vàng, tôi chạy đến chiếc máy thời gian, cố tìm cách lật nó trở lại về vị trí đúng. Lúc ấy, ánh mặt trời tràn ra. Màn mưa bị kéo sang một bên, rồi tan biến như mảnh áo sau cùng của một bóng ma. Trên đầu tôi là bầu trời xanh của một ngày mùa hạ, vài thoáng mây nâu mờ chạy vào cõi hư vô. Những tòa nhà khổng lồ hiện rõ quanh tôi, lấp lánh dưới ánh mặt trời vì những giọt mưa đọng lại, và nổi bật trên nền trắng tạo thành bởi những hạt mưa đá chưa kịp tan còn nằm trên mặt đất. Tôi thấy mình như kẻ trần trụi trong một thế giới xa lạ. Tôi có cảm tưởng như một con chim nhỏ đang bay, biết rằng phía trên cao có con ưng sắp nhào xuống chụp lấy mình. Con sợ hãi biến thành khủng hoảng, tôi thở vội lấy hơi, nghiêng rằng cố ghì chiếc máy thời gian, không những chỉ với hai bàn tay, mà với cả cổ tay, đầu gối. Không cưỡng nổi cố gắng tuyệt vọng của tôi, nó lật lại, đụng mạnh vào cằm khiến tôi đau điếng. Một tay đặt trên chỗ ngồi, tay kia trên cần số, tôi vừa thở dốc vừa lén lút cố leo lên chiếc máy.”

“Nhưng vừa biết rằng mình có thể trốn thoát, sự can đảm liền trở lại với tôi. Tôi lại nhìn, lần này tò mò nhiều hơn là sợ hãi, cái thế giới của một tương lai xa xôi. Qua khung cửa sổ tròn trên cao một tòa nhà gần đó, tôi thấy một nhóm người trong y phục mềm mại đắt tiền. Họ cũng đã thấy tôi, và tất cả đều quay mặt ra nhìn.”

“Rồi tôi nghe tiếng người đến gần. Qua những bụi cây gần tòa nhà sư tử trắng, tôi thấy đầu và vai của những người đang chạy. Từ con đường nhỏ dẫn tới thảm cỏ, người đầu tiên của tương lai xuất hiện trước mắt tôi. Hẳn rất nhỏ con - có lẽ khoảng một thước hai (4 feet), mặc loại y phục mềm một mảnh có đeo thắt lưng (từ đây tôi sẽ gọi là nhất y cho gọn). Chân hẳn đeo một loại như guốc hoặc sandals, ngoài ra để trần từ đầu gối trở xuống, và đầu hẳn không đội nón. Nhìn hẳn tôi chợt để ý là không khí xung quanh thật nóng.”

“Hắn cho tôi cảm tưởng của một người thật đẹp trai, diu dàng, nhưng vô cùng yếu đuối. Nét mặt hồng của hẳn khiến tôi nghĩ tới cái đẹp của những người bị bệnh lao - cái đẹp cuồng nộ mà chúng ta từng nghe nhiều lần. Nhìn hẳn, tôi đột nhiên sinh ra tự tin. Thế là tôi buông tay ra khỏi chiếc máy thời gian.”

CHƯƠNG 4

“Chúng tôi, tôi và con người yếu ớt của tương lai, đứng đối diện nhau trong khoảnh khắc. Hắn đến bên tôi và cười phá lên. Sự vắng mặt của những dấu hiệu chứng tỏ hắn sợ hãi ngay lập tức làm tôi ngạc nhiên. Rồi hắn quay qua hai người kia và nói với họ bằng một giọng lạ lùng nhưng rất ngọt và uyển chuyển.”

“Có những người khác đi tới, và đây là một nhóm khoảng bảy hay tám người mảnh khảnh vây quanh tôi. Một người trong bọn lên tiếng hỏi. Tôi sực nhớ ra rằng tiếng nói của mình quá khàn và trầm, cho nên tôi lắc đầu và chỉ vào tai mình, lắc đầu lần nữa. Người đó tiến tới một bước, rụt rè, và sờ tay tôi. Rồi tôi cảm thấy những xúc tua mềm mại nhỏ xíu trên lưng và vai. Họ muốn biết chắc rằng tôi có thật. Không hề có một chút gì thù địch trong những cử động của họ. Quả thật, có cái gì đó trong những con người nhỏ bé đẹp đẽ này toát ra sự tự tin - sự nhã nhặn duyên dáng, nét ngây thơ hiển nhiên của trẻ con. Và bên cạnh đó, họ rất yếu đuối, đến nỗi tôi tưởng tượng một mình tôi có thể nhắc bổng một tá người như họ trong trò chơi ky chín con (ninepins). Nhưng tôi chỉ làm một cử chỉ đe dọa khi thấy những bàn tay hồng hào rờ rẫm chiếc máy thời gian. Tôi nghĩ đến một nguy hiểm mà tôi hầu như quên bẵng cho đến giờ và hấp tấp vươn đến những thanh ngang của chiếc máy, tháo những cái đòn bẩy nhỏ xíu dùng để khởi động nó, và mừng rỡ bỏ chúng vào túi trước khi quá muộn. Rồi tôi quay lại, suy nghĩ làm cách nào để chuyện trò với họ.”

“Nhìn gần hơn, tôi thấy vài nét sâu xa riêng biệt trong vẻ đẹp kiểu Dresden-China của họ. Tóc uốn cong một cách đều đặn, đuôi tóc ở cổ và gò má để nhọn; không một gợi ý thêm bớt về khuôn mặt, dù là đường nét mờ nhạt nhất, lỗ tai của họ đặc biệt nhỏ. Chiếc miêng cũng nhỏ với đôi môi mỏng đỏ thắm và chiếc cằm nhọn be bé. Đôi mắt lớn, diu dàng; và - có lẽ là tính tự cao tự đại của tôi - tôi cho rằng hiển nhiên có một sự kém hấp dẫn nơi họ, không như tôi hằng mong muốn.”

“Họ không tỏ vẻ muốn trò chuyện với tôi, chỉ đứng chung quanh tôi mỉm cười và thì thầm trao đổi với nhau những âm thanh nhẹ nhàng. Tôi bắt đầu cuộc nói chuyện. Tôi chỉ vào chiếc máy thời gian và tôi. Rồi do dự tìm cách diễn tả thời gian trong một chốc, tôi chỉ lên mặt trời. Ngay lập tức một người nhỏ bé xinh đẹp trong y phục kẻ ô vuông tím và trắng làm theo điệu bộ của tôi và làm tôi hết sức ngạc nhiên bằng cách bắt chước tiếng sấm.”

“Trong chốc lát, tôi sửng sốt, mặc dù ngụ ý trong dáng điệu của hắn ta vừa đủ rõ. Câu hỏi đến trong trí tôi một cách đột ngột: những người này ngó ngàng chẳng? Quý vị có lẽ khó hiểu câu hỏi chần động tôi cỡ nào. Thấy đấy, tôi luôn luôn mong đợi rằng những người của năm tám trăm ngàn và hai ngàn lẻ sẽ là phi thường về mặt kiến thức, nghệ thuật, tất cả... Rồi một người trong bọn đột nhiên hỏi tôi một câu cho thấy trí thông minh của anh ta ở vào mức độ của một đứa trẻ lên năm - anh ta hỏi tôi, có thật tôi đến từ mặt trời trong một cơn bão! Việc này làm lung lay sự đánh giá mà tôi đã dựa trên những bộ áo quần của họ, những cánh tay mảnh dẻ, và những đặc điểm yếu đuối. Một cơn thất vọng chạy ngang qua đầu tôi. Thoáng chốc, tôi có cảm tưởng tôi đã chế tạo chiếc máy thời gian trong sự vô ích.”

“Tôi cúi đầu, chỉ lên mặt trời, và tặng lại một tiếng vỗ tay vang như sấm, khiến họ giật mình. Tất cả bọn họ lui lại một bước và cúi chào. Rồi một người vừa cười vừa tiến về phía tôi, mang theo một chuỗi những bông hoa tuyệt đẹp mà tôi chưa hề thấy, choàng lên cổ tôi. Sáng kiến này được ngay một tràng pháo tay tán thưởng. Mọi người chạy đôn chạy đáo tìm hoa, phủ lên đầy cổ, rồi che cả mặt tôi đến nỗi muốn nghẹt thở. Quý vị không chứng kiến tận mắt nên không

thể tưởng tượng những bông hoa của tương lai đẹp tuyệt vời thế nào. Một người lên tiếng, hình như đề nghị với đồng bọn là nên chung bày món đồ chơi (tức là tôi) ở một nơi gần đó, tôi đoán thế vì họ dẫn tôi ngang qua tòa nhà sư tử trắng mà tôi đã nói đến nhiều lần lúc này. Đôi mắt của con sư tử đá khổng lồ như theo dõi, và tôi có cảm tưởng nó đang cười trên sự ngạc nhiên của tôi. Chúng tôi tới trước một tòa nhà xây bằng đá đã bị xói mòn. Vừa đi tôi vừa nhớ lại niềm tin mãnh liệt của mình trước đây về một thế giới tương lai nghiêm trang và trí thức mà không khỏi tức cười.”

“Cửa chính thật lớn, và những phần khác của tòa nhà cũng vĩ đại tương tự. Theo lẽ tự nhiên, tôi nghĩ nhiều nhất đến đám người càng lúc càng tụ về đông đảo, đến những bí mật đang dần hé mở. Nhìn từ tầm cao quá đầu đám người thấp bé, ấn tượng chung chung của tôi về thế giới của họ là một khoảng mênh mông đầy những bụi cây và bông hoa đẹp đẽ, một khu vườn bỏ quên nhưng lại không có dấu vết nào của loài cỏ dại! Tôi thấy những đợt dài, trên là những đóa hoa trắng lạ lùng, đường kính có lẽ đo tới 3 tấc, nở rộ khắp nơi, xen vào giữa những bụi cây đủ loại. Nhưng, như tôi đã nói, tôi không quan sát thật kỹ. Chiếc máy thời gian vẫn còn ở ngoài đồng trống, cạnh những bụi trường thanh.”

“Vòng cung trên cánh cửa được chạm trổ tỉ mỉ. Dĩ nhiên tôi không xem kỹ những vết chạm, nhưng tôi nghĩ tôi thấy chúng có nét Phoenician khi đi ngang qua. Điều khiến tôi chú ý là những vết này đều rất cũ, và bị tàn phá bởi thời gian. Tôi gặp thêm vài người mặc nhất y rực rỡ, họ nhập bọn với chúng tôi và cùng đi vào trong. Trong bộ quần áo sẫm của thế kỷ 19, tôi như một hình ảnh thô kệch, người phủ đầy hoa, giữa những bộ nhất y đủ màu tươi mát, những tay chân người trắng như bông, và những đợt nói cười vang vang như sóng.”

“Qua cánh cửa lớn là một căn phòng vĩ đại giới hạn bởi những bức tường nâu. Trần ở trên cao nên ánh nắng bên ngoài không chiếu tới, nhưng nhờ những khung cửa sổ - có khung trống, có khung được lắp những mảnh kính màu giảm nắng - mà căn phòng có một ánh sáng dịu. Sàn được tạo thành bởi những khối khổng lồ của một thứ kim loại trắng nào đó (không phải mảnh, hoặc miếng, mà là khối). Sàn đã cũ lắm, chắc đã trải qua nhiều thế hệ, vì tôi thấy rõ những đường lõm sâu ở những lối nhiều người đi lại. Xếp thẳng góc với lối đi là những chiếc bàn làm bằng những khối đá mài, cao khoảng 3 tấc khỏi mặt sàn, trên có trái cây xếp thành đồng. Một vài loại trái cây nhìn giống như dâu và cam, nhưng hầu hết tôi chưa từng thấy bao giờ.”

“Giữa những chiếc bàn có những chiếc nệm xếp rải rác. Đám người hướng dẫn tôi ngồi xuống nệm và ra dấu cho tôi làm theo. Không thể thức rườm rà, họ bắt đầu ăn trái cây, ném vỏ, cọng, hột v.v... vào những lỗ hổng tròn ở thành bàn. Tôi làm theo họ không ngại ngùng, vì tôi đã rất đói và khát. Vừa ăn, tôi vừa đảo mắt quan sát căn phòng.”

“Điều khiến tôi chú ý nhất là sự điều tàn của nó. Những tấm kính giảm nắng ở cửa sổ - trang trí bằng các nét kỷ hà đơn giản - đã bị vỡ ở nhiều nơi, những tấm vải màn treo bên dưới phủ bụi dày cộm, và tôi cũng thấy ngay là chiếc bàn đá gần tôi đã bị bể một góc. Tuy vậy, hình ảnh tổng quát vẫn là sang trọng và hùng vĩ.”

“Tôi ước lượng số người đang ăn trong phòng có lẽ tới hai trăm. Ai cũng cố tìm cách đến gần để quan sát tôi cho kỹ. Tất cả đều mặc cùng một loại y phục, làm bằng một thứ giống như lụa, có vẻ mềm nhưng bền chắc.”

“Trái cây là đồ ăn duy nhất của họ. Những con người tương lai này là dân ăn chay, vì vậy trong thời gian ở với họ, dù có khi thêm thịt, tôi cũng phải tập dần thói ăn trái cây. Sau tôi khám phá rằng ngựa, trâu, bò, heo, cừu, chó đều đã tuyệt chủng. Nhưng trái cây của họ cũng rất ngon. Một loại, hình như bao giờ cũng có trong thời gian tôi ở đó, có hình ba góc, cùi bên trong như bột, thì thật tuyệt, tôi luôn luôn chọn làm món ăn chính. Lúc đầu, sự hiện diện của những trái cây và những bông hoa đã khiến tôi vô cùng thắc mắc, mãi sau này tôi mới hiểu ra.”

“Quý vị vừa nghe về bữa ăn trái cây của tôi trong tương lai xa tít. Hơi no rồi, tôi quyết định tìm cách học ngôn ngữ của những người bạn mới. Hiển nhiên đó là việc kế tiếp phải làm. Tên các loại trái cây có vẻ như một cách bắt đầu hợp lý. Tôi cầm một trái lên, cố làm dấu hỏi tên bằng miệng cũng như bằng tay. Thoạt đầu, họ chỉ đáp lại tôi bằng những cái nhìn ngạc nhiên hoặc những tràng cười bất tận, nhưng rồi cũng có một người hiểu ý, lặp đi lặp lại một chữ cho tôi bắt chước. Họ mất khá nhiều thời giờ bàn thảo, giải thích cho nhau; và khi tôi cố gắng lặp lại một cách không mấy chính xác âm thanh líu lo vừa được dạy, họ lại phá lên cười. Không sao! Với sự tự tin của một ông thầy giáo giữa đám học trò nhỏ, tôi cứ tiếp tục. Một lát sau tôi biết một số danh từ, rồi một số đại danh từ, và ngay cả động từ “ăn”. Nhưng tôi phải tốn rất nhiều công phu, và chẳng mấy chốc những người bạn nhỏ bé của tôi đã tỏ vẻ chán, không muốn dạy tôi nữa. Tôi chỉ còn cách để họ dạy mỗi lần một chút. “Một chút” ở đây phải hiểu là vô cùng ít ỏi, vì chẳng bao lâu sau tôi khám phá ra rằng những người bạn nhỏ bé mới quen của tôi là những người lười biếng nhất và mau mệt mỏi nhất mà tôi từng biết.”

“Cũng chẳng bao lâu sau, tôi khám phá rằng họ chẳng hề chú tâm tới một chuyện gì cả. Họ có thể đến gần tôi, kêu lên những tiếng ngạc nhiên như trẻ con gặp vật lạ, nhưng cũng như trẻ con, họ tức thì bỏ rơi tôi để đi tìm món đồ chơi khác. Bữa ăn và cuộc đàm thoại đầu tiên chấm dứt, tôi nhìn quanh, những người trong đám đông gặp tôi ở ngoài vườn và dẫn tôi vào đây đã biến đâu mất. Mà quả thật là lạ, vì chính tôi cũng quên những người mới gặp một cách mau chóng. Con đói vừa hết, tôi bước ra ngoài ánh nắng. Tôi lại gặp thêm nhiều nhóm người của tương lai, nói chung họ đều bước theo tôi một quãng, đùa cợt tíu tít với nhau về tôi, và sau khi cười nói và tỏ vài thái độ thân thiện, họ lại bỏ đi để mặc tôi muốn làm gì thì làm.”

“Sự bình lặng của hoàng hôn đã bắt đầu phủ lên mặt đất, khung cảnh quanh tôi được soi bởi ánh nắng vẫn còn ảm áp của mặt trời sắp lặn. Phải mất khá lâu tôi mới bắt đầu quen với những đổi thay. Tất cả đều khác lạ với những gì tôi quen thuộc, ngay cả những bông hoa. Tòa nhà lớn mà tôi được dẫn vào lúc này nằm trên sườn đồng bằng thoải thoải của một dòng sông rộng, như dòng Thames đã đổi chỗ khoảng một dặm từ vị trí hiện tại của nó. Tôi quyết định đi lên một đỉnh đồi cách nơi đang đứng khoảng một dặm rưỡi vì từ đó tôi có thể nhìn xa để biết rõ hơn cái hành tinh của chúng ta ở năm tám trăm lẻ hai ngàn bảy trăm lẻ một. Về con số dài dằng dặc đó, cũng nên nói là tôi đọc nó từ đồng hồ chỉ năm của chiếc máy thời gian.”

“Vừa đi tôi vừa cố tìm những dấu hiệp giúp tôi giải thích sự huy hoàng đã hoá điêu tàn. Vì khung cảnh quả là điêu tàn thật. Từ chân đồi đi lên một chút chẳng hạn là một đồng đá nối với nhau bằng những khối nhô, những bức tường thẳng đứng kết nối phức tạp như mê cung, những chồng vật liệu nằm ngổn ngang, bị thời gian soi mòn, làm cho rỉ sét, xen lẫn vào đó là những bụi cây dại thuộc họ xếp tầng - có thể là cây tầm ma - nhưng lá xen lẫn ánh nâu thật đẹp và hoàn toàn không có gai sắc. Chắc chắn đây là tàn tích của một công trình kiến trúc vĩ đại và công phu, dựng lên để làm gì thì tôi không thể biết. Chính nơi đó số mạng sau này đã dẫn dắt để tôi có một kinh nghiệm lạ kỳ - chỉ là bước đầu của một khám phá còn lạ kỳ hơn nữa - mà lát nữa tôi sẽ kể khi đến lúc.”

“Nhìn từ một mô đất mà tôi chọn làm chỗ tạm nghỉ, đột nhiên tôi nhận ra là xung quanh không hề có một ngôi nhà nào cả. Hình như loại nhà riêng, và có thể cả hệ thống gia đình nữa, đã biến mất. Đây đó giữa khoảng xanh mênh mông là những tòa chung cư vĩ đại giống như dinh thự, lâu đài; nhưng những căn nhà nhỏ, những túp lều con quen thuộc của đời sống người Anh chúng ta, đều không còn nữa.”

“‘Cộng sản.’ Tôi lẩm bẩm với chính mình.”

“Vừa nghĩ đến đó, óc tôi lại nảy thêm một điều nữa. Tôi nhìn năm sáu người theo sau tôi. Đột nhiên tôi nhận ra y phục của họ đều được may cùng một kiểu, những khuôn mặt không râu đều tương tự, và ngay cả nét mềm mại như con gái của họ cũng tương tự nhau. Thật lạ kỳ, vì trước đó tôi chưa hề để ý đến sự tương tự này. Nhưng trong chuyến đi này của tôi, có gì mà không lạ

kỳ đâu? Bây giờ, tôi nhìn ra sự thật. Y phục, cũng như tất cả mọi sự khác biệt khác giữa hai phái, đều đã trở thành giống nhau ở những con người tương lai. Ngay cả những đứa trẻ, dưới mắt tôi, chỉ là những hình thu nhỏ của cha mẹ chúng. Dựa theo đó, tôi đoán những đứa trẻ ở tương lai phát triển rất sớm, tối thiểu về thể xác; và sau này tôi tìm ra nhiều bằng chứng minh đó là một lời đoán đúng.”

“Nhìn thấy lối sống dễ dãi và hoàn cảnh an toàn mà những người tương lai được hưởng, tôi cho rằng sự tương tự giữa hai phái là một kết quả đoán được. Vì sự mạnh mẽ của phái nam, sự dịu dàng của phái nữ, hệ thống gia đình, và sự khác biệt về nhiệm vụ giữa hai phái chỉ là một hiện tượng bắt buộc cho nhu cầu sống còn của thời đại bạo lực. Khi dân số đã quân bình và đông đảo, việc sinh đẻ nhiều không còn là may mắn mà trở thành một hiểm họa cho tập thể. Khi bạo lực ít xảy ra và khi những đứa bé sơ sinh được bảo đảm an toàn, người ta sẽ bớt cần - thực ra, sẽ không cần nữa - sự đùm bọc của gia đình, và sự phân nhiệm của hai phái nhằm vào việc bảo vệ và nuôi dưỡng những đứa bé sơ sinh sẽ biến mất. Tiến trình này đã tỏ một số dấu hiệu ngay trong thời đại của chúng ta; ở tương lai, nó được hoàn thành. Cần nhắc cho quý vị rõ, những điều vừa kể chỉ là sự ước đoán của tôi lúc đó. Sau này tôi mới bật ngửa vì sự thật lại hoàn toàn khác hẳn.”

“Trong khi suy nghĩ, một vật đập vào mắt tôi. Nó có hình như một cái giếng đẹp, bên trên có mái hình vòng cung. Tôi lơ mơ liên tưởng đến sự kỳ lạ của những cái giếng vẫn còn hiện hữu, rồi lại tiếp tục dòng suy nghĩ. Đường đi lên đồi không có dinh thự nào cả, và sức đi bộ của tôi hẳn nhiên vượt xa những người tương lai. Thế là tôi chỉ còn lại một mình. Một cảm giác kỳ lạ của thôi thúc tự do cũng như ý muốn thám hiểm đẩy tôi dần lên đỉnh đồi.”

“Trên đó tôi thấy một chiếc ghế làm bằng một thứ kim loại màu vàng mà tôi không biết tên, hai chỗ để tay được đúc và mài dũa thành hình con sư tử. Ghế đã cũ lắm rồi. Chỗ này chỗ kia đã biến thành hồng vì rỉ sét, phần nửa thì rêu mềm phủ kín. Tôi ngồi xuống quan sát cảnh mặt trời lặn trên thế giới của chúng ta sau ngày dài đó. Khung cảnh dịu và đẹp chẳng thua gì bất cứ cảnh nào tôi từng được thấy. Mặt trời vừa lặn hẳn, phương tây lung linh một màu vàng tươi pha lẫn những lần tím và đỏ. Phía dưới là thung lũng ở giữa dòng Thames nằm như một khúc thép dài đang cháy bỏng. Quý vị đã nghe về những dinh thự khổng lồ rải rác khắp nơi trong vùng đất mông mênh đầy cây cỏ, bị tàn phá cũng có, vẫn còn người ở cũng có. Đó đây những công trình kiến trúc màu trắng bạc nổi lên trong khu vườn hoang của trái đất, những đường xây thẳng đứng, những mái vòm cong, những đài cao bằng đá khắc hình thú vật. Không có hàng rào, không có dấu hiệu của tài sản riêng tư, của những thửa ruộng có người canh tác; toàn thể địa cầu đã biến thành một khu vườn vĩ đại.”

“Vừa quan sát, tôi vừa suy đoán về những điều nhìn thấy. Và buổi chiều hôm đó đại khái tôi nghĩ thế này: (về sau tôi vỡ lẽ là tôi chỉ đúng phần nửa, chính xác hơn phải nói tôi chỉ mới thoáng thấy một mặt nhỏ của sự thật)”.

“Tôi cho rằng tôi đã chứng kiến giai đoạn suy tàn của loài người. Màu ráng đỏ của bầu trời trong buổi hoàng hôn khiến tôi liên tưởng đến buổi hoàng hôn của nhân loại. Đó là lần đầu tiên tôi nghĩ đến các kết quả kỳ dị của những nỗ lực xã hội đang được thực hiện bởi chúng ta. Nhưng, nếu suy cho kỹ, thì tất cả đều hợp lý. Sức mạnh là kết quả của nhu cầu sống còn; sự an toàn tạo cơ hội cho sự yếu đuối. Những công lao được bỏ ra để tăng điều kiện sống - một tiến trình tất yếu của con người văn minh giúp cho đời sống càng lúc càng an toàn - đã tiến dần đến tột đỉnh. Loài người đoàn kết tranh đấu với thiên nhiên, đạt hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Những điều chỉ là mơ mộng ở hiện tại đã trở thành kế hoạch được hoàn thành mỹ mãn. Và những gì tôi thấy chính là kết quả của những chiến thắng đó!”

“Các ngành vệ sinh học và nông học của thời chúng ta vẫn còn ở trình độ sơ khai. Khoa học chỉ mới thành công trong việc ngăn ngừa và tiêu diệt một số nhỏ các bệnh tật, nhưng ngay cả như thế, nó vẫn tiến một cách vững vàng và quyết liệt. Với khoa nông lâm súc, khi diệt một loài cây

cỏ dại chúng ta đồng thời trồng lên nhiều loại cây cỏ tốt đẹp, để chúng đấu tranh với nhau mà sống còn. Những loại cây cỏ, thú vật mà chúng ta thích được cải tiến (và con số của chúng thật ít) bằng khoa gây giống. Hôm nay là một loại trái đào mới hơn và ngon hơn, ngày mai là một loại nho không có hạt, ngày mốt là một loại hoa lớn hơn và tươi mát hơn, một ngày khác nữa là những giống gia súc mới để nuôi hơn. Những bước cải tiến xảy ra dần dần, vì chúng ta chỉ hiểu một cách lờ mờ những điều muốn nhắm tới, vì kiến thức của chúng ta rất giới hạn, và vì thiên nhiên rất nhút nhát và chậm chạp trong bàn tay của chúng ta. Một tương lai nào đó, tất cả sẽ được tổ chức quy củ hơn, để kết quả đạt được còn tốt đẹp hơn nữa. Như dòng nước vẫn cứ trôi mặc cho sự cản ngăn của những vùng rốn xoáy. Cả thế giới sẽ trở thành thông minh, học thức, và có tinh thần hợp tác cao độ. Vận tốc của các chuyển biến sẽ xảy ra càng lúc càng nhanh, dẫn đến sự khuất phục thiên nhiên một cách hoàn toàn. Cuối cùng, một cách khôn ngoan và thận trọng, chúng ta sẽ chọn một tình trạng quân bình giữa động vật và thực vật sao cho những đòi hỏi của chúng ta được tuyệt đối thỏa mãn.”

“Những bước điều chỉnh này, theo tôi, đã được thực hiện, và được thực hiện trong mọi lúc của thời gian, trong suốt khoảng thời gian mà chiếc máy của tôi đã vượt qua. Trên không hết hản ruồi muỗi, dưới đất cỏ dại và nấm dại không còn; chỉ có trái cây, những bông hoa tươi đẹp, và những cánh bướm muôn màu bay lượn. Phương thuốc ngừa bệnh lý tưởng đã được tìm thấy. Bệnh tật hoàn toàn biến mất. (Tôi không thấy bất cứ dấu hiệu nào của một bệnh hay lây trong suốt thời gian ở tương lai.) Và tôi cần thêm rằng những thay đổi này có ảnh hưởng lớn đến ngay cả diễn trình hủy hoại của các sinh vật.”

“Một kết quả nữa là sự chiến thắng của đời sống xã hội. Tôi thấy nhân loại ở trong những dinh thự nguy nga, mặc những y phục lộng lẫy, vậy mà không ai làm việc gì cả. Không có dấu hiệu gì của nỗ lực đấu tranh, xã hội cũng như kinh tế. Hàng quán, quảng cáo, xe cộ, tất cả những thứ liên quan đến thương mại được coi là một phần căn bản của đời sống chúng ta, đều đã tan biến. Và trong buổi chiều vàng đó, ý tưởng của một thiên đường xã hội đã đến với tôi một cách tự nhiên. Tôi đoán là vấn đề dân số đã được giải quyết, và tổng số nhân loại không tăng thêm nữa.”

“Nhưng với điều kiện sống thay đổi, tất nhiên con người cũng phải thay đổi cho thích hợp. Và nếu môn vạn vật không sai từ nền tảng thì nguyên nhân gì dẫn đến sự thông minh và cần cù của loài người? Hoàn cảnh khó khăn và ước muốn tự do là lý do khiến những người tích cực, có sức mạnh, và khôn ngoan tồn tại trong khi những kẻ yếu bị tiêu diệt; đó chính là lý do tại sao sự trung thành, sự tự chế, kiên nhẫn, và khả năng quyết định được ca tụng. Hệ thống gia đình và những tình cảm từ đó sinh ra, tính ghen tuông tàn khốc, sự dịu dàng với những đứa trẻ sơ sinh, sự hy sinh của cha mẹ đối với con cái, tất cả đều từ nhu cầu bảo vệ những sinh vật đồng chủng còn non nớt mà ra. Nhưng trong cái tương lai mà tôi gặp có mối nguy hiểm nào đâu? Trong hoàn cảnh đó, khuynh hướng chống lại những ghen tuông giữa vợ chồng, những tình mẫu tử cuồng nhiệt, cũng như tất cả mọi loại tình cảm khác sẽ phát triển lớn mạnh. Bởi tất cả những tình cảm đó không còn cần thiết nữa, chỉ còn là đầu mối gây ra những khó chịu, man rợ, bất hòa trong một đời sống tiến bộ vui tươi.”

“Tôi nghĩ đến vóc dáng yếu đuối và sự thiếu thông minh của những người tương lai, đến những tàn tích đầy dẫy xung quanh, và càng chắc chắn hơn nữa rằng con người đã hoàn toàn chiến thắng thiên nhiên. Vì sau trận đánh là sự im lặng. Con người đã mạnh mẽ, hăng hái, thông minh, và đã sử dụng năng lực của mình để đổi thay điều kiện sống của họ. Đã đến lúc xảy ra những phản ứng của sự đổi thay đó.”

“Trong hoàn cảnh mới, tuyệt đối thoải mái và tuyệt đối an toàn, cái năng lực phải phát tiết mà chúng ta gọi là sức mạnh giờ trở thành sự yếu đuối. Ngay trong thời của chúng ta, một số khuynh hướng và ý muốn rất cần thiết cho sự sống còn ở thuở xa xưa đã trở thành lý do khiến người ta thất bại. Tính liều mạng và thích đánh nhau chẳng hạn, không những ít khi làm lợi mà nhiều khi còn biến thành trở ngại cho con người văn minh. Sức mạnh, trí não cũng như thể xác,

chẳng còn chỗ đứng nào nữa khi đã có sự an toàn tuyệt đối. Tôi đoán thế giới của tương lai đã trải qua một giai đoạn rất dài không bị đe dọa bởi chiến tranh cũng như tội ác cá nhân, không bị đe dọa bởi thú dữ, không có bệnh ngặt nghèo đòi hỏi sức mạnh để sống còn, và không có nhu cầu lao động. Trong một đời sống như vậy, kẻ mà chúng ta gọi là yếu cũng thích ứng y hệt như kẻ mạnh, nên không thể gọi họ là “yếu” nữa. Mà thực ra họ mới là kẻ thích hợp hơn, vì kẻ mạnh sẽ bị hành hạ bởi cái năng lực không có chỗ phát tiết. Hẳn nhiên nét đẹp tuyệt vời của những dinh thự hùng vĩ mà tôi thấy chính là tàn tích sau cùng của cái năng lực đã mất mục đích ấy, trước khi nhân loại hòa mình vĩnh viễn vào đời sống mới - đoạn kết của chiến thắng, và khởi điểm của nền hòa bình sau cùng. Đây là số phận đương nhiên của năng lực sau khi đã có sự an toàn; nó phát tiết qua nghệ thuật, tình dục, tiếp tục bằng sự mệt mỏi, bế tắc, và kết thúc bằng sự suy tàn.”

“Ngay cả khuynh hướng nghệ thuật cũng đã gần như chết hẳn trong cái tương lai tôi đến. Người ta khoác hoa lên mình, nhảy múa, ca hát dưới ánh mặt trời: đó là tất cả những gì còn sót lại và không gì hơn nữa. Nhưng rồi sẽ đến một lúc ngay cả những hành động vu vơ như vậy cũng chấm dứt, nhường chỗ cho một trạng thái thụ động đầy hạnh phúc. Sự sắc bén của loài người có được là nhờ hòn đá mài kết tạo từ hai yếu tố khổ đau và cần thiết. Ở tương lai tôi thấy cuối cùng hòn đá mài đó đã bị đập tan!”

“Tôi đứng đó trong bóng đêm càng lúc càng dày đặc, cho rằng với những lập luận đơn giản vừa kể, tôi đã nắm vững vấn đề của thế giới, hiểu trọn vẹn cái bí mật của giống người rất dễ thương này. Có thể phương pháp giới hạn dân số của họ quá hiệu nghiệm, nên dân số thế giới thay vì đứng yên đã giảm sút. Giả thuyết này giải thích được sự hoang phế của nhiều công trình kiến trúc mà tôi đã thấy. Lập luận của tôi thật đơn giản, và thật hữu lý, như tất cả mọi lý thuyết sai lầm.”

CHƯƠNG 5

“Trong khi tôi đứng đó ngẫm nghĩ về cái chiến thắng quá toàn vẹn của loài người thì vầng trăng tròn, vàng và đầy đặn đã nhô lên từ vùng ánh sáng phía đông bắc. Bên dưới không còn bóng người qua lại, một con cú bay qua lặng lẽ, tôi quyết định xuống đồi tìm chỗ ngủ.”

“Nhìn xung quanh để định lại phương hướng, mắt tôi chạm vào tòa sư tử nền đồng nổi bật dưới ánh trăng ở phía xa xa. Tôi thấy cây bạch thụ bên cạnh, những bụi trường thanh hiện hình như những bóng đen, và thảm cỏ quen thuộc. Nhìn lại thảm cỏ lần nữa, sự bình thản của tôi biến mất. 'Không,' tôi tự nói với mình, 'đó không thể nào là thảm cỏ cũ'.”

“Nhưng đó chính là thảm cỏ cũ, vì khuôn mặt trắng bệch của con sư tử đá vẫn nhìn thẳng về phía nó. Quý vị chắc không thể nào tưởng tượng nổi những ý nghĩ chạy qua đầu tôi lúc ấy. Chiếc máy thời gian đã biến mất!”

“Tức thì, đột ngột như vừa bị một vết chém vào mắt, tôi nghĩ đến việc mình bị mất lối trở về, bị kẹt lại vĩnh viễn ở cái thế giới lạ hoắc này. Ý nghĩ đó gây cho tôi một cảm giác khủng khiếp. Tôi cảm thấy cổ họng mình nghẹn lại, như không thể nào thở nổi. Trong chớp mắt sự sợ hãi khiến tôi chạy như bay xuống đồi. Quá vội, tôi vấp chân té suýt cả mặt. Nhưng tôi không hề lau những giọt máu rỉ xuống má, xuống cằm, mà lại nhảy dựng lên, chạy tiếp. Vừa chạy tôi vừa lẩm bẩm với chính mình: “Họ đã đẩy nó vào một bụi cây ở đâu đó thôi.” Nghĩ là nghĩ vậy, tôi vẫn chạy như điên. Bởi cùng lúc, với một sự chắc chắn thường đi theo cảm giác sợ hãi, tôi biết là tôi đã tự dối mình, tôi biết chiếc máy đã bị dời đến một nơi nào đó ngoài tầm tay với của tôi. Hơi thở của tôi bắt đầu mệt nhọc và đau đớn. Từ đỉnh đồi đến thảm cỏ có lẽ đến hai dặm, tôi cũng chẳng còn trẻ gì, vậy mà chỉ chạy khoảng mười phút đồng hồ đã đến nơi. Vừa chạy tôi vừa mắng chửi mình, tự trách sự tự tin ngu xuẩn đã khiến tôi để lại chiếc máy giữa thảm cỏ trống. Tôi hét thành tiếng lớn, nhưng không có ai trả lời. Vạn vật im lìm trên mặt đất phủ đầy ánh trăng.”

“Tôi thấy thảm cỏ, nỗi sợ hãi ghê gớm nhất của tôi trở thành sự thật. Không có một dấu vết gì của chiếc máy. Tôi đứng ngây người, mệt và lạnh trên vùng cỏ bao quanh bởi những bụi cây. Tôi chạy quanh thảm cỏ, rồi đứng phắt lại, vò tai bứt tóc. Ở trên cao, chiếc đầu sư tử trên bệ đồng, trắng toát, lung linh bệnh hoạn dưới ánh trăng hình như mỉm cười thích thú trước hoàn cảnh khốn đốn của tôi.”

“Tôi muốn tự trấn an rằng có lẽ những người tương lai nhỏ bé kia đã đưa chiếc máy đến một nơi an toàn giùm tôi, nhưng sự yếu đuối và ngu ngốc của họ khiến tôi phải bỏ ý nghĩ ấy đi. Và đó chính là lý do khiến tôi sợ hãi: bởi như vậy tức là có một thế lực nào khác đã lấy mất chiếc máy thời gian, và tôi không hề biết gì về thế lực ấy. Tuy nhiên, có một điều khiến tôi tạm yên tâm: trừ trường hợp một thời đại nào đó có phát minh y hệt, chiếc máy chắc chắn chưa bị đẩy vào một khoảng thời gian khác. Lý do là cách gắn những chiếc cần số - mà lát nữa tôi sẽ trình bày với quý vị - khiến chuyện ấy không xảy ra được. Như vậy chiếc máy chỉ bị dời chỗ và giấu kín trong không gian thôi. Nhưng nó bị giấu ở đâu lại là một vấn đề khác.”

“Hình như lúc ấy tôi nổi cơn điên. Tôi chạy một cách hung dữ từ bụi cây này đến bụi cây nọ chung quanh tòa sư tử, gây sự sợ hãi cho một con vật màu trắng mà tôi cho là một loài hươu nhỏ. Tôi cũng nhớ rõ lắm; khuya đêm đó, tôi liên tục đâm vào những lùm cây, để mặc cho tay mình chảy máu vì những cành gãy đâm vào. Rồi vừa khóc vừa la sáng trong nỗi đớn đau cùng cực, tôi trở lại tòa nhà bằng đá. Căn phòng lớn tối đen, lặng yên, và hoang vắng. Tôi trượt chân

trên mặt sàn lồi lõm, ngã nhào vào một chiếc bàn, tưởng muốn gãy ống quyển. Tôi đốt một que diêm soi đường qua những tấm màn cửa phủ đầy bụi đã tả trước đây.”

“Trước mắt tôi là một căn phòng lớn khác, xếp đầy gối và có thật nhiều người tương lai đang ngủ. Chắc hẳn họ phải thấy cách xuất hiện lần thứ hai của tôi thật là lạ lùng: phóng ra từ bóng tối, miệng kêu la, tay cầm một que diêm đang cháy. Vì họ đã quên diêm quẹt từ lâu rồi. 'Chiếc máy thời gian của tôi đâu?' Tôi vừa gào vừa lay hết người này đến người khác. Hẳn nhiên, họ cho rằng tôi quái đản lắm. Vài người cười rộ, nhưng hầu hết chỉ nhìn tôi thẳng thốt. Khi họ đứng lên bao quanh tôi, tôi nghĩ lại thấy mình đã làm một việc hoàn toàn vô ích. Mục đích của tôi là gây sự sợ hãi trong lòng họ; nhưng dựa theo thái độ ban ngày của họ mà xét, tôi cho rằng họ đã quên mọi nỗi sợ hãi từ lâu rồi.”

“Tôi vắt toẹt que diêm xuống, đẩy một người tình cò đứng cản đường sang bên, loạng choạng trở lại căn phòng ăn vĩ đại, và bước ra ngoài ánh trăng. Tôi nghe những tiếng kêu hoảng hốt, những tiếng chân vội vàng của họ vọng theo. Tôi không nhớ hết những gì tôi làm trong suốt khoảng thời gian mặt trăng lặn lẽ đi xuyên qua bầu trời. Có lẽ sự mất mát quá bất ngờ đã làm tôi cuồng dại. Tôi tuyệt vọng vì đã bị cắt đứt khỏi thời đại của mình - một con thú lạc trong một thế giới lạ lùng. Tôi biết là tôi đã chạy qua chạy lại, kêu khóc, thống trách thương đế và số mệnh. Tôi nhớ là trong khi đêm dần đi qua, tôi mệt mỏi lục tìm hết chỗ này đến chỗ khác, xem xét từng đồng gạch đá dưới ánh trăng soi, sờ nhăm những sinh vật lạ trong bóng tối; cuối cùng, tôi nằm vật trên mặt đất gần tòa sư tử khóc nức lên trong niềm thống khổ tận cùng, rồi thiếp đi lúc nào không biết. Khi tôi tỉnh dậy đã là một ngày mới, mở mắt ra tôi thấy hai con két nhảy nhót xung quanh trong tầm tay với của tôi.”

“Tôi ngồi lên trong không khí tươi mát của buổi bình minh, cố nhớ lại tại sao mình ở chỗ này, và tại sao mình lại có cảm giác tuyệt vọng tận cùng đến thế. Rồi đầu óc tôi trở thành sáng sủa. Với sự bình thường và hợp lý của ánh sáng ban ngày, tôi bắt đầu có đủ bình tĩnh để trực diện với hoàn cảnh. Tôi thấy rõ sự dai dột của mình đêm hôm trước. 'Giả sử trường hợp tệ hại nhất.' Tôi tự nhủ. 'Giả sử chiếc máy đã mất hẳn, ngay cả bị phá hủy. Cách hay nhất là mình phải bình tĩnh và kiên nhẫn, làm quen với lẽ lối của xã hội này, nhớ lại cách chế tạo, tìm cách kiếm vật liệu; như vậy biết đâu mình có thể làm ra một chiếc máy khác.' Có lẽ đó là hy vọng duy nhất của tôi; khó khăn, nhưng vẫn hơn là tuyệt vọng. Vả lại, đây là một thế giới đẹp có nhiều điều lạ lùng đáng khám phá.”

“Và có lẽ chiếc máy chỉ bị mang đi đâu đó mà thôi. Dù sao, tôi vẫn phải bình tĩnh và kiên nhẫn để tìm chỗ người ta giấu nó, rồi lấy lại bằng sức mạnh hoặc sự khôn ngoan. Nghĩ thế rồi tôi nhổm chân đứng dậy nhìn quanh, tìm chỗ tắm rửa. Tôi đang mệt, khó chịu, và không lấy gì làm sạch sẽ. Sự tươi mát của buổi bình minh khiến tôi muốn hưởng một sự tươi mát tương tự. Đêm hôm trước, tôi đã đi đến tận cùng của cảm tính. Nghĩ lại, tôi không hiểu tại sao mình có thể có những thái độ và hành động thiếu suy nghĩ đến thế. Tôi xem xét xung quanh thăm cổ, tốn phí một số thời giờ vô ích hỏi han vài người đi ngang. Không ai hiểu ý nghĩa những cử chỉ làm dấu của tôi; có người đứng nghếch ra, có người tưởng tôi đùa bèn cười đáp lại. Phải cố gắng lắm tôi mới dần nổi ý muốn tát vào mặt họ vài cái đích đáng. Tôi biết đó là một ý muốn tệ hại, nhưng con quỷ sinh ra từ sự sợ hãi và giận dữ vẫn hoành hành trong tâm trí hoang mang của tôi. Thảm cổ giúp tôi bình tĩnh lại, vì tôi nhìn thấy trên đó một vết lõm, khoảng giữa cái bệ của tòa sư tử và nơi hằn những dấu chân do chính tôi tạo ra khi vật lộn với chiếc máy bị lật ngược lúc mới tới thế giới này. Có những dấu khác chứng tỏ chiếc máy bị di chuyển, cùng với vài vết chân lê lết lạ lùng. Những điều này khiến tôi chú ý đến cái bệ của tòa sư tử. Như tôi đã nói, nó bằng đồng thau, nhưng không phải là một khối phẳng, mà được trang trí tỉ mỉ thành hình những khung ở mọi phía. Tôi chạy đến, đập tay vào những khung này và khám phá là cái bệ không đặc, mà rỗng ở bên trong. Xem xét những đường viền một cách kỹ lưỡng, tôi thấy chúng không dính liền vào nhau ở mọi chỗ mà có một số khe ở giữa. Vậy thì đây phải là những cánh cửa. Vì bên ngoài không có nắm đấm, chỗ cầm tay, hoặc lỗ khóa, tất cả có lẽ đều ở phía trong. Mọi việc trở thành rõ ràng. Không cần phải suy nghĩ sâu xa gì, tôi biết ngay chiếc máy

thời gian đang ở bên trong cái bệ. Nhưng ai kéo nó vào đó lại là chuyện khác.”

“Tôi thấy hai người mặc áo màu cam đi giữa những bụi trường thanh, tới phía dưới những cây táo phủ đầy hoa, rồi hướng về phía tôi. Tôi quay người, cười với họ và ra dấu cho họ đến gần. Khi họ đến nơi, tôi chỉ tay về phía cái bệ đồng, cổ cho họ hiểu ý muốn của tôi là mở nó ra. Nhưng chỉ một cử chỉ đầu tiên của tôi đã đủ khiến họ có phản ứng hết sức lạ lùng. Tôi không biết phải làm sao để diễn tả thái độ của họ. Giả sử quý vị làm một cử chỉ vô cùng thiếu lịch sự với một phụ nữ hết sức gia giáo, có lẽ người ấy cũng chỉ phản ứng đến mức như thế. Hai người ấy bỏ đi, như thể vừa bị làm nhục đến mức không thể chịu đựng nổi. Kế tiếp tôi thử một anh chàng mặc đồ trắng, với kết quả (hay hậu quả) y hệt. Có một cái gì đó trong phản ứng của hắn khiến tôi đâm ra hồ thẹn với chính mình. Nhưng, như quý vị biết, tôi cần lấy lại chiếc máy thời gian, nên tôi lại thử ra dấu với hắn một lần nữa. Khi hắn quay lưng đi như hai người lúc nãy, tôi không còn dằn nổi nóng giận. Chạy vài bước tôi đã bắt kịp hắn. Tôi chụp tay vào cổ áo kéo hắn xềnh xệch về phía tòa sư tử. Nhưng rồi tôi thấy trên mặt hắn nét kinh hoàng và ghê tởm. Tôi sững sờ buông tay, để mặc hắn chạy đi.”

“Vẫn chưa chịu thua, tôi dấm tay thùm thụp vào thành bệ. Bên trong hình như có tiếng động, nói rõ hơn, hình như có tiếng cười vọng ra; nhưng tôi cho là tôi đã nghe lầm. Tôi xuống sông lấy một cục đá lớn, đập mãi vào thành bệ cho đến khi một vòng tròn khắc nổi trên đó bị lõm xuống và những teng đồng vụn lả tả rơi ra. Những người tương lai yếu đuối ở xa hàng dặm chắc còn nghe thấy tiếng đập tuyệt vọng của tôi. Tôi thấy một đám đông đứng trên sườn đồi nhìn tôi bằng những cặp mắt bất lực. Cuối cùng, vì nóng và vì mệt, tôi đành ngồi xuống nhìn cái bệ chăm chăm. Nhưng tâm lý quá tây phương của tôi khiến tôi không thể nhìn lâu. Tôi có thể miệt mài suy nghĩ về một vấn đề nhiều năm trời, nhưng ngồi đợi mà không làm gì cả trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ lại là chuyện hoàn toàn khác.”

“Một lát sau tôi đứng dậy, đi một cách vô định giữa những bụi cây về phía sườn đồi. 'Phải kiên nhẫn,' tôi nói với chính mình. 'Nếu mày muốn tìm lại cái máy thì mày có đập móp cái thành đồng đó cũng vô dụng mà thôi. Và nếu người ta muốn trả chiếc máy lại cho mày, thì nó sẽ trở lại với mày khi mày yêu cầu đúng lúc. Đừng cố gắng làm việc vô vọng, vì như vậy mà chỉ hóa điên thôi. Hãy đối diện với thế giới này, học đường lối của nó; cẩn thận, đừng kết luận vội vàng, rồi cuối cùng mày sẽ khám phá ra mọi mấu chốt cần thiết.' Đột nhiên tôi nghĩ đến sự ngớ ngẩn của hoàn cảnh lúc đó: bao nhiêu năm trời nghiên cứu và làm việc mệt nhọc chỉ cốt để đi đến tương lai, rồi khi đã ở tương lai lại phải lo lắng tìm cách trở về hiện tại. Tôi đã tự quàng vào mình cái bẫy phức tạp nhất và khó thoát nhất mà loài người từng chế tạo. Mặc dù nạn nhân chính là tôi, tôi cũng không khỏi thấy buồn cười. Thế là tôi cười lên ha hả.”

“Khi trở về tòa nhà cũ, hình như những người tương lai đều tránh né tôi. Có thể tôi tưởng tượng, cũng có thể đây là hậu quả của việc tôi đập vào cái bệ đồng lúc nãy. Dù sao, tôi khá chắc chắn cảm tưởng của mình là đúng. Thận trọng, tôi cũng làm bộ như không để ý đến họ. Một hai ngày sau thì mọi việc trở lại bình thường. Về ngôn ngữ, tôi đạt mọi bước tiến có thể đạt được; ngoài ra tôi cũng làm việc dò xét chỗ này chỗ kia một ít. Nếu tôi không làm thì tiếng nói của những người tương lai này rất đơn giản, gần như chỉ gồm những danh từ cụ thể và động từ. Có rất ít, nếu không muốn nói là hoàn toàn không có, những từ ngữ cần thiết cho sự diễn tả hoàn cảnh hoặc tình cảm. Hầu hết những câu nói của họ chỉ gồm hai chữ. Nhưng chính vì sự đơn giản đó mà tôi gặp khó khăn trong việc tìm hiểu họ cũng như làm cho họ hiểu mình.”

“Tôi đã quyết định tạm quên chiếc máy thời gian, tòa sư tử và cái bệ đồng có cửa đóng kín, cho đến khi sự hiểu biết của tôi giúp tôi đạt mục đích mong muốn một cách tự nhiên. Nhưng chắc quý vị hiểu, như có trực giác xui khiến, tôi chỉ lẩn quẩn trong một chu vi vài dặm tính từ chỗ đến đầu tiên với chiếc máy thời gian.”

“Dựa theo những gì tôi thấy, có lẽ toàn thể địa cầu đều có nét đẹp phong phú như dòng Thames. Leo lên bất cứ ngọn đồi nào, nhìn ra xa tôi đều thấy những lâu đài dinh thự nguy nga,

kiến trúc nhiều kiểu khác nhau và được xây cất bằng những vật liệu khác nhau, những đám trường thanh mát mẻ, những cây đầy hoa, những cỏ êm mượt. Đây đó những dòng nước chảy óng ánh như bạc, mặt đất nổi lên thành những ngọn đồi xanh, chạy xa dần, mờ lẩn vào chân trời êm lặng.”

“Ốc tò mò khiến tôi chú ý đến sự hiện diện của một số giếng tròn, có lẽ khá sâu. Một cái nằm ở trên đường dẫn lên đồi mà tôi đã thấy trong chuyến đi bộ đầu tiên. Như tất cả những cái khác, miệng giếng này được bọc bằng một lớp đồng thau đúc lạ lùng, và được che khỏi nắng mưa bằng một cái nắp nhỏ hình vòng cung. Ngồi cạnh giếng nhìn xuống, tôi chỉ thấy một màu đen, không có ánh nước, không có gì phản chiếu lại, ngay cả khi đốt diêm soi xuống. Nhưng tôi lại nghe một thứ tiếng động âm âm ầm ầm như tiếng kêu của một loại máy lớn. Dựa theo chiều của ánh lửa que diêm, tôi khám phá rằng không khí được liên tục hút xuống giếng một cách đều đặn. Tôi vắt thử một mẩu giấy nhỏ xuống giếng, thay vì chỉ rơi chậm, mẩu giấy tức thì bị hút nhanh mất dạng.”

“Một thời gian sau, tôi tìm ra sự liên quan giữa những chiếc giếng và vài cái cột cao rải rác trên sườn đồi. Trên những cột này thỉnh thoảng lại hiện một gợn không khí như chúng ta thường thấy trên các bãi biển vào những ngày mặt trời chiếu nóng. Gom tất cả mọi dữ kiện, tôi kết luận đây là một hệ thống thông hơi dưới lòng đất vô cùng phức tạp. Nhưng mục đích của nó là gì thì quả là khó đoán. Lúc đầu tôi tưởng đó là hệ thống vệ sinh của những con người tương lai mà tôi đã gặp. Một kết luận khá hiển nhiên, nhưng là một kết luận hoàn toàn sai.”

“Phải thú nhận là tôi gần như chẳng học được gì về công rãnh, phương pháp chuyển vận, hoặc những tiện nghi tương tự khi còn ở thế giới đó. Trong những sách vở dự đoán tương lai, tôi đã đọc rất nhiều chi tiết về kiến trúc nhà cửa, về cách xếp đặt xã hội, vân vân. Nhưng ghi nhận những chi tiết đó bằng óc tưởng tượng thì dễ, mà bằng cách thực sự đối diện lại vô cùng khó khăn. Quý vị thử nghĩ những câu chuyện do một người da đen ở Trung Phi ghé vội sang Luân Đôn rồi trở lại kể cho bộ lạc của anh ta! Anh ta biết gì về các hãng xe lửa, các phong trào xã hội, về điện thoại, điện tín, về bưu điện, về các hãng gửi đồ? Đó là chúng ta đã vui lòng giải thích mọi việc cho anh ta nghe! Và giả sử anh ta hiểu hết thì cũng chắc gì giải thích nổi cho những người bạn chưa du lịch cùng hiểu hoặc tối thiểu tin là anh ta không nói dối? Còn nữa, hãy nghĩ về cái khoảng cách nhỏ bé giữa anh da đen và người da trắng ở thời đại chúng ta, và cái khoảng cách vô cùng lớn giữa tôi và những người ở thời đại vàng son của tương lai! Tôi cảm nhận được hầu hết những gì tôi không được thấy, và điều đó khiến tôi phần nào thoải mái; nhưng trừ cái cảm tưởng tổng quát của một xã hội siêu tổ chức, tôi e rằng tôi không thể diễn tả cho quý vị hiểu sự khác biệt giữa thời đại chúng ta và thời đại tương lai.”

“Chuyện tang tể chẳng hạn, tôi không hề thấy một địa điểm hỏa táng, cũng không hề thấy dấu hiệu nào của những nấm mộ. Nhưng tôi lại nghĩ, rất có thể các nghĩa địa và nơi hỏa táng đều nằm ngoài khu vực mà tôi biết tới. Đây là một câu hỏi tôi tự đặt với chính mình, và sự tò mò của tôi tạm thời được giải tỏa bằng cách giải thích vừa kể. Điều khiến tôi ngạc nhiên, rồi chú ý, để rồi ngạc nhiên thêm nữa là trong xã hội ở tương lai không hề có người già và người bệnh.”

“Tôi phải nhận nhận thuyết của tôi về một nền “văn minh tự động” và diễn trình thoái hóa của nhân loại chẳng đứng vững được bao lâu. Nhưng tôi không tìm ra cách giải thích nào khác. Tôi xin được trình bày vài khúc mắc. Những tòa lâu đài mà tôi đã vào chỉ là những chung cư vĩ đại để người ta ăn, ở, và ngủ. Tôi không thấy máy móc, không thấy bất cứ một phương tiện nào. Vậy mà những người tương lai này lại có những y phục đẹp mắt cần thỉnh thoảng thay đổi; những đôi sandals của họ, dù sơ sài nhưng vẫn có phần bằng kim loại phải được chế tạo. Đó là chưa kể họ tỏ ra chẳng có một khả năng sáng tạo nào hết. Không có hàng quán, cửa tiệm, nơi thu đồ nhập cảng ở bất cứ đâu. Chỉ có những con người tản bộ trên bờ, tắm gội dưới sông, làm tình như đùa giỡn, ăn trái cây, và ngủ. Tôi chẳng thấy lý do nào để một xã hội như vậy có thể tồn tại.”

“Còn chiếc máy thời gian. Tôi không biết ai đã đem nó giấu bên trong cái bệ rồng của tòa sư tử. Để làm gì? Tôi không thể nghĩ ra. Những chiếc giếng không có nước, những cột thông hơi. Rõ ràng phải có một bí mật nào đó mà tôi chưa biết. Tôi có cảm tưởng - tôi phải trình bày như thế nào nhỉ? Giả sử quý vị gặp một bản văn tự, trên đó có những dòng tiếng Anh giản dị xen giữa là những chữ, những câu mà quý vị chưa từng thấy bao giờ. Vâng, trong ngày thứ ba của cuộc viếng thăm của tôi, đó là cảm tưởng của tôi về cái thế giới của năm tám trăm lẻ hai ngàn bảy trăm lẻ một.”

“Cũng ngày đó tôi làm quen với một người bạn, có thể tạm gọi như thế. Tôi có mặt trong khi một số người tương lai đang tắm ở một chỗ nước không sâu. Một người trong bọn họ vọt bẻ bị nước cuốn đi. Dòng nước chảy khá nhanh, nhưng không lấy gì là xiết, ngay cả đối với người có khả năng bơi lội thuộc hạng trung bình. Quý vị có thể hình dung được phần nào mức thụ động của những con người tương lai khi tôi kể cho quý vị nghe rằng mặc dù kẻ sắp chết đuối la lên cầu cứu, chẳng hề có ai tỏ một thái độ hoặc hành động nào cả. Thấy vậy, tôi vội cởi quần áo ngoài, đi lần ra, kéo người bị nạn vào bờ. Đó là một cô gái. Chỉ xoa nắn một chút, cô gái trở lại bình thường, và tôi có niềm vui được nhìn thấy cô hồi phục trước khi bỏ đi nơi khác. Vì quá coi thường chủng tộc của cô, tôi không cho rằng cô biết ngỏ lời cảm ơn. Nhưng, riêng chuyện này, tôi đã sai lầm.”

“Vừa cứu buổi sáng thì buổi chiều tôi gặp lại 'nàng' nhỏ bé của tôi - tôi tạm gọi như thế - khi tôi trở về từ một chuyến thăm dò địa hình. Nàng chào tôi bằng những tiếng reo sung sướng và trao cho tôi một vòng hoa. Vòng hoa này rõ ràng đã được kết cho tôi và chỉ cho tôi mà thôi. Hành động của nàng khiến tôi vô cùng xúc động. Có thể tâm thần của tôi đã ở trạng thái tuyệt vọng chẳng? Không biết, nhưng tôi cố hết sức tỏ cho nàng biết rằng tôi rất thích món quà tặng của nàng. Một lát sau, chúng tôi đã ngồi cạnh nhau trên một tảng đá, bắt đầu cuộc trò chuyện, không bằng lời lẽ mà gần như chỉ bằng những nụ cười. Sự thân thiện của cô gái gây cho tôi những cảm tưởng y hệt như khi đối diện với một đứa trẻ dễ thương. Chúng tôi trao nhau những đóa hoa. Nàng hôn bàn tay tôi, và tôi hôn bàn tay nàng. Tôi cố diễn tả bằng lời nói, và biết được tên nàng là Weena. Tôi không hiểu Weena có ý nghĩa gì, nhưng thấy là một cái tên thật thích hợp. Đó là điểm khởi đầu của một tình bạn lạ lùng kéo dài một tuần lễ và rồi chấm dứt, như tôi sẽ kể cho quý vị nghe.”

“Nàng y hệt như một đứa bé, luôn luôn muốn ở cạnh tôi, luôn luôn muốn theo tôi từng bước. Trong chuyến đi tiếp đó, tôi cố bước thật nhanh để nàng không theo kịp, nàng quá mệt chỉ biết kêu tôi từ phía sau. Nhưng còn quá nhiều vấn đề phải giải quyết. Tôi tự nhủ, đâu phải mình đến tương lai để có một người tình nhỏ bé. Tuy thế, sự đau khổ của nàng khi bị tôi bỏ rơi thật ghê gớm, những cử chỉ của nàng lúc ấy như điên dại. Vả lại, tôi ngẫm nghĩ, sự tha thiết của nàng dù có gây phiền toái cũng đồng thời là một nguồn an ủi rất lớn cho tôi. Thoạt đầu tôi cho rằng lý do khiến nàng muốn ở cạnh tôi chỉ là một loại tình cảm trẻ con. Khi tôi hiểu rõ sự đau khổ của nàng lúc phải rời xa tôi, cũng như sự quan trọng của nàng đối với tôi thì mọi việc đã quá trễ rồi. Vì chỉ cần những hành động hết sức yếu đuối và vô vọng mà nàng dành cho tôi đã đủ khiến tôi mỗi lần đến gần tòa sư tử trắng có cảm tưởng gần như mình đang trở về một mái nhà thân yêu. Và vì thế, mỗi lần đi khỏi ngọn đồi tôi đều dỗi mắt tìm kiếm bóng dáng nhỏ bé quen thuộc trong bộ nhất y hai màu trắng và vàng của nàng.”

“Chính nhờ nàng mà tôi biết là sự sợ hãi chưa biến mất trên mặt địa cầu. Ban ngày nàng rất bạo dạn, và nàng tin tưởng tôi một cách tuyệt đối. Có lần trong một phút giây không suy nghĩ tôi nhìn mặt cố ý dọa nàng, nàng chỉ cười phá lên đáp lại. Nhưng nàng sợ đêm tối, sợ những bóng mờ, sợ những vật màu đen. Bóng đêm với nàng là cả một mối đe dọa. Tâm lý đặc biệt này khiến tôi phải suy nghĩ và chú ý. Sau đó tôi khám phá rằng mỗi đêm những con người nhỏ bé của tương lai đều ngủ tụ lại với nhau thành nhóm trong những dinh thự lớn. Chỉ cần bước vào thành linh, tay cầm lửa là đủ gây cho họ một cảnh náo loạn đầy sợ hãi. Tôi không hề thấy một người nào ngủ ngoài trời, hoặc ngủ một mình trong nhà khi đêm xuống. Nhưng tôi ngạc nhiên vẫn không hiểu ra bài học của sự sợ hãi ở thế giới tương lai, và mặc dầu Weena tỏ ra rất

khổ sở, tôi vẫn nhất định không ngủ chung với những đám đông này.”

“Nàng hết sức lo ngại, nhưng mỗi tình cảm kỳ lạ mà nàng dành cho tôi đã chiến thắng, và trong năm đêm chúng tôi quen nhau, kể cả đêm cuối cùng, nàng ngủ dựa đầu lên tay tôi. Nhưng mỗi kể về nàng tôi đã lạc đề mất rồi. Trở lại câu chuyện, hình như ngay cái đêm trước ngày tôi cứu Weena thì phải. Trong giấc ngủ mệt mỏi, tôi nằm mơ thấy mình chết đuối, mặt bị phủ đầy những cánh hoa biển. Giật mình tỉnh dậy, tôi có cảm giác mơ hồ như thấy một con vật màu xám xám vừa chạy khỏi phòng. Tôi cố ngủ lại, nhưng thấy người khó chịu, trăn trở không yên. Lúc ấy trời gần sáng, khoảng thời gian mà vạn vật đều thiếu màu sắc và mơ màng như không có thật dưới mắt con người. Tôi đứng dậy, đi qua căn phòng lớn, ra phía trước tòa lâu đài để nhìn cảnh mặt trời mọc.”

“Những tia cuối cùng của mặt trăng đang lặn trộn với ánh sáng yếu ớt của mặt trời sắp lên tạo thành một sắc ma quái. Những bụi cây đen như mực, mặt đất xám ngắt, bầu trời không màu ảm đạm. Trên sườn đồi hình như tôi thấy ma. Đảo mắt qua lại vài lần; quả thật là những bóng trắng. Có đến hai lần, tôi cho rằng mình thấy một con vật trắng, hình dạng như khỉ chạy khá nhanh lên đồi. Một lần, tôi thấy một đám những con vật tương tự đang khiêng một bóng màu đen cạnh những di tích đổ nát. Chúng di chuyển vội vàng, không biết về đâu, nhưng dường như mất dạng gần những bụi cây. Quý vị phải hiểu lúc ấy trời còn tranh tối tranh sáng. Tôi vẫn còn có cái cảm giác thiếu chắc chắn của một người ngái ngủ. Tôi không tin ở mắt tôi.”

“Khi bầu trời phía đông bắt đầu rực rỡ hơn, và ánh sáng của ban ngày đã trao lại màu sắc cho thế giới, tôi quan sát kỹ lại một lần nữa. Nhưng không còn dấu vết gì của những bóng trắng lúc nãy. Phải chăng chúng chỉ là ảo ảnh? 'Chắc là ma,' tôi tự nhủ 'không hiểu họ chết từ bao giờ.' Tôi nhớ lại một ý tưởng ngộ nghĩnh của Grant Allen và cười một mình. Ông ta lập luận: nếu mọi thể hệ khi chết đi đều để lại những con ma, thì cuối cùng thế giới sẽ đầy ngập những bóng ma. Theo ý tưởng đó, thì hơn tám trăm ngàn năm nữa (tính từ thời chúng ta) số bóng ma trên thế giới này sẽ nhiều đến mức không ai đếm xuể, vậy nếu thấy bốn con ma một lúc cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng ý tưởng ngộ nghĩnh đó dĩ nhiên không thể làm tôi thỏa mãn. Tôi nghĩ mãi về những bóng trắng suốt buổi sáng, mãi đến khi cứu Weena mới quên chúng đi. Tôi đoán chúng có liên quan đến con vật bị tôi làm cho sợ hãi trong cái đêm tôi điên cuồng tìm chiếc máy thời gian. Weena là một hình ảnh đáng giữ hơn trong tâm tưởng, nhưng số mệnh đã định là những bóng trắng đó sẽ trở thành ám ảnh lớn trong đầu óc tôi sau này.”

“Hình như tôi đã cho quý vị biết là khí hậu của thời tương lai vàng son đó nóng bức hơn thời chúng ta rất nhiều. Tôi không hiểu hiện tượng này. Có thể là mặt trời nóng hơn, có thể là trái đất tiến đến gần mặt trời hơn. Theo lẽ thường thì phải đoán là mặt trời sẽ càng ngày càng giảm nhiệt độ. Nhưng người ta, vì không biết tới những thuyết tương tự như của Darwin, quên rằng cuối cùng tất cả mọi hành tinh sẽ lần lượt rơi trở về ngôi sao mẹ của chúng. Mỗi lần như vậy, mặt trời sẽ tăng thêm năng lượng. Rất có thể đây đã là số phận của một hành tinh nào đó ở trong khoảng giữa mặt trời và trái đất. Nhưng bất kể vì lý do gì, sự thật vẫn là mặt trời tương lai nóng hơn mặt trời hiện tại của chúng ta.”

“Một buổi sáng rất nóng - buổi sáng thứ tư, tôi nghĩ thế. Trong khi đang tìm nơi trốn sức nóng và ánh sáng của mặt trời cạnh đồng tàn tích khổng lồ gần tòa lâu đài nơi tôi ăn ngủ, tôi gặp một chuyện lạ lùng. Trong khi đi lần theo những đồng vụn gạch đá tôi khám phá một phòng triển lãm hẹp với tất cả mọi cửa sổ, bên hông cũng như ở hai đầu, bị che bởi những tảng đá có lẽ rơi từ trên cao xuống vào một thời xa xưa nào đó. So với ánh nắng chói chang ngoài trời, căn phòng ấy hiện dưới mắt tôi như một chỗ hết sức tối tăm. Tôi luồn theo những chỗ hở dò từng bước đi vào. Sự đổi thay từ ánh sáng vào bóng tối khiến mắt tôi như thấy vô vàn ngôi sao bay nhảy. Đột nhiên, tôi sững sốt đứng lại. Vì có ánh sáng từ bên ngoài phản chiếu, tôi thấy rõ một đôi mắt đang theo dõi tôi trong bóng tối.”

“Lòng tôi rợn lên nỗi sợ hãi của một người bình thường khi đối diện loài thú dữ. Tôi nắm chặt

tay nhìn vào đôi mắt ấy mà không dám xoay người. Tôi nghĩ đến ý tưởng trước đây của mình về tình trạng an toàn tuyệt đối mà tôi cho rằng con người tương lai đã đạt tới, và rồi liên tưởng đến sự sợ hãi kỳ lạ của họ đối với bóng đêm. Chế ngự được phần nào sự sợ hãi của mình, tôi vừa bước tới một bước vừa lên tiếng. Tôi phải thú nhận là giọng tôi lúc ấy rất khàn và không mấy bình tĩnh. Đưa tay ra phía trước tôi chạm vào một vật mềm. Tức thì đôi mắt sáng kia chuyển sang hướng khác, và một vật màu trắng chạy xẹt ngang tôi. Tôi há hốc miệng, quay đầu nhìn theo thấy một thân hình như khỉ, đầu cúi thấp một cách lạ kỳ, chạy xuyên qua vùng ánh sáng sau lưng tôi. Nó vấp vào một khối cẩm thạch, loạng choạng, nhưng rồi chỉ trong nháy mắt đã lăn vào khoảng tối dưới một đồng gạch đá.”

“Những gì tôi ghi nhận dĩ nhiên không được hoàn hảo; nhưng tôi biết đó là một con vật màu trắng xỉn, hai mắt lớn lạ kỳ màu đỏ pha sắc xám, ngoài ra, trên đầu nó có lông dài màu vàng hoe, và phía sau lưng cũng thế. Nhưng như tôi đã kể, nó chạy nhanh quá nên tôi không thể nào nhìn rõ. Tôi cũng không chắc là nó chạy bằng cả hai tay hai chân, hay là chỉ để khuỷu tay quá gần mặt đất. Một chút phân vân, tôi theo nó đến đồng gạch đá thứ nhì. Có một lúc tôi mất dấu nó; nhưng lần mò làm sao tôi lại đến cạnh một cái giếng bị che phân nửa bởi một cái cột sập đổ lên. Loại giếng mà tôi đã kể cho quý vị nghe. Một ý nghĩ đột ngột đến với tôi. Có thể nào con vật đó đã biến xuống giếng không? Tôi đốt một que diêm, nhìn xuống. Tôi thấy một bóng dáng nhỏ, màu trắng, với đôi mắt to và sáng vừa chăm chú nhìn tôi vừa tuột xuống thoăn thoắt. Tôi rùng mình. Bóng dáng ấy quá giống một con nhện hình người đang rút vào lòng đất. Đó là lần đầu tiên tôi thấy những thanh kim loại nằm ngang tạo thành một cái thang xuôi theo thành giếng. Ngọn lửa của que diêm cháy vào tay tôi và tắt ngúm khi tôi buông nó ra. Khi tôi đốt que diêm khác, con quái vật nhỏ bé đã biến mất dạng.”

“Tôi không nhớ tôi đã chăm chăm nhìn xuống lòng giếng đó bao lâu, và phải mất bao lâu tôi mới thuyết phục được chính mình rằng con vật tôi thấy chính là một con người. Nhưng sự thật dần trở thành sáng tỏ: nhân loại không còn là một, mà đã tách thành hai loài khác nhau. Những con cháu đẹp đẽ của tôi ở thế giới bên trên không phải là hậu duệ duy nhất của thế hệ chúng ta: mà con vật trắng bạch, kinh tởm của bóng đêm đã chạy trước mắt tôi cũng là truyền nhân của bao nhiêu niên kỷ loài người.”

“Tôi nghĩ tới những cây cột lung linh ánh không khí và giả thuyết của tôi về một hệ thống thông hơi ngầm dưới đất. Tôi bắt đầu nghi ngờ công dụng đích thực của những cây cột này. Tôi tự hỏi, loài người giống khỉ kia đóng vai trò gì trong giả thuyết của tôi về một hệ thống xã hội tuyệt đối quân bằng. Loài ấy liên quan thế nào với những người sống trên mặt đất? Những gì được ẩn giấu dưới đáy giếng kia. Tôi ngồi bên cạnh giếng tự nhủ rằng chẳng có gì để sợ hãi, rằng tôi phải xuống đáy giếng để tìm ra cách giải quyết tình trạng khó khăn của tôi. Nói vậy chứ tôi không sợ sao được. Trong khi tôi đang phân vân, hai người trên mặt đất chạy ngang, một nam một nữ. Họ đang đuổi nhau trong một trò chơi tình ái. Người nam vừa chạy vừa ném những bông hoa về phía người nữ đang trước anh ta.”

“Họ tỏ ra sợ sệt khi thấy tôi tì tay lên cây cột ngang miệng giếng, chăm chăm nhìn xuống dưới. Hiển nhiên việc xem xét những chiếc giếng bị coi là không thể chấp nhận được đối với thế giới này, vì khi tôi chỉ vào cái giếng và cố đặt một câu hỏi bằng ngôn ngữ của họ, cả hai vẫn giữ nét sợ sệt như cũ, và làm như muốn bỏ đi nơi khác. Nhưng họ thích que diêm đang cháy mà tôi cầm trên tay. Thấy vậy, tôi đốt vài que diêm nữa để giữ chân họ và tìm cách hỏi họ một lần nữa về cái giếng, nhưng vẫn vô ích. Tôi đành để họ đi, định bụng sẽ về hỏi Weena xem nàng có thể cho tôi biết thêm chút nào không. Dù sao, tôi đang trải qua một cuộc cách mạng suy tư với những ước đoán và cảm tưởng khác hẳn lúc đầu. Tôi đã tìm ra mấu chốt của sự liên quan giữa những chiếc giếng và những cột thông hơi với cái bí mật của những bóng ma. Đó là chưa nói đến những cánh cửa bằng đồng và số phận của chiếc máy thời gian! Đồng thời, tôi cũng bắt đầu mừng tượng ra lời giải của bài toán kinh tế tương lai đã từng khiến tôi phải điên đầu.”

“Đây là quan điểm mới của tôi. Hiển nhiên, loài người thứ hai sống dưới lòng đất. Có ba bằng

cớ khiến tôi kết luận sự xuất hiện hiếm hoi của họ trên mặt đất là hậu quả bình thường của những sinh vật quen sống trong bóng tối - loài cá trắng ở những hốc đá vùng Kentucky chẳng hạn. Đôi mắt lớn, với khả năng phản chiếu ánh sáng, là đặc điểm của những loài sinh hoạt trong đêm - như loài cú hoặc mèo. Cuối cùng, sự hoảng hốt dưới ánh mặt trời, sự vội vàng và vụng về khi trốn vào chỗ tối, và cách cúi đầu kỳ lạ khi ở ngoài ánh sáng - tất cả đều là biểu hiện của một sinh vật có hai đồng tử mắt cực kỳ nhạy cảm.”

“Như vậy, dưới chân tôi, lòng đất có vô số địa đạo, và những địa đạo này là chỗ sống của một loài người mới. Sự hiện diện của những cột thông hơi và những chiếc giếng dọc theo sườn đồi - và mọi nơi khác, trừ khu vực thung lũng của dòng sông - chứng minh điều đó. Vậy có giả thuyết nào hiển nhiên bằng giả thuyết cho rằng những phương tiện của thế giới trên mặt đất là công trình được thực hiện bởi cái thế giới nhân tạo dưới lòng đất kia. Quan điểm này quá hợp lý, đến nỗi tôi phải chấp nhận tức thì, và dựa theo đó mà suy ra diễn trình tách đôi của nhân loại. Chắc quý vị có thể đoán trước giả thuyết của tôi đại khái như thế nào. Riêng phần tôi, chẳng bao lâu sau tôi lại khám phá mình vẫn còn quá rời xa sự thật.”

“Trước hết, dựa theo những vấn đề của thời đại chúng ta, tôi thấy rõ như ban ngày rằng sự khác biệt tăng dần giữa hai giai cấp tư bản và nhân công là nguyên nhân gây ra tất cả. Tôi nhìn nhận sự khác biệt này trong thời chúng ta còn rất nhỏ, vì vậy quý vị có thể cho rằng giả thuyết của tôi quá cường điệu và không thể nào đúng được. Nhưng ngay trong hiện tại đã có những hoàn cảnh thiên về chiều hướng mà tôi nói tới. Con người trong thời đại chúng ta đã có khuynh hướng sử dụng lòng đất cho những phương tiện văn minh không đòi hỏi bề ngoài đẹp đẽ. Đường xe lửa ngầm trong thành phố Luân Đôn chẳng hạn, lối đi ngầm. Cũng phải kể những nơi làm việc và nhà hàng dưới lòng đất, với số lượng càng ngày càng tăng thêm. Hiển nhiên, tôi nghĩ, khuynh hướng này sẽ phát triển mãi cho đến khi kỹ nghệ mất hẳn chỗ đứng của nó dưới ánh mặt trời. Ý tôi muốn nói rằng các ngành kỹ nghệ sẽ đầu tư sâu hơn và sâu hơn vào những nhà máy dưới lòng đất, giờ làm việc ở đó càng lúc càng tăng, cho đến cuối cùng...! Mà ngay bây giờ, chẳng phải là một công nhân tiêu biểu ở phía đông thành phố đang sống trong những điều kiện nhân tạo khiến anh ta coi như đã bị tách rời hẳn cuộc đời trên mặt đất rồi đó sao?”

“Hơn nữa, khuynh hướng đặc biệt của giai cấp giàu có - kết quả của nền giáo dục càng ngày càng hoàn hảo mà họ được hưởng và khoảng cách càng ngày càng tăng giữa họ và những người nghèo khó thô kệch - hiện đã dẫn đến tình trạng một phần lớn diện tích đất được giữ cho riêng họ mà thôi. Ở khu vực Luân Đôn chẳng hạn, có lẽ phân nửa những vùng đất tốt đã ở vào tình trạng ấy. Vì thời gian đòi hỏi quá dài và phí tổn quá lớn cho giáo dục cao cấp, lại thêm phương tiện thuận lợi cũng như khuynh hướng có sẵn khiến người giàu càng ngày càng củng cố vững vàng thêm vị trí của mình, khoảng cách giữa hai giai cấp sẽ càng ngày càng lớn. Trong diễn trình đó, sự trao đổi giữa các giai cấp - thể hiện bình thường bằng các cuộc hôn nhân tạm thời ngăn cản sự phân chia nhân loại theo tiêu chuẩn xã hội - sẽ càng ngày càng ít xảy ra. Cuối cùng, trên mặt đất sẽ là những người CÓ, theo đuổi lạc thú và thẩm mỹ; dưới lòng đất sẽ là những người KHÔNG CÓ, những nhân công dần trở thành quen thuộc với hoàn cảnh lao động. Một khi ở đó, họ phải trả tiền mượn chỗ ở, và một phần không nhỏ cho nhu cầu thông hơi. Nếu chống đối họ sẽ bị bỏ đói cho chết ngộp. Những kẻ bẩm sinh yếu đuối hoặc bướng bỉnh sẽ bị tiêu diệt. Cuối cùng, mức quân bình trở thành vĩnh viễn, những kẻ sống còn trở nên phù hợp với đời sống dưới mặt đất, và cũng hạnh phúc trong lối nhìn riêng của họ y hệt như những người sống trên mặt đất. Với tôi, vẻ đẹp hoàn hảo và nét trắng bệch vì thiếu nắng của hai loại người tương lai chỉ là kết quả đương nhiên.”

“Cái chiến thắng vĩ đại của loài người mà tôi mơ tưởng đã đổi khác trong tâm trí tôi. Đó không phải là chiến thắng của giáo dục luân lý và hợp tác toàn vẹn như tôi tưởng tượng. Thay vì vậy, tôi thấy một giai cấp quý tộc, trang bị bằng một khoa học hoàn hảo để đưa hệ thống kỹ nghệ hiện tại của chúng ta đến một đoạn kết tất yếu. Cái chiến thắng của họ không phải chỉ là một chiến thắng trên thiên nhiên, mà là một chiến thắng trên những người đồng loại. Điều này, cần nhắc với quý vị, là giả thuyết của tôi lúc ấy. Lập luận của tôi trái ngược với những sách viết về

một thế giới lý tưởng. Giả thuyết của tôi có thể hoàn toàn sai, nhưng ngay bây giờ tôi vẫn cho nó là giả thuyết hợp lý nhất. Nhưng, ngay cả với giả thuyết này, ở thế giới tôi đến, nền văn minh quân bình đó hẳn đã vượt quá cao điểm và đi vào giai đoạn suy đốn từ lâu. Sự an toàn quá hoàn hảo của những người trên mặt đất đã khiến họ dần thoái hóa, hình dạng nhỏ đi, sức mạnh và trí thông minh giảm xuống. Điều ấy tôi đã thấy rõ ràng. Những gì đã xảy ra cho thế giới dưới đất thì tôi chưa biết, nhưng dựa theo những gì tôi thấy về giống Morlock - đó là tên của họ - tôi đoán những thay đổi của loài người dưới đất có lẽ còn ghê gớm hơn giống Eloi, giống người đẹp mà tôi đã biết.”

“Vẫn còn những điều khó hiểu. Tại sao người Morlock lại lấy cái máy thời gian của tôi? (Tôi đoán chắc họ đã làm việc ấy). Lại nữa, nếu những người Eloi là chủ, tại sao họ không thể giúp tôi lấy lại cái máy? Tại sao họ quá sợ bóng tối như vậy? Như đã nói từ trước, tôi hỏi Weena về thế giới dưới đất, và tôi đã thất vọng. Thoạt đầu, nàng không hiểu tôi nói gì, khi đã hiểu, nàng nhất định không trả lời tôi. Nàng run rẩy, làm như đó là một đề tài mà nàng không thể nào nghe nổi. Rồi khi tôi ép nàng trả lời, có lẽ hơi quá đáng, nàng bật khóc nức nở. Đó là những giọt nước mắt duy nhất, ngoài nước mắt của chính tôi, mà tôi thấy trong thời tương lai vàng son. Những giọt nước mắt ấy khiến tôi tức khắc quên hẳn giống Morlock, cố tìm mọi cách làm biến mất cái di sản buồn bã của loài người trên đôi mắt nàng. Chỉ một lát sau nàng đã vỗ tay cười thích thú nhìn tôi nghiêm trang đột một que diêm.”

CHƯƠNG 6

“Quý vị có thể cho là lạ, nhưng phải hai ngày sau tôi mới tiếp tục nổi những việc muốn làm. Hình ảnh của con người dưới đất khiến tôi kinh tởm: trắng như những loài sâu và thảo mộc được giữ trong viện sinh vật, và khi đụng vào thì lạnh đến rợn da tay. Lý do khiến tôi kinh tởm người Morlock có lẽ một phần do cảm tình tự nhiên của tôi với người Eloi. Tôi bắt đầu cảm thông nổi ghê sợ của họ.”

“Đêm sau đó tôi ngủ không yên. Có lẽ vì sức khỏe của tôi bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh. Lòng tôi đầy hoang mang và nghi ngờ; đôi khi có cảm giác vô cùng sợ hãi mà không hiểu lý do. Tôi nhớ một lần im lặng lẫn vào căn phòng lớn nơi những người tương lai nhỏ bé đang ngủ dưới ánh trắng - Weena ngủ chung với họ đêm đó - và cảm thấy an toàn hơn vì sự hiện diện của họ. Lúc ấy tôi đã nghĩ chỉ vài ngày nữa khi mặt trăng đi vào tuần lễ cuối cùng của nó, khi đêm sẽ tối đen, thì những con vật từ thế giới phía dưới, loài trắng bệch thay chỗ những con chuột cống cũ, sẽ xuất hiện nhiều hơn. Và trong suốt hai ngày đó tôi liên tục có mặc cảm là mình đã trốn tránh một trách nhiệm đương nhiên. Tôi biết là muốn lấy lại chiếc máy thời gian tôi phải can đảm tìm ra những bí mật của thế giới dưới lòng đất. Nhưng tôi lại không dám đối diện với những bí mật đó. Nếu có thêm một người đồng hành thì đã khác hẳn. Đàng này tôi chỉ có đúng một mình. Chỉ nghĩ đến việc leo xuống bóng tối của cái giếng đủ làm tôi ghê rợn. Không biết quý vị có hiểu không, nhưng tôi luôn cảm thấy như có một cái gì đe dọa ở phía sau lưng.”

“Có lẽ cảm giác khó chịu và thiếu an toàn đó đã thúc đẩy tôi dò xét nhiều địa điểm hơn nữa. Đi về phía tây nam, vùng đất cao hiện nay là Combe Wood, nhìn về phía vùng Banstead của thế kỷ 19, tôi thấy một lâu đài xanh đậm, khác hẳn những công trình kiến trúc khác. Nó lớn hơn tất cả những toà lâu đài đã bỏ hoang mà tôi biết, và có một vẻ Á Đông: màu của mặt tiền pha giữa xanh đậm và xanh lá cây, như màu đồ sứ Trung Hoa. Sự khác biệt bề ngoài khiến tôi nghĩ bên trong chắc cũng khác. Tôi muốn đến nơi xem xét. Nhưng khi tôi nhìn thấy toà lâu đài thì trời đã gần tối; tôi lại vừa trải qua một ngày mệt nhọc. Tôi bèn quyết định hoãn cuộc thám hiểm lại ngày hôm sau, trở về với sự chào mừng và những cái vuốt ve của cô bé Weena. Sáng hôm sau nghĩ lại, tôi cho rằng sự tò mò của tôi đối với toà lâu đài xanh chỉ là một cách tự lừa dối để tránh né thêm một ngày nữa cái việc mà tôi sợ phải làm. Nghĩ thế rồi, tôi liền ra đi từ sớm, trực chỉ một cái giếng gần những đồng đá và nhôm đổ nát.”

“Weena chạy theo, nhảy nhót bên cạnh tôi. Nhưng khi đến miệng giếng, thấy tôi tì vào thành nhìn xuống dưới, nàng tỏ ra thảng thốt lạ kỳ. 'Chào em nhé, Weena,' tôi nói. Tôi hôn nàng, đặt nàng xuống đất để bắt đầu leo qua thành giếng, với tay chụp vào bậc thang. Tất cả đều xảy ra thật nhanh, vì tôi sợ sự can đảm sẽ rời bỏ tôi đi. Weena nhìn tôi sững sốt rồi kêu lên một tiếng vô cùng tội nghiệp. Nàng chạy đến, cốt kéo tôi lại bằng đôi tay nhỏ bé. Nghĩ lại, có lẽ chính phản ứng của nàng đã đẩy tôi vào hoàn cảnh phải tiếp tục. Tôi đẩy nàng ra, hình như bằng một thái độ hơi tàn nhẫn, và chỉ trong giây lát đã vào phía trong thành giếng. Nhìn lên thấy khuôn mặt Weena đầy nét đau khổ, tôi cười để trấn an nàng. Rồi tôi nhìn xuống, định vị trí những thanh ngang không chắc chắn mà tôi đang bám vào.”

“Tôi leo xuống có đến hơn 60 thước tây. Những thanh kim loại cắm vào thành giếng rõ ràng được chế tạo cho những cơ thể nhỏ và nhẹ hơn tôi. Leo chẳng được mấy chốc tôi đã thấy bắp thịt cứng lại và vô cùng mệt mỏi. Mà chẳng phải chỉ mệt thôi! Một thanh kim loại đột ngột cong lại dưới sức nặng của tôi, làm tôi suýt nữa rớt xuống vùng tối đen phía dưới. Trong một thoáng giây, cả người tôi chỉ được giữ lại bằng một bàn tay. Không dám ngừng lại nữa, dù tay và lưng hết sức đau, tôi tiếp tục leo xuống bằng tốc độ nhanh nhất có thể đạt được. Nhìn lên, tôi thấy

miệng giếng, một hình tròn màu xanh giữa có một ngôi sao hiện rõ, mặt của Weena chỉ còn là một bóng màu đen. Tiếng ầm ầm của máy móc phía dưới càng rõ hơn và khó chịu hơn. Tất cả mọi vật, trừ chiếc đĩa trên cao, đều đen kịt, và khi nhìn lên lần nữa, tôi không còn thấy Weena.”

“Tôi thấy khó chịu một cách ghê gớm. Tôi có thoáng nghĩ đến việc đi lên trở lại và để mặc thế giới dưới lòng đất, nhưng ngay trong khi nghĩ như vậy tôi vẫn tiếp tục leo xuống. Cuối cùng, tôi mừng rỡ nhận ra mình chạm phải một cái lỗ đục vào tường chỉ cách bên phải khoảng một tấc tây. Tôi phóng người vào đó. Thì ra đây là miệng của một đường hầm nhỏ nằm ngang. Tôi nằm xuống nghỉ vì đã quá kiệt sức. Tay tôi đau, bắp thịt lưng tôi co rút, và tôi vẫn chưa hết run rẩy vì nỗi sợ tuột tay tan xác ám ảnh từ lúc này. Bóng tối như mực khiến mắt tôi khó chịu. Những tiếng kêu lớn nhỏ của máy móc bơm không khí xuống lòng giếng như bao phủ lấy tôi.”

“Không biết nằm đó được bao lâu thì tôi bừng tỉnh vì bị một bàn tay mềm chạm vào mặt. Ngồi nhồm dậy trong bóng tối, tôi chụp hộp quet và đốt vội một que diêm. Tôi thấy ba bóng trắng lưng còng đang chạy trốn ánh sáng, hình dáng của họ y hệt như con vật nửa khỉ nửa người tôi gặp cạnh những đồng gạch đá đổ nát trước đây. Sống trong bóng tối triền miên, mắt họ cực lớn và vô cùng nhạy cảm, như mắt các loại cá sống dưới lòng biển sâu, và hẳn nhiên cũng phản chiếu ánh sáng tương tự. Tôi chắc chắn họ nhìn thấy tôi thật rõ ràng trong bóng tối, và dường như chẳng hề sợ tôi gì hết. Nhưng, ngay khi tôi vừa đốt diêm lên, họ tức thì bỏ chạy vào trong những lỗ ngách, rồi từ trong vùng tối an toàn đó soi mói nhìn tôi bằng một kiểu cách cực kỳ quái đản.”

“Tôi cố nói chuyện với họ, nhưng chắc vì ngôn ngữ của họ khác với những người trên mặt đất, mọi nỗ lực của tôi đều vô ích. Lúc ấy tôi có nghĩ đến việc rút lui trước khi bắt đầu cuộc thám hiểm, nhưng rồi tôi tự nhủ “đằng nào mình cũng đã xuống tới đây rồi”. Lần theo đường hầm, tôi nghe tiếng máy móc mỗi lúc một lớn. Rồi tay tôi chạm vào khoảng không, thì ra tôi đã đến một vùng trống. Đốt một que diêm khác, tôi thấy mình đứng trước một cái động mái vòm cung rộng mông mênh tiếp nối bằng bóng tối thăm thẳm. Hẳn nhiên, tôi chỉ thấy những gì trong phạm vi được ánh sáng của que diêm trên tay soi tới mà thôi.”

“Tôi chỉ có thể nhớ một cách mơ hồ. Những hình thù khổng lồ của những máy móc lớn nổi bật, soi thành những bóng đen ghê rợn, trong đó những người Morlock trắng như ma lẫn trốn sức chói của ánh sáng. Bầu không khí vô cùng ngột ngạt có vương mùi máu. Ở đâu đó trong hướng nhìn thẳng của tôi là một cái bàn kim loại màu trắng, hình như đang bày một bữa ăn. Thì ra người Morlock là giống ăn thịt! Nhớ lại, lúc ấy tôi đã tự hỏi con vật nào chưa diệt chủng đủ lớn để cho họ miếng thịt đỏ mà tôi thấy. Tất cả đều mờ ảo: cái mùi nặng nề, những hình thù khổng lồ, những bóng dáng xấu xí ẩn núp chỉ chờ bóng tối là ra vồ lấy tôi. Chiếc diêm cháy hết, làm bỏng ngón tay tôi, rơi xuống, rồi chỉ còn là một đốm đỏ lụi tàn trong bóng tối.”

“Lúc ấy tôi mới thấy mình quả đã quá thiếu chuẩn bị cho cuộc thám hiểm này. Khi bắt đầu chế chiếc máy thời gian, tôi đã giả sử lầm lẫn rằng con người ở tương lai chắc chắn vượt xa chúng ta về tất cả mọi loại phương tiện. Tôi đến không mang theo vũ khí, thuốc men, không mang bất cứ thứ gì để hút - nhiều khi tôi thêm thuốc không thể tưởng tượng - ngay cả que diêm cũng không mang đủ. Phải chi tôi mang theo một máy chụp hình Kodak! Tôi đã có thể ghi lại hình ảnh của thế giới dưới lòng đất trong nháy mắt để xem lại sau này. Nhưng, thực tế là tôi đứng đó chỉ với những vũ khí và khả năng mà tạo hóa đã cho tôi - tay, chân, răng; bấy nhiêu, cộng với bốn que diêm còn lại.”

“Tôi không dám tiến lên giữa những máy móc không rõ nơi trong bóng tối, và chỉ ngay trước khi ánh lửa lúc này tắt đi, tôi mới biết tôi còn rất ít diêm. Tôi chưa từng nghĩ đến chuyện tiết kiệm. Tôi đã phí hơn nửa hộp diêm để gây ngạc nhiên cho những người trên mặt đất, vì họ coi lửa là một vật lạ. Hậu quả là, như tôi đã nói, tôi chỉ còn lại bốn que diêm. Trong khi đang đứng trong bóng tối, tay tôi bị một bàn tay chạm vào, mặt tôi bị những ngón tay gầy guộc sờ trụng, và tôi ngửi thấy một mùi hôi hám kỳ lạ. Tôi nghe tiếng thở của đám người nhỏ bé ghê rợn ở

xung quanh. Hộp diêm trong tay tôi bị kéo nhẹ, và có những bàn tay khác đang níu vào áo phía sau lưng tôi. Bị những sinh vật mà tôi không nhìn thấy lục xét thật là một cảm giác hết sức khó chịu. Đột nhiên tôi nhận ra thật rõ ràng rằng tôi chẳng biết gì về lối suy nghĩ cũng như hành động của họ. Tôi hét lên thật lớn. Họ lùi lại, và rồi tôi lại nghe họ tiến về phía tôi như cũ. Họ nắm vào tôi một cách hùng hổ hơn, thậm chí những tiếng quái đản với nhau. Tôi lắc mạnh người, tiếp tục hét những tiếng không mạch lạc. Không còn e dè như lần trước, họ vừa nắm vào tôi vừa phát ra những tiếng cười kỳ lạ. Tôi phải thú nhận là tôi sợ hãi tột độ. Tôi quyết định đốt một que diêm nữa và mượn ánh sáng của nó để tẩu thoát. Que diêm được đốt lên, tôi châm nó vào một mẩu giấy lấy ra từ trong túi, và lùi vào con đường hầm nhỏ. Nhưng vừa vào tới nơi thì ngọn lửa tắt ngúm. Trong bóng tối tôi nghe thấy tiếng những người Morlock đuổi theo, như tiếng đập của gió vào những lá cây, như tiếng mưa rơi trên mặt đất.”

“Trong nháy mắt tôi bị mấy bàn tay chụp lấy. Rõ ràng họ muốn kéo tôi lại. Tôi đốt một que diêm nữa và đưa qua đưa lại trước những khuôn mặt hoảng hốt của họ. Quý vị khó lòng tưởng tượng những nét phản chất người của họ đáng kinh tởm đến mức nào - những khuôn mặt nhợt nhạt không có cảm, những đôi mắt lớn không mí màu đỏ xám - trong ánh nhìn sừng sốt của họ khi bị ánh lửa làm cho mù chột. Nhưng bảo đảm với quý vị là tôi không đứng đó để nhìn họ. Tôi lùi lại, và khi que diêm thứ hai tắt, tôi đốt que thứ ba. Nó gần tắt khi tôi ra tới miệng hầm, vì tiếng kêu của cái bơm lớn phía dưới làm tôi choáng váng. Rồi tôi vươn tay ngang ra, tìm chỗ cầm của chiếc thang. Ngay lúc ấy, chân tôi bị nắm lại, và cả người tôi bị kéo một cách hung bạo từ phía sau. Tôi đốt que diêm cuối... Nó tắt tức thì. Nhưng tôi đã nắm được vào chiếc thang. Đạp chân thật mạnh, tôi vượt khỏi những bàn tay của đám người Morlock và leo nhanh lên thành giếng, trong khi họ ở lại nhướng mắt lên nhìn theo tôi. Chỉ có một tên cố đuổi theo một đoạn, hẳn chụp được chiếc giày bớt của tôi làm bằng có chiến thắng.”

“Tôi có cảm tưởng như đường leo lên dài vô tận. Còn khoảng tám hoặc mười thước sau cùng, tôi buồn nôn không chịu nổi, phải ghì tay trên thang một cách hết sức khó khăn. Thước cuối cùng là cả một cuộc chiến đấu dữ dội. Đầu óc tôi mấy lần trống rỗng, và tôi có cảm giác như mình đang rớt xuống. Cuối cùng, không hiểu bằng cách nào, tôi leo lên tới miệng giếng, bước loạng choạng từ đồng gạch vụn đổ nát ra ngoài ánh nắng mặt trời chói chang. Ngã sắp xuống, tôi thấy ngay cả mặt đất cũng thơm tho và sạch sẽ. Tôi thấy Weena hôn tay và tai tôi, tôi nghe tiếng nói của những người Eloi khác. Rồi, trong một khoảng thời gian, tôi hoàn toàn không biết gì nữa.”

CHƯƠNG 7

“Hoàn cảnh của tôi có phần thêm tuyệt vọng. Trước đó, ngoại trừ nỗi lo lắng hàng đêm về tình trạng của chiếc máy thời gian, tôi đã hy vọng là cuối cùng mình sẽ thoát hiểm. Hy vọng ấy lung lay sau khám phá mới của tôi. Tôi đã tưởng nguyên nhân sự rắc rối của tôi là do tính nghịch phá như trẻ con của đám người Eloi nhỏ bé và một thể lực bí mật nào đó mà tôi chỉ cần nghiên cứu là vượt qua được. Nhưng bây giờ đã có thêm yếu tố mới: người Morlock mà bản chất có một nét nào đó tàn nhẫn và phi nhân. Chỉ với bản năng tự nhiên tôi đã ghê tởm họ. Trước đó, tôi có cảm giác của một người bị rơi vào một cái hố, chỉ cần tìm cách leo lên. Giờ tôi có cảm giác của một con thú mắc bẫy, sắp rơi vào nanh vuốt kẻ thù.”

“Quý vị có thể ngạc nhiên khi biết kẻ thù ấy không gì khác hơn là bóng tối của mùa trăng khuyết. Weena đã khiến tôi phải chú ý đến những ĐÊM ĐEN từ đầu. Những lúc ấy tôi chẳng hiểu nàng muốn diễn tả điều gì, nhưng giờ thì ý nghĩa của hai chữ “Đêm Đen” không còn khó đoán nữa. Mỗi đêm mặt trăng mỗi khuyết, mỗi đêm bóng tối càng tăng; và tôi bắt đầu hiểu loáng thoáng nỗi sợ bóng đêm của loài người trên mặt đất. Dù vẫn còn mơ hồ, không hiểu người Morlock sẽ làm những điều xấu xa gì trong mùa trăng khuyết, tôi đã khá chắc chắn là giả thuyết thứ hai của mình hoàn toàn không đúng. Hẳn đã có một lúc nào đó những người trên mặt đất là lớp quý tộc được ưu đãi, và người Morlock là đầy tớ máy móc của họ: nhưng thời ấy đã qua từ lâu. Hai loài người sinh ra từ đà tiến hóa của nhân loại đã lùi về, hoặc đạt tới một tương lai hoàn toàn mới. Người Eloi, như những ông vua Carlovingian, đã thoái hóa đến độ chỉ còn là những hình ảnh vô dụng đẹp đẽ. Họ vẫn mặc nhiên là chủ nhân của trái đất chỉ vì người Morlock sống dưới lòng đất quá nhiều thế hệ, đã không còn khả năng chịu đựng ánh sáng ban ngày. Tôi cho rằng việc người Morlock may quần áo cũng như cung cấp các nhu cầu khác cho người Eloi chỉ là tàn dư của thói quen phục vụ. Họ làm vậy như một con ngựa dùng móng bới đất, hoặc con người hiện tại thích giết thú rừng khi săn bắn: những phản ứng tâm lý còn sót lại sau khi nhu cầu cũ đã ra đi. Nhưng hẳn nhiên thứ tự cũ đã phần nào đảo lộn. Đã đến lúc lật quả báo được thi hành. Thuở xa xưa, bao nhiêu ngàn thế hệ trước, con người đã đẩy anh em của họ ra khỏi vùng của tiện nghi và ánh sáng. Bây giờ người anh em đó trở về - hoàn toàn khác! Người Eloi đã bắt đầu học lại một bài học cũ. Họ bắt đầu làm quen trở lại với sự sợ hãi. Và đột nhiên trong đầu tôi hiện ra hình ảnh của miếng thịt tôi thấy ở thế giới dưới lòng đất. Thật lạ kỳ: hình ảnh ấy xuất hiện không phải như một kết quả của suy nghĩ, mà như một câu hỏi từ phía ngoài đi vào tâm trí tôi. Tôi cố nhớ lại, nhưng lúc ấy chỉ có cảm tưởng mơ hồ của một cái gì quen thuộc mà không rõ ràng đích xác được hơn.”

“Nhưng không cần biết những con người nhỏ bé bất lực như thế nào trước nỗi sợ hãi của họ, tôi là một trường hợp khác. Tôi đến từ thời đại của chúng ta, thời đại trưởng thành của nhân loại, khi mà sự sợ hãi không đủ làm người ta tê liệt và sự bí mật đã mất ý nghĩa kinh hoàng. Tối thiểu tôi sẽ tự bảo vệ lấy mình. Không chần chờ nữa, tôi quyết định tìm vũ khí và một chỗ ngủ an toàn. Với một nơi ẩn náu làm căn bản, tôi có thể đương đầu thế giới này với sự yên tâm mà tôi đã mất sau khi biết những nguy hiểm có thể xảy ra nếu tôi thu động hết đêm nọ đến đêm kia chờ đến lúc bị tấn công. Tôi cảm thấy mình không thể nào ngủ nổi nữa cho đến khi có nơi trú ẩn. Nghĩ đến việc mình đã bị những người Morlock khám xét, tôi run lên vì ghê sợ.”

“Tôi đi dọc theo thung lũng dòng Thames suốt buổi trưa nhưng không tìm ra chỗ nào đủ kín đáo. Tất cả những dinh thự và cây cối đều quá dễ dàng đối với những kẻ leo trèo thiện nghệ; và dựa theo cách cấu tạo của những chiếc giếng, tôi đoán leo trèo là sở trường của người Morlock. Rồi tôi nhớ lại tòa lâu đài sứ màu xanh với những bức tường bóng và những tháp cao. Chiều hôm ấy, để Weena ngồi trên vai như một đứa bé, tôi đi lên những ngọn đồi về phía tây nam. Tôi

cứ tưởng chỉ phải đi bảy hoặc tám dặm, không ngờ đến gần mười tám. Thì ra tôi đã thấy tòa lâu đài này vào một buổi chiều ẩm ướt nên đoán sai khoảng cách. Không những vậy, một chiếc giày của tôi lại tuột đế nên bị dính cắm vào - đây là đôi giày cũ rất êm chân tôi thường đi trong nhà - khiến chân tôi đau phải đi khập khiễng. Vì vậy khi mặt trời đã lặn hẳn tôi vẫn chưa tới nơi. Xa xa tòa lâu đài đứng như một bóng đen tương phản với màu vàng vọt của bầu trời sắp tối.”

“Lúc đầu, Weena rất mừng khi được đặt ngồi trên vai tôi, nhưng một lát sau nàng đòi tôi bỏ xuống đất. Nàng chạy theo bên cạnh, thỉnh thoảng lại ngắt hoa bằng tay này hoặc tay kia bỏ vào túi áo tôi. Những chiếc túi áo luôn luôn khiến Weena thắc mắc, nhưng sau cùng nàng kết luận rằng chúng là một loại bình hoa kỳ cục, và nàng sử dụng chúng cho mục đích đó. À nói vậy tôi mới nhớ! Khi thay áo ngoài, tôi tìm thấy...”

Người vượt thời gian ngừng nói, đưa tay vào túi áo, và kéo ra hai đóa hoa lan đặt lên bàn. Chúng giống như hoa lan nhưng rất lớn. Rồi hắn tiếp tục câu chuyện.

“Khi sự im lặng của buổi chiều tà đã đổ xuống mà chúng tôi vẫn đi lên ngọn đồi về phía Wimbledon. Weena có vẻ mệt và tỏ ý muốn trở về tòa dinh thự bằng đá xám. Nhưng tôi chỉ cho nàng thấy những tháp cao của tòa lâu đài xanh bằng sứ và kiếm cách giải thích cho nàng hiểu rằng tôi và nàng đang đi tìm nơi ẩn náu khỏi nỗi Sợ Hãi của nàng. Quý vị biết sự im lặng ghê gớm ngay lúc trời sắp tối chứ? Ngay cả những cơn gió nhẹ thổi xuyên qua các tầng cây cũng ngưng đọng lại. Đối với tôi, bao giờ cũng có một biểu hiện của sự đợi chờ trong cái vắng lặng đổ của buổi hoàng hôn. Bầu trời trong vắt, xa xăm và trống rỗng ngoại trừ vài lần ngang ở tận nơi xuống của vầng thái dương. Vâng, đêm ấy cảm giác đợi chờ biến thành nỗi sợ hãi trong tôi. Giữa cái yên tĩnh tối tăm đó mọi giác quan của tôi đều trở thành sắc bén. Tôi tưởng như cảm nhận được cả sự trống rỗng của vùng đất dưới chân; đến nỗi gần như nhìn xuyên thủng nó để thấy những người Morlock rảo quanh các nơi chốn như tổ kiến của họ, đợi chờ trong bóng tối. Trong cơn cảm xúc, tôi tưởng tượng việc tôi xâm nhập vào lãnh thổ của họ đã bị coi là một sự tuyên chiến. Tại sao họ lại lấy chiếc máy thời gian của tôi?”

“Chúng tôi tiếp tục đi trong yên lặng. Bóng xám của hoàng hôn đậm dần thành đêm tối. Màu xanh trong ở xa xăm biến dạng, các ngôi sao tiếp nối nhau hiện ra trên bầu trời. Mặt đất mờ và cây cối xám. Sự sợ hãi và mệt mỏi của Weena tăng lên. Tôi ôm nàng trong vòng tay, thủ thủ trấn an và vuốt ve nàng. Rồi khi bóng đêm tăng thêm, nàng quàng hai tay quanh cổ tôi, nhắm mắt, áp mặt vào vai tôi. Chúng tôi đi xuống một thung lũng. Vì trời tối, suýt nữa tôi dẫm chân xuống một dòng sông nhỏ. Bước ra khỏi dòng sông, tôi đi về phía ngược lại, qua một số những dinh thự im lìm như say ngủ, và một cái tượng - hình người Faun có đuôi dè của thần thoại La Mã hoặc tương tự như vậy - đã mất đầu. Tôi cũng thấy những cây xương rồng. Chưa có dấu hiệu gì của người Morlock, nhưng đêm hãy còn sớm, lát nữa mới là những giờ tối đen trước khi có ánh trăng lên.”

“Tới đỉnh ngọn đồi kế tiếp, tôi thấy một khu rừng rậm trải thành một vùng tối đen trước mặt. Tôi phân vân vì bên phải cũng như bên trái đều không thấy bìa rừng đâu cả. Đã mệt, lại đau chân, tôi cẩn thận đặt Weena xuống và ngồi nghỉ trên thảm cỏ. Tôi không còn thấy tòa lâu đài sứ màu xanh ở đâu nữa và bắt đầu nghi là mình bị lạc. Nhìn vào khu rừng rậm, tôi thầm hỏi bên trong ấy ẩn giấu những gì. Không thể nào nhìn thấy những ngôi sao trên trời dưới những tầng cây rậm rạp; dù không có sự đe dọa nào - tôi không muốn nghĩ thêm về sự đe dọa - thì vẫn có những rễ cây dễ vấp ngã và những thân cây rất khó tránh đụng vào.”

“Quá mệt mỏi sau một ngày nhiều diễn biến, tôi không muốn đối diện với những bất ngờ trong khu rừng ấy, thế là tôi quyết định nghỉ lại ở trên đồi.”

“Tôi rất mừng khi thấy Weena đã ngủ say. Tôi cẩn thận cuốn chiếc áo choàng của tôi lên người nàng và ngồi chờ ánh trăng lên. Suốt đời yên tĩnh và hoang vắng, nhưng trong bóng đen của

khu rừng thỉnh thoảng vẫn có những âm thanh của sự sống. Trên bầu trời quang đặng những vì sao chiếu lấp lánh, cho tôi một cảm giác gần gũi thân yêu. Những chùm sao quen thuộc không còn nữa. Sự chuyển động, dù chậm chạp đến nỗi không thể nhận ra trong hàng trăm đời sống, đã từ lâu đưa chúng vào những vị trí khác. Nhưng tôi vẫn thấy giải ngân hà như một dòng của những bụi sao như cũ. Phía nam (tôi đoán thế), có một ngôi sao sáng đỏ rực rỡ, hoàn toàn lạ đối với tôi. Nó rực rỡ hơn cả ngôi sao xanh Sirius của chúng ta. Và giữa muôn ngàn điểm sáng này là một hành tinh phản chiếu ánh sáng êm dịu, như khuôn mặt của một người bạn cũ lâu ngày.”

“Nhìn những ngôi sao ấy, đột nhiên tôi thấy những khó khăn của riêng tôi cũng như sự quan trọng của đời sống trên trái đất đều trở thành nhỏ bé. Tôi nghĩ đến khoảng cách không thể đo lường của những ngôi sao, những chuyển động chậm chạp như tất yếu của chúng từ một quá khứ không biết đến một tương lai không biết. Tôi nghĩ đến cái vòng tuần hoàn dài dằng dặc biểu hiện bởi sự đối trục của trái đất. Sự chuyển đổi âm thầm đó chỉ xảy ra bốn mươi lần trong suốt khoảng thời gian tôi đã vượt qua. Và sau số lần chuyển đổi ít ỏi này, tất cả mọi sinh hoạt, mọi truyền thống, những hệ thống phức tạp, những quốc gia, ngôn ngữ, văn chương, cảm hứng, ngay cả ký ức về loài người như tôi biết, đã bị đẩy vào quá khứ. Chỉ còn những sinh vật yếu đuối quên mất nguồn gốc cao đẳng của họ, và những sinh vật trắng bệch khiến tôi rùng rợn. Rồi tôi nghĩ đến nỗi Sợ Hãi Vô Cùng giữa hai loài người, và lần đầu tiên, với một cái rùng mình bất ngờ, tôi chợt hiểu nguồn gốc của miếng thịt tôi đã nhìn thấy. Nhưng sự thật này khủng khiếp quá! Nhìn Weena đang ngủ bên cạnh, khuôn mặt trắng trẻo của nàng sáng như một vì sao dưới những ngôi sao, tôi liền xua đuổi ý nghĩ ấy đi.”

“Suốt đêm dài đó tôi cố không nghĩ đến người Morlock và giết thời giờ bằng cách nhìn lên tìm dấu tích của những chòm sao cũ. Bầu trời rất trong, chỉ thỉnh thoảng có vài cụm mây loáng thoáng. Dĩ nhiên tôi có ngủ gật vài lần, nhưng cuối cùng từ phía đông xuất hiện một vùng mờ nhạt, như ánh phản chiếu của một ngọn lửa không màu; rồi mặt trăng xuất hiện, nhọn khuyết và trắng xóa. Theo ngay sau và lấn át nó là ánh bình minh, bắt đầu một cách yết ớt rồi trở thành tươi hồng và ấm áp. Không có người Morlock nào tìm đến chúng tôi. Đúng hơn, cả đêm tôi không thấy bóng dáng một người Morlock ở bất cứ nơi nào trên đồi. Trong sự tự tin của một ngày mới, tôi gần như cảm thấy nỗi sợ hãi hôm trước của mình là vô căn cứ. Tôi đứng dậy. Bàn chân trong chiếc giày tuốt đế sừng tấy ở mắt cá và thật đau dưới gót. Tôi ngồi xuống trở lại, tháo cả hai chiếc giày ra và vất chúng đi.”

“Tôi đánh thức Weena. Chúng tôi vào khu rừng bây giờ xanh tươi chào đón thay vì tối đen đầy cảm đoán. Chúng tôi dùng bữa sáng bằng một số trái cây tìm được và sau đó chẳng bao lâu, gặp một số người Eloi đang cười đùa nhảy nhót dưới ánh mặt trời như không hề biết trên đời còn có bóng đêm. Tôi lại nghĩ đến miếng thịt mà tôi thấy. Tôi đã khá chắc chắn về nguồn gốc của nó, và tận đáy tim tôi tội nghiệp cho cái dòng suối nhỏ bé yếu ớt sau cùng của dòng sông nhân loại vĩ đại. Rõ ràng, ở một quá khứ xa xưa nào đó trong diễn trình thoái hoá của loài người, giống Morlock đã cạn nguồn thực phẩm. Ngay trước đó có thể họ phải sống bằng thịt chuột bỏ hoặc các loài dơ bẩn tương tự. Ngay trong thời đại chúng ta, loài người đã không còn chọn lọc các món ăn như xưa - ít chọn lọc hơn hẳn loài khỉ. Cái thành kiến khiến họ sợ thịt người không phải là một phần của bản năng sâu xa. Vì vậy những đứa con vô nhân đạo này của loài người đã...! Tôi cố nhìn sự việc trên căn bản khoa học. Dù sao, phải nhìn nhận là họ có ít nhân tính hơn và về thời gian cũng xa xôi hơn những tổ tiên ăn thịt người của chúng ta ba bốn ngàn năm trước. Vả lại, cái khả năng suy nghĩ khiến việc làm ghê tởm đó ám ảnh con người đã biến mất từ lâu. Tại sao tôi phải hành hạ tâm tư mình? Những người Eloi chỉ là gia súc để những người Morlock sống như kiến nuôi cho lớn và làm thịt - nhiều khi còn gây giống theo ý muốn. Và Weena vẫn đang nhảy múa bên cạnh tôi!”

“Tôi cố dần để khỏi bị sự hãi hùng chiếm ngự bằng cách nghĩ rằng đây là một hình phạt đích đáng cho sự ích kỷ của loài người. Con người đã bằng lòng sống thoải mái và vui vẻ trên sức lao động của những anh em, đã sử dụng hai chữ “nhu cầu” như kim chỉ nam và lý do biện hộ, và

cuối cùng thời gian đã bắt họ trả nợ cho hai chữ “nhu cầu” đó. Tôi cố tìm cách suy nghĩ mỉa mai kiểu Carlyle về cái tính quý phái đã thoái hóa này. Nhưng tôi không làm được việc ấy. Dù trí tuệ đã suy đồi đến bao nhiêu, giống Eloi vẫn còn quá nhiều hình dáng của con người, tôi không thể nào không thương cảm, không thể nào không thấy mình muốn chia sẻ với sự suy thoái cũng như nỗi sợ hãi của họ.”

“Lúc ấy tôi chỉ có khái niệm rất mơ hồ về các việc phải làm. Trước hết tôi phải tìm một nơi ẩn náu an toàn, và phải tìm vũ khí bằng kim loại hoặc bằng đá làm vật phòng thân. Đó là việc cần thiết nhất. Kế đến, tôi hy vọng tạo ra lửa, để có một ngọn đuốc trong tay; vì tôi biết lửa là vũ khí chống lại người Morlock hữu hiệu nhất. Tiếp nữa, tôi muốn tìm cách phá cánh cửa đồng dưới tòa sư tử trắng. Tôi nghĩ đến một cái búa tạ. Tôi cho rằng nếu tôi có thể lọt qua cánh cửa với một ngọn lửa, tôi sẽ tìm thấy chiếc máy thời gian và trốn thoát; vì tôi không tin những người Morlock có đủ sức mạnh để mang nó đi xa. Về Weena, tôi quyết định đưa nàng về thời đại của chúng ta.”

“Vừa suy nghĩ về những kế hoạch như vậy, tôi vừa tìm đường đến tòa lâu đài mà tôi đã chọn làm nơi trú ẩn.”

CHƯƠNG 8

“Khi đến tòa lâu đài bằng sứ xanh vào giữa trưa, tôi khám phá rằng nó đã hoàn toàn hoang phế. Những cửa sổ chỉ còn miếng kính vỡ bám lại, lớp tường màu xanh bên ngoài đã lở nhiều nơi, để lộ ra những mảng lớn kim loại han rỉ. Tòa lâu đài ở một chỗ đất cao đầy cỏ. Nhìn về phía đông bắc trước khi bước vào, tôi ngạc nhiên nhận ra một cửa sông lớn - có thể là cả một khúc sông - đã hoàn toàn khô cạn ở chỗ hiện nay là Wandsworth và Battersea. Thấy vậy, tôi tự nhiên thắc mắc, không hiểu những gì đã hoặc đang xảy ra cho các sinh vật ngoài biển. Nhưng tôi chỉ nghĩ đến đó rồi thôi.”

“Xem xét kỹ, tôi thấy tòa lâu đài quả nhiên được làm bằng sứ. Mặt tiền có khắc một số chữ lạ. Tôi nghĩ - một cách khá ngây ngô - rằng Weena có thể giúp tôi hiểu ý nghĩa của những chữ viết đó, rồi chợt nhớ là nàng không hề có một khái niệm gì về văn tự. Chẳng hiểu sao nhiều lúc tôi có cảm tưởng nàng có đầu óc tương tự như con người chúng ta, có lẽ vì nàng có những tình cảm quá giống con người.”

“Đằng sau cánh cửa đã bể và mở sẵn không phải là một căn phòng vĩ đại quen thuộc mà là một khu triển lãm được chiếu sáng bằng nhiều khung cửa sổ. Nhìn thoáng qua, khu triển lãm này gợi cho tôi hình ảnh của một viện bảo tàng. Nền gạch cũng như vô số các đồ vật đều phủ đầy bụi bặm. Ở giữa phòng rõ ràng là phần dưới của một bộ xương lớn, đứng trong tư thế quái đản và nghiêm trang. Dựa theo cái chân xéo, tôi nhận ra đó là một giống vật tiền sử đã tuyệt chủng thuộc họ Megatherium. Cái sọ và những xương ở phần trên thân nó nằm ngay bên cạnh dưới lớp bụi dày; và ở một chỗ từng có nước mưa rơi xuống theo một chỗ dột trên mái là những mẫu xương đã bị xói mòn. Xa hơn là một bộ xương khổng lồ của loài Brontosaurus. Giả thuyết bảo tàng viện của tôi đã được xác nhận. Gần tường có những khối nằm nghiêng như những chiếc kệ. Gạt lớp bụi dày sang một bên, tôi thấy những hộp kính quen thuộc của thời đại chúng ta; và dựa theo tình trạng khá hoàn hảo của những vật bên trong, tôi đoán chúng được giữ kín không bị không khí lọt vào.”

“Hiển nhiên tôi đang đứng trước tàn tích của một thời đại sau này của nam Kensington! Nơi tôi đang quan sát có lẽ là khu cổ học. Dù bị ngăn cản, và bị giảm chín mươi chín phần trăm sức mạnh vì sự tuyệt chủng của các loài vi sinh vật và vi thực vật, sự tàn phá của thời gian vẫn tiến hành một cách vô cùng chậm chạp nhưng tuyệt đối chắc chắn. Tuy thế, dựa trên những gì còn lại vẫn có thể đoán đây đã là một công trình thu thập vô cùng vĩ đại. Đầu đó tôi thấy dấu vết của loài người mới dưới dạng những thạch tích bể từng mảnh hoặc ghép với nhau. Vài hộp kính đã bị di chuyển ra khỏi vị trí ban đầu - tôi đoán thủ phạm là người Morlock. Khung cảnh thật yên lặng. Ngay cả tiếng chân của chúng tôi cũng bị hút mất bởi lớp bụi dày. Weena, này giờ chơi đùa bằng cách để một con nhím biển lăn theo mặt nghiêng của một hộp kính, đi đến gần trong khi tôi vẫn còn đảo mắt chăm chú nhìn quanh. Nàng lặng lẽ nắm tay và đứng cạnh bên tôi.”

“Dựa theo kích thước của nơi tôi và Weena đang đứng thì tòa lâu đài bằng sứ xanh không chỉ là một nơi triển lãm cổ học. Nó có thể là một tập hợp của nhiều khu triển lãm lịch sử. Nó cũng có thể là một thư viện! Với tôi, tối thiểu trong hoàn cảnh hiện tại, những cái “có thể” đó đáng chú ý hơn là kho tàng cổ địa chất học đã bị tàn phá nằm trước mắt. Xem xét thêm, tôi tìm thấy một phòng triển lãm ngắn nằm thẳng góc với phòng đầu tiên. Phòng này dường như là khu khoáng chất. Nhìn thấy một khối sulfur, tôi nghĩ ngay đến thuốc súng. Nhưng tôi không thấy hỏa thạch; đúng nhất, chẳng có bất cứ thứ gì thuộc họ nitrate. Hẳn nhiên chúng đã biến mất từ lâu trên địa cầu. Riêng khối sulfur vẫn làm tôi suy nghĩ. Những thứ khác trong phòng triển lãm đó, mặc dù

được gìn giữ cẩn thận hơn tất cả những gì tôi thấy, lại chẳng có gì đáng chú ý. Tôi vốn không phải là một chuyên viên khoáng chất.”

“Tôi vào một hành lang hoang tàn chạy song song với căn phòng thứ nhất. Hình như đây là khu sinh vật. Vài mảnh nhẵn nhéo và đen đúa còn lại của những con vật nhồi. Những xác ướp khô trong những bình rượu một thời chứa cồn. Đất bụi còn sót lại của những cành lá đã tiêu tan. Tất cả chỉ có thế! Tôi thấy tiêng tiếc, vì nếu dò biết được diễn trình điều chỉnh của công cuộc chinh phục thiên nhiên hẳn là một điều thích thú. Tiếp đó chúng tôi tới một phòng triển lãm có thể diễn tả một cách nôm na là hết sức vĩ đại nhưng khá thiếu ánh sáng, mặt sàn hơi đi xuống tính từ chỗ bước vào. Trên trần có những vật hình cầu treo đều nhau, nhiều cái đã nứt hoặc bể nhưng cũng đủ là dấu hiệu cho thấy lúc đầu phòng này đã được giữ sáng bằng phương pháp nhân tạo. Nó tương đối hợp với tôi hơn các phòng trước, vì bên phải cũng như bên trái là những máy móc khổng lồ, hầu hết đều rỉ sét, nhiều cái đã đổ sụp, nhưng vài cái vẫn còn khá đầy đủ bộ phận. Tôi có tật mê máy móc, như quý vị đã biết, nên lần quần ở đó một lúc khá lâu. Một lý do khiến tôi mất thời giờ là hầu hết những máy móc đó đều rất lạ lẫm, tôi chỉ có thể đoán một cách rất mơ hồ về mục đích của chúng. Tôi nghĩ nếu tôi tìm ra bí mật của chúng, có thể bí mật ấy sẽ giúp tôi đối phó hữu hiệu với người Morlock.”

“Bất ngờ, Weena bám sát vào người tôi. Bất ngờ đến nỗi làm tôi giật mình. Nhưng nếu không vì vậy tôi đã không hề để ý rằng sàn của phòng triển lãm này nằm nghiêng. Chỗ tôi vào ở trên mặt đất khá xa, và được soi sáng nhờ những cửa sổ đẹp hiếm hoi. Khi đi vào, mặt đất bên ngoài cao dần lên cản những cửa sổ này, cuối cùng tới chỗ sâu chỉ còn một lần ánh sáng ở trên cao. Tôi đi chậm chậm, suy nghĩ về những cái máy, quá chìm đắm trong thế giới của đầu óc nên hoàn toàn không biết là ánh sáng càng lúc càng ít đi, cho tới khi sự sợ hãi tăng dần của Weena khiến tôi chú ý. Tôi đưa mắt ra xa, thấy căn phòng triển lãm chạy dài đến một vùng bóng tối. Luống lự một lát, tôi nhìn quanh và nhận ra rằng lớp bụi phủ trên sàn có phần mỏng hơn và thiếu đều đặn hơn, và ở phía xa, gần khu bóng tối, hình như bị gián đoạn bởi một số vết chân nhỏ và hẹp.”

“Cảm giác về sự hiện diện của người Morlock tức thì sống dậy trong tôi. Tôi thấy mình đã tổn phí thời giờ xem xét những chiếc máy kia một cách vô ích. Tôi nhận ra lúc ấy đã về chiều, và tôi vẫn chưa có vũ khí, chưa có nơi ẩn náu, chưa có phương tiện để làm ra lửa. Rồi từ trong vùng bóng tối sâu thẳm của căn phòng, tôi nghe những tiếng xì xào lạ kỳ, y hệt như những tiếng tôi đã nghe ở dưới chiếc giếng kia.”

“Tôi nắm tay Weena và rồi, nảy ra một ý bất ngờ, tôi bỏ nàng đứng đó chạy đến một chiếc máy có một cái cần giống như cần của các ổ điện đèn đường. Leo lên dàn giữ máy, tôi nắm cái cần bằng hai tay, kéo ngang bằng hết cả sức năng của mình. Weena bắt đầu kêu lên những tiếng sợ hãi vì phải đứng một mình ở giữa lối đi. Tôi đã ước lượng sức chịu của cái cần khá chính xác, quả nhiên nó gãy sau khoảng một phút bị kéo mạnh. Thế là tôi trở về bên cạnh Weena với một vũ khí chắc chắn dư sức đập bể bất cứ chiếc sọ Morlock nào tôi gặp. Quý vị có thể cho là tôi tàn ác, ai lại muốn giết con cháu mình! Nhưng chẳng hiểu sao tôi không thể cảm thấy một dấu vết gì của con người ở chúng. Nếu không vì phải coi chừng Weena và vì sợ sự thèm khát giết chóc có thể gây tai hại cho chiếc máy thời gian, tôi đã chạy thẳng xuống vùng bóng tối của căn phòng, giết sạch bọn thú đã gây ra những tiếng động lọt đến tai tôi.”

“Một tay nắm thanh kim loại, một tay giữ Weena, tôi rời phòng triển lãm đó để đến một phòng khác rộng lớn hơn, thoáng nhìn giống như một giáo đường quân đội treo đầy những mảnh cờ rách vụn. Rồi tôi nhận ra những mảnh màu nâu rách nát từ tường nhô ra chính là dấu tích của những quyển sách. Chúng mục nát từ lâu, và mọi dấu vết của văn tự đều không còn nữa; nhưng những mẫu giấy cứng cong queo, và những miếng gài bằng kim loại rạn nứt đã nói lên tất cả. Nếu là một con người văn chương, có lẽ tôi đã suy ngẫm về sự vô ích của mọi tham vọng. Nhưng điều khiến tâm tư tôi giao động mạnh nhất là sự uổng phí công lao của loài người, hiển hiện qua những mẫu giấy mục nát buồn thảm kia. Phải thú nhận lúc ấy tôi nghĩ nhiều nhất đến

mười bảy bài nghiên cứu quang học của tôi đã xuất hiện trong các tập Philosophical Transactions.”

“Đi lên một cầu thang rộng, chúng tôi đến một căn phòng có lẽ một thời là khu triển lãm hóa học. Tôi không có hy vọng tìm được thứ gì ở đây. Ngoài trừ một góc trần bị sụp xuống, căn phòng còn khá toàn vẹn. Nóng nẩy xem xét từng tủ kính chưa bị bể, cuối cùng, trong một tủ kính được bịt thật kín để ngăn không khí, tôi tìm thấy một hộp diêm. Tôi vội vàng thử ngay và khám phá là nó ở trong tình trạng hoàn hảo. Tôi quay về phía Weena, nói bằng ngôn ngữ của nàng: “Nhảy múa đi Weena”. Với hộp diêm này, tôi đã có trong tay vũ khí hữu hiệu nhất để chống lại người Morlock. Thế là giữa cái bảo tàng viện già nua hoang phế đó, trên lớp thảm bụi dày, trong sự vui mừng vô hạn của Weena, tôi trân trọng nhảy theo một điệu vũ hỗn hợp, vừa sung sướng huýt gió bài “the Land of the Leal.” Có lúc tôi theo một điệu cancan đơn giản, có lúc là điệu dậm chân, có lúc là điệu múa váy (tôi dùng hai đuôi dài của chiếc áo ngoài), có lúc là những bước do tôi tự chế ra, vì như quý vị đã biết, tôi vốn có nhiều sáng kiến.”

“Nghĩ lại, một hộp diêm hoàn toàn không bị thời gian xoi phá quả là chuyện kỳ lạ bậc nhất trên đời, và là một điều cực kỳ may mắn cho tôi. Vậy mà, tôi còn tìm ra một chất lạ kỳ hơn nữa: băng phiến. Khối băng phiến này ở trong một cái bình mà - tôi đoán có lẽ nhờ một sự tình cờ ghê gớm - hoàn toàn không bị không khí len vào. Tôi cứ tưởng nó là chất nền, nên đập bể cái bình không nương tay. Nhưng mùi băng phiến không thể làm được. Thử nghĩ, trong khi mọi vật chung quanh đều mục nát, chất dễ bay hơi này lại tồn tại có lẽ đến cả hàng ngàn thế kỷ! Nó khiến tôi nhớ lại bức in từ một thạch tích đã hóa đá từ cả triệu năm về trước mà có lần tôi được thấy. Tôi định vứt khối băng phiến đi, nhưng sức nhớ băng phiến là chất dẫn hỏa cháy với ngọn lửa thật sáng, tức là có thể dùng như một cây nến thượng hạng; tôi bèn bỏ nó vào túi áo. Tôi không tìm thấy thuốc nổ, cũng không thấy bất cứ thứ gì khác có thể phá cánh cửa đồng dưới tòa sư tử. Ngắn gọn, thanh sắt là chiến lợi phẩm hữu dụng nhất của tôi. Tuy vậy, tôi rời phòng triển lãm đó lòng ngập tràn vui sướng.”

“Tôi không thể kể cho quý vị tất cả những chuyện xảy ra trong buổi chiều hôm ấy, bởi hồi tưởng lại những chi tiết của mọi cuộc thám hiểm theo đúng thứ tự không phải là chuyện dễ. Tôi nhớ có một căn phòng với những giá kim loại rỉ sét. Tôi đã phân vân giữa thanh sắt trong tay, một cái búa, và một thanh kiếm. Tôi không thể mang theo tất cả, và thanh sắt vẫn cho tôi nhiều hy vọng nhất trong việc phá cánh cửa đồng kia. Tôi cũng thấy một số súng trường và súng lục. Hầu hết chỉ còn là những khối thép rỉ, nhưng nhiều khẩu súng được chế bằng một thứ kim loại thì coi vẫn còn khá tốt. Rất tiếc những thứ từng là băng đạn hoặc thuốc súng đều đã mục nát trở thành cát bụi. Một góc phòng bị vỡ và có nhiều vết nám, tôi đoán là hậu quả của một vụ nổ tình cờ. Tới một chỗ khác thì đầy đầy những tượng - Polynésia, Mễ Tây Cơ, Hy Lạp, Phoenician, có lẽ tất cả mọi nước trên thế giới. Ở đó, không dần nổi ý muốn thúc đẩy, tôi viết tên tôi lên mũi một pho tượng quái vật Nam Mỹ mà tôi đặc biệt chú ý.”

“Sự tò mò của tôi giảm dần khi bóng chiều trải xuống. Tôi đã qua hết phòng triển lãm này đến phòng triển lãm khác. Phòng nào cũng đầy bụi bặm, cũng im lìm, đa số hoàn toàn hư phế. Những vật triển lãm có chỗ chỉ còn là những đồng kim loại rỉ sét hoặc những vụn than non, có chỗ đỡ hơn một chút. Ở một chỗ tôi đột nhiên thấy mình đang đứng gần mô hình của một mỏ thiếc, và rồi do một sự tuyệt đối tình cờ tôi tìm được, trong một cái hộp ngăn không khí, hai khối mìn! Tôi kêu lớn lên “Eureka!” và sung sướng đập vỡ cái hộp ra. Rồi một sự nghi ngờ khiến tôi lưỡng lự. Tôi chọn một phòng triển lãm nhỏ bên cạnh để thực hiện cuộc thí nghiệm của mình. Chưa bao giờ tôi thất vọng đến như vậy, tốn năm, mười, mười lăm phút để chờ đợi một tiếng nổ không bao giờ xảy ra. Dĩ nhiên hai khối mìn đó chỉ là đồ giả, bởi có ai chung mìn thật trong hộp ở một phòng triển lãm bao giờ. Nghĩ lại, nếu đó là mìn thật, rất có thể là tôi đã vội vàng chạy đi phá nát tất cả: tòa sư tử, cánh cửa đồng, và (như sự kiện sau này chứng minh) ngay cả hy vọng tìm ra chiếc máy thời gian.”

“Hình như ngay sau đó chúng tôi đến một cái sân trống nhỏ trong tòa lâu đài. Sân này mọc đầy

cỏ và có ba cây sai trái. Chúng tôi nghỉ ngơi và ăn trái cây. Khi mặt trời sắp lặn, tôi nghĩ lại hoàn cảnh của tôi và Weena. Đêm sắp xuống, và tôi vẫn chưa tìm ra một nơi ẩn náu để không còn ai xâm phạm được. Nhưng điều đó chẳng còn khiến tôi lo ngại mấy. Trong tay tôi có một vũ khí mà tôi cho rằng hữu hiệu nhất để chống lại người Morlock. Tôi có những que diêm! Ngoài ra, tôi còn có một miếng băng phiến trong túi áo để đốt lên một ngọn lửa sáng nếu cần. Tôi nghĩ cách hay nhất là ở ngay ngoài trời đêm đó, với một ngọn lửa phòng thân. Sáng hôm sau phải tìm cách lấy lại chiếc máy thời gian. Để đạt mục đích, tôi vẫn chẳng có gì hơn là một thanh sắt. Nhưng bây giờ, nhờ hiểu biết nhiều hơn, sự suy nghĩ của tôi đã thay đổi. Cho đến lúc ấy tôi còn cố dằn lòng chưa tìm cách nạy cho cánh cửa bật ra chỉ vì không rõ phía bên kia có bí mật gì. Tôi không tin là cánh cửa ấy chắc lắm, và tôi hy vọng thanh sắt của tôi đủ cứng để làm nó mở ra.”

CHƯƠNG 9

“Chúng tôi ra khỏi tòa lâu đài khi mặt trời chưa lặn hẳn. Tôi đã nhất định đến tòa sư tử trắng sáng hôm sau, và bất kể trời tối, tôi sẽ vượt qua khu rừng đã cản bước tôi trong chuyến đi trước. Kế hoạch của tôi là cố đi thật xa trong đêm, và khi mệt thì dừng lại, đốt một ngọn lửa, ngủ với sự bảo vệ của nó. Đã định như vậy, tôi nhặt những khúc cây và cỏ khô trên đường, kẹp vào người, tay giữ chân đi. Nhưng chính vì thế mà chúng tôi đi chậm hơn dự tính; hơn nữa Weena tỏ ý thăm mệt, và tôi thì buồn ngủ. Khi chúng tôi tới khu rừng, đêm đã hoàn toàn buông xuống. Weena dừng lại ngay vùng cỏ rậm ở bìa rừng vì sợ vùng tối trước mặt; nhưng một cảm giác báo trước hiểm nguy - mà lẽ ra tôi phải coi là một điềm cảnh cáo - thúc đẩy tôi đi tới. Hai ngày một đêm chưa ngủ khiến tôi hăm hấp như bị cảm và phản ứng nóng nảy. Tôi cảm thấy mình sắp sửa bị tấn công bởi cơn buồn ngủ, và bởi những người Morlock.”

“Trong khi chúng tôi còn phân vân, giữa những bụi cỏ đen phía sau, tôi thấy ba chiếc bóng nhạt đang bò. Vì quanh chúng tôi có nhiều bụi và cỏ cao, tôi không cảm thấy an toàn. Tôi ước lượng chỉ cần đi chưa tới một dặm là qua khỏi khu rừng đến sườn đồi trọc. Đó là chỗ nghỉ ngơi an toàn hơn nhiều. Tôi nghĩ với những que diêm và miếng băng phiến, tôi sẽ có đủ ánh sáng trong khi đi qua khu rừng. Nhưng hiển nhiên là muốn đốt que diêm thì phải dùng cả hai tay và nếu vậy lại không mang củi theo được. Không có cách gì khác hơn, tôi tần ngần bỏ những thanh củi xuống đất. Và rồi tôi nghĩ tại sao không đốt chúng lên để gây sự ngạc nhiên cho những “người bạn” ở phía sau lưng? Tôi cho rằng đây là một sáng kiến hay để bảo vệ đường rút lui; không ngờ nó trở thành một sự đại dột đầy khốc hại.”

“Không hiểu quý vị có bao giờ nghĩ đến sự hiểm hoai của lửa ở những nơi nhiệt độ ôn hòa không có người sống hay chưa? Sức nóng mặt trời ít khi đủ sức đốt cháy, ngay cả khi được hội tụ bởi những giọt sương như thỉnh thoảng xảy ra ở những vùng khí hậu có nhiều tính nhiệt đới hơn. Sét có thể làm cho cây gãy và cháy xém, nhưng ít khi nào tạo thành những ngọn lửa lan rộng. Loài thảo mộc khi tàn tạ thỉnh thoảng âm ỉ nóng vì nhiệt độ gây ra bởi sự lên men nhưng hiện tượng này gần như chẳng bao giờ gây ra lửa. Trong thời đại suy đồi đó, nghệ thuật tạo lửa đã bị hoàn toàn lãng quên trên mặt đất. Chiếc lưỡi đỏ liếm dần lên đồng củi là một hình ảnh hoàn toàn mới lạ đối với Weena. Nàng muốn nhào tới chơi đùa với ngọn lửa. Tôi chụp nàng kéo lại mặc cho nàng chống cự. May mà tôi cản kịp, nếu không chắc nàng đã cháy bỏng rồi. Hình như không còn thấy sợ, nàng phóng vào khu rừng ngay trước mặt tôi. Nhờ đồng lửa, khoảng đường ngắn đầu tiên được soi khá rõ. Nhìn lại phía sau xuyên qua cành lá, tôi thấy ngọn lửa từ đồng củi đã lan qua một số bụi gần đó, và một hàng rào lửa cong đang tiến dần lên ngọn đồi. Tôi cười, và quay đầu lại đối diện những bóng cây tối tăm phía trước. Màu đen bắt đầu bao quanh chúng tôi khiến Weena sợ hãi, nàng ôm tôi thật chặt.”

“Một lát sau, mắt đã quen dần với bóng đêm và nhờ những đốm lửa từ xa còn hắt tới, tôi lại nhìn thấy cảnh vật lơ mờ, đủ để tránh những cành cây. Riêng trên đầu thì chỉ đơn giản một màu đen, ngoại trừ thỉnh thoảng có một ánh xanh xa xôi từ bầu trời hắt xuống chúng tôi. Tôi không đốt diêm được vì cả hai tay đều bị kẹt: tay trái bế Weena, tay phải cầm thanh sắt. Trong một khoảng thời gian tôi chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng lá xào xạc dưới chân, tiếng gió kêu nhẹ trên cao, tiếng thở của chính tôi và tiếng đập của mạch máu trong tai. Rồi bất ngờ lẫn trong những âm thanh đó có một thứ tiếng rì rào. Tôi thận trọng đi tới, tiếng rì rào rõ ràng hơn, chính là những tiếng lạ lùng tôi đã nghe ở thế giới dưới lòng đất. Hiển nhiên là có vài người Morlock ở đâu đó, và họ đang tiến về phía tôi. Quả nhiên, chưa đầy một phút đồng hồ sau đã có những bàn tay níu vạt áo và nắm vào người tôi. Weena run bần bật một lát rồi bất động.”

“Tôi biết đã đến lúc phải đốt diêm lên. Nhưng muốn vậy tôi phải bỏ Weena xuống. Trong khi tôi cố gắng lục túi áo, một cuộc giằng co xảy ra dưới chân tôi, Weena hoàn toàn im lặng trong khi những người Morlock kêu gừ gừ nghe như tiếng bò cạp. Những bàn tay nhỏ và mềm cũng chạm khắp áo và lưng tôi, ngay cả cổ tôi nữa. Tôi đốt que diêm, cầm trên tay, nhìn thấy những cái lưng trắng của người Morlock bỏ chạy giữa những hàng cây. Vội vàng, tôi lấy một miếng băng phiến từ túi áo, chuẩn bị sẵn sàng cho lúc que diêm sắp tắt. Rồi tôi nhìn xuống Weena. Hai tay nàng còn ôm chặt chân tôi, nhưng người nàng hoàn toàn bất động, và mặt nàng úp xuống đất. Tôi hoảng hốt cúi người xuống xem xét tình trạng của nàng. Hơi thở của nàng yếu ớt và đứt quãng. Tôi đốt miếng băng phiến vắt xuống đất. Trong khi ánh lửa đẩy lùi bóng tối và đám người Morlock ra xa, tôi quỳ xuống ôm Weena lên. Khu rừng phía sau đầy những âm thanh rì rào như có một đám người vô cùng đông đảo.”

“Hình như Weena đã ngất. Tôi thận trọng đặt nàng lên vai, đứng dậy tiếp tục đi. Nhưng rồi cơn hoang mang xảy tới. Trong lúc cố gắng lục túi áo với que diêm và với Weena, tôi xoay người nhiều lần, và bây giờ tôi không còn nhớ hướng đi nữa. Rất có thể tôi đang đi trở lại phía tòa lâu đài sứ màu xanh. Tôi toát mồ hôi, cố nghĩ thật nhanh, cuối cùng quyết định dừng lại đốt một ngọn lửa, không đi tiếp nữa. Weena vẫn chưa tỉnh. Tôi đặt nàng dựa vào một thân cây và cắt bách, trong khi miếng băng phiến cháy hết dần, nhạt củi và lá khô. Đâu đó trong bóng tối xung quanh tôi, những cặp mắt Morlock hiện rõ như đám mụn nhọt trên mảng da người.”

“Miếng băng phiến lung linh rồi tắt. Tôi đốt một que diêm. Hai bóng trắng trờ tới phía Weena thấy vậy lại vội vàng bỏ chạy. Một gã quá chói mắt vì ánh sáng chạy lầm về phía tôi. Tôi đâm vào gã, và nghe rõ tiếng xương vỡ dập. Gã kêu lên đau đớn, loạng choạng một quãng ngắn, rồi ngã vật xuống. Tôi đốt một miếng băng phiến khác rồi gầy cho ngọn lửa lớn lên. Ngoại trừ ngày tôi tới bằng chiếc máy thời gian, trời không hề có mưa, nắng ban ngày lại luôn luôn gay gắt nên ngay phía trên tôi có nhiều cành rất khô. Nhận ra điều đó, thay vì tìm xung quanh các thân cây, tôi nhảy lên chụp bẻ cành làm củi. Chỉ phút chốc tôi đã có một ngọn lửa đầy khói đến nghẹt thở được nuôi bằng củi khô và những cành mới bẻ. Tôi quay qua phía Weena. Nàng đang nằm cạnh thanh sắt hộ thân của tôi. Tôi dùng mọi phương pháp hồi sinh mà tôi biết, nhưng nàng vẫn im lìm như chết. Tôi cũng không dám chắc là nàng còn thở hay không.”

“Khói từ ngọn lửa bay về phía tôi, lại thêm mùi băng phiến, khiến đầu tôi đột nhiên nặng chình chịch. Ngọn lửa còn cháy được khoảng một giờ nữa mới cần thêm củi. Một mối vì đã cố gắng quá sức, tôi ngồi xuống. Khu rừng vẫn đầy những tiếng thì thào mà tôi không hiểu phát xuất từ đâu. Tôi nhớ là mình gạt đầu xuống và mở mắt. Nhưng xung quanh hoàn toàn là bóng tối, và người tôi đầy những bàn tay Morlock. Tôi gạt chúng ra và vội vàng lục tìm hộp diêm. Nhưng nó đã biến đâu mất! Những bàn tay Morlock lại sờ, nắm vào tôi. Trong một thoáng giây, tôi hiểu ngay mọi sự. Tôi đã ngủ quên và ngọn lửa đã tắt. Tôi chết điếng người. Khu rừng đầy mùi củi cháy. Bọn Morlock nắm cổ, tóc, tay, cổ kéo tôi xuống. Thật là khủng khiếp đến mức không thể diễn tả nổi cái cảm giác trong bóng tối bị những khối thịt mềm nhão đó ghì vào người. Không gượng nổi, tôi ngã xuống. Cổ tôi bị một hàm răng cắn nhẹ vào. Tôi lăn ngang, chạm tay vào một vật, chính là thanh sắt. Nó giúp tôi tăng sức mạnh. Tôi vùng vẫy ngồi dậy, đẩy văng bọn chuột ra, và - tay nắm ở giữa - thúc mạnh thanh sắt vào những chỗ tôi đoán là mặt của chúng. Tôi cảm và nghe tiếng thịt, xương lõm dập vì những cú đánh của tôi. Trong nháy mắt, không còn một bàn tay nào trên người tôi nữa.”

“Tôi trở thành say máu, như tâm lý thường xảy ra trong những trận đánh quyết tử. Tôi biết tôi và Weena đã bại trận, nhưng tôi nhất định bắt bọn Morlock phải trả giá thật đắt cho bữa tiệc thịt người. Tôi dựa vào một thân cây, quật thanh sắt vào không gian phía trước. Khu rừng đầy những tiếng chân và tiếng kêu lạ. Một phút trôi qua. Tiếng kêu của bọn Morlock chói tai hơn chúng tỏ một tình trạng cấp bách hơn, và tiếng chân của chúng cũng nhanh hơn. Nhưng không có tên nào đến gần tôi cả. Tôi đứng nhìn trừng trừng vào bóng tối. Rồi một hy vọng nảy ra trong đầu tôi. Biết đâu bọn Morlock đang sợ hãi? Ngay lúc ấy, một hiện tượng bất ngờ xảy tới. Bóng đêm nhạt dần, trở thành lung linh. Tôi bắt đầu lờ mờ thấy bọn Morlock xung quanh - ba

tên ngã dưới chân tôi - và rồi tôi chợt nhận ra, với sự ngạc nhiên tột cùng, rằng những tên còn lại đang chạy thục mạng thành một đoàn dài, từ sau lưng tôi trực chỉ khoảng rừng phía trước. Lưng của chúng không còn trắng mà có ánh đỏ. Trong khi còn há hốc miệng, tôi thấy một vệt đỏ vọt lên khoảng trời có ánh sao giữa các cành cây rồi biến mất. Tức thì tôi hiểu nguyên nhân của mùi củi cháy, của tiếng thì thảo nay đã trở thành tiếng gầm dữ dội, của màu đỏ trên lưng bọn Morlock đột nhiên bỏ trốn.”

“Bước vài bước khỏi thân cây và nhìn về phía sau, xuyên qua bóng tối sẫm của những thân cây ở gần, tôi thấy ngọn lửa của khu rừng đang cháy. Đây là kết quả của đồng lửa tôi đốt lúc đầu. Tôi tìm kiếm Weena, nhưng không thấy nàng đâu nữa. Tiếng rì rào, lách tách sau lưng tôi, tiếng kêu như nổ của những thân cây bắt lửa không cho tôi thời gian để suy nghĩ. Tay vẫn nắm thanh sắt, tôi chạy theo lối rút lui của bọn Morlock. Tình trạng thật cấp bách. Có một lúc ngọn lửa tiến quá nhanh ở phía bên phải tôi, tôi phải chuyển hướng chạy sang bên trái. Nhưng rồi cuối cùng tôi thoát đến một vùng trống nhỏ. Vừa đến đó, tôi thấy một tên Morlock loạng choạng đi về phía tôi, ngang qua tôi, rồi thẳng vào đám lửa.”

“Những phút giây sau đó có lẽ là cảnh quái đản và khủng khiếp nhất mà tôi được biết ở thế giới tương lai. Cả một không gian rộng lớn trở thành sáng rực như ban ngày vì ánh phản chiếu của ngọn lửa rừng. Ở trung tâm là một ngọn đồi hoặc gò đất nhân tạo, chỗ cao nhất có một cây sơn trà cháy đỏ. Bên ngoài là một nhánh khác của ngọn lửa rừng, như một chiếc lưới đã rút lại, tạo thành một hàng rào lửa bao quanh ngọn đồi. Trên lưng đồi có khoảng ba mươi hoặc bốn mươi tên Morlock bị ánh sáng và sức nóng làm cho chói với, nhào ngã vào nhau trong cơn hoảng hốt. Thoạt đầu, không biết chúng chẳng nhìn thấy gì nữa, với phản ứng của một kẻ sợ hãi tôi quật cây sắt một cách hung bạo vào những tên đến gần tôi, khiến một tên chết và vài tên khác bị thương. Nhưng khi nhìn thấy một tên sờ soạng khoảng không trước mặt dưới cây sơn trà giữa khung trời đỏ, và nghe những tiếng rên rĩ, tôi biết chắc chúng chỉ còn là những nạn nhân bất lực. Tôi không đánh đập một tên nào nữa.”

“Nhưng thỉnh thoảng vẫn có một tên chạy thẳng về phía tôi, khiến tôi ghê rợn phải tránh né vội vàng. Có một lúc ngọn lửa yếu đi chút ít, khiến tôi sợ bọn dơ bẩn kia sẽ nhìn thấy tôi. Tôi đã định bắt đầu lại cuộc chiến bằng cách giết vài tên trước, nhưng rồi ngọn lửa lại bùng lên chói bỏng, thế là tôi bỏ ý định. Tôi đi giữa đám Morlock, tránh né chúng, và cố tìm dấu vết Weena, nhưng không thấy nàng đâu cả.”

“Cuối cùng tôi ngồi xuống trên đỉnh một ngọn đồi, nhìn đám đông quái dị gồm những kẻ mù loạng choạng, kêu gào nhau bằng những âm thanh ma quái, tiếp tục bị hành hạ bởi ánh lửa chói ngời. Những cụm khói xoắn lên phủ kín bầu trời, và giữa những lỗ hổng hiếm hoi của chiếc dù đỏ ấy lại vẫn có những ngôi sao nhỏ, lấp lánh lạ kỳ như thuộc về một vũ trụ khác. Hai hoặc ba tên Morlock vấp ngã và tôi, tôi đâm bạt chúng ra. Vừa đâm, tôi vừa thấy mình run rẩy.”

“Gần như suốt đêm ấy, tôi cố tin mình đang ở trong một cơn ác mộng. Tôi tự cắn vào môi và kêu rú lên để mong tỉnh giấc. Tôi đâm tay xuống mặt đất, đứng lên ngồi xuống, đi qua đi lại một cách vô định, và rồi lại ngồi xuống. Rồi tôi dụi mắt và nài nỉ thương để xin cho tôi tỉnh ngủ. Ba lần tôi thấy những tên Morlock cúi gầm đầu trong cơn đau đớn chạy thẳng vào đám lửa. Nhưng cuối cùng, trên màu đỏ yếu dần của lửa, trên những luồng khói đen vĩ đại, trên những thân cây cháy sáng rồi biến thành đen kịt, và số Morlock càng lúc càng giảm, ánh trắng của ban ngày xuất hiện.”

“Tôi lại tìm dấu vết của Weena, nhưng vô ích. Hẳn nhiên bọn Morlock đã bỏ lại cái thân thể đáng tội nghiệp của nàng trong rừng. Tôi không biết diễn tả thế nào về cái cảm giác nhẹ nhõm của tôi khi biết nó được thoát khỏi cái số phận tưởng đã an bài. Nghĩ đến chuyện ấy, tôi suýt nổi cơn muốn giết sạch bọn khốn nạn đang kêu gào tuyệt vọng chung quanh. Nhưng tôi dần lòng xuống. Ngọn đồi, như tôi đã kể, giống một hòn đảo nhỏ lên giữa rừng. Từ đỉnh, qua lớp khói mờ, tôi bắt đầu nhìn ra tòa lâu đài sứ xanh ở phía xa, và từ đó định hướng tòa sư tử trắng.

Để mặc những tên Morlock còn sống sót loạng quạng kêu la, khi trời đã sáng hơn, tôi bó một mớ cỏ vào hai chân, khập khiễng đi giữa những tro bụi và những thân cây đen vẫn còn âm ỉ cháy bên trong, về nơi giấu chiếc máy thời gian. Tôi đi rất chậm, vì đã kiệt sức, chân lại đau nhức như què, và vì bị ám ảnh ghê gớm bởi cái chết rùng rợn của Weena. Cái chết của nàng lúc ấy là một bất hạnh không chịu đựng nổi, giờ trong căn phòng quen thuộc này chỉ còn như nỗi buồn vương vấn sau giấc mơ khuya hơn là một mất mát đã thực sự xảy ra. Nhưng buổi sáng đó, nó đẩy tôi trở về với cảm giác của một kẻ cô độc - cô độc ghê người. Tôi bắt đầu nhớ đến căn nhà này, đến lò sưởi ấm, đến một số người trong quý vị, và những nỗi nhớ đó kèm theo một ao ước xót xa.”

“Nhưng, trong khi đi trên những lớp tro còn nhả khói dưới bầu trời ban mai rực rỡ, tôi khám phá rằng trong túi tôi vẫn còn vài que diêm lẻ. Chắc hộp diêm trước khi mất đã bị hở để những que diêm này rớt ra.”

CHƯƠNG 10

“Vào khoảng tám hoặc chín giờ sáng, tôi đến chỗ để chiếc ghế vàng nơi tôi đã ngồi nhìn trái đất buổi chiều hôm mới đến. Nhớ lại những kết luận vội vàng chiều hôm ấy, tôi không khỏi cười chua chát cho sự tự tin vô lý của mình. Vãn cảnh đẹp đẽ này, vãn tàng cây nhiều lá, vãn những lâu đài nguy nga và những tàn tích của một thời tráng lệ, vãn dòng sông bạc chảy giữa hai dải bờ phì nhiêu. Những y phục tươi mát của những con người đẹp đẽ thấp thoáng giữa những thân cây. Vài người tắm ở đúng ngay nơi tôi đã cứu Weena. Nhìn họ, đột nhiên tim tôi nhói lên đau đớn. Và như những vết nhơ trong bức tranh sơn thủy, những mái che mưa nắng hình vòng cung nhô cao, dẫn đường đi xuống thế giới dưới lòng đất. Giờ tôi đã hiểu ý nghĩa của sự đẹp đẽ của những con người trên mặt đất. Ngày của họ là ngày vui sướng, vui sướng như ngày của loài bò trên đồng cỏ. Như loài bò, họ không căm thù ai và không chống lại ý muốn của bất cứ ai. Và họ có kết cuộc tương tự.”

“Tôi xót xa khi nghĩ đến giấc mơ quá ngắn ngủi của trí thông minh loài người. Trí thông minh đó đã tự sát. Nó tự đi bằng những bước vững vàng đến tình trạng dễ dàng và thoải mái, đến một xã hội quân bình mà an toàn và vĩnh cửu là hai mục đích chính yếu. Nó đã đạt mục đích - để rồi cuối cùng đến tình trạng này. Một thời xưa nào đó, đời sống và tài sản hẳn đã đạt mức an toàn tuyệt đối. Người giàu bảo đảm có tài sản và phương tiện hưởng thụ, người lao động bảo đảm được sống và có việc làm. Hẳn trong thế giới hoàn hảo đó một thời đã không còn nạn thất nghiệp, không còn vấn đề xã hội nào cần giải quyết. Và một giai đoạn yên lặng lâu dài đã đi tiếp theo sau.”

“Chúng ta đã quên một định luật thiên nhiên, rằng trí thông minh là sự đền bù của bất ổn, hiểm nguy, và phiền lụy. Một con vật hoàn toàn hòa hợp với khung cảnh sống sẽ chỉ còn là một bộ máy hoàn hảo. Thiên nhiên chỉ đòi hỏi trí thông minh khi thói quen và bản năng đã trở thành vô dụng. Sẽ không có trí thông minh khi không có đổi thay và không có nhu cầu đổi thay. Trí thông minh chỉ có khi loài vật phải thỏa mãn thật nhiều nhu cầu và đối phó với thật nhiều nguy hiểm.”

“Nên, như tôi thấy, con người trên mặt đất đã đi theo chiều của cái đẹp yếu đuối, và con người dưới lòng đất theo chiều của kỹ nghệ cơ khí. Nhưng trạng thái hoàn hảo đó thiếu một điều kiện quan trọng - tính vĩnh cửu tuyệt đối. Có lẽ với thời gian kéo dài, vì một lý do nào đó, nguồn thực phẩm của con người dưới mặt đất đến một lúc bị gián đoạn. Nữ thần của nhu cầu, từng bị đày đi xa suốt mấy ngàn năm, đã trở lại, và bắt đầu làm việc từ dưới lòng đất. Người dưới lòng đất quen thuộc với máy móc. Dù những máy móc này hoàn hảo bao nhiêu, vẫn đòi hỏi một chút suy nghĩ thêm vào với thói quen. Có thể vì vậy mà họ còn giữ được nhiều tính tích cực hơn, mặc dù kém nhân bản hơn về mọi phương diện khác, so với người trên mặt đất. Và khi những nguồn thịt khác không còn, họ trở về với một thói quen cũ bị cấm đoán từ lâu. Đó là quan điểm cuối cùng của tôi về thế giới ở năm tám trăm lẻ hai ngàn bảy trăm lẻ một. Nó có thể sai lầm như tất cả mọi lời giải thích khác sinh ra từ đầu óc bất toàn vụn vặt của con người. Nhưng đó là điều tôi cho là đúng, và đó là điều tôi xin trình bày với quý vị.”

“Sau những mệt mỏi, những cảm giác mạnh, và những diễn biến khủng khiếp trải qua trong suốt một tuần, dù trong lòng mang nhiều nỗi xót xa, chỗ ngồi này cộng với khung cảnh yên tĩnh và ánh mặt trời ấm áp khiến tôi thấy hết sức thoải mái. Vô cùng mệt mỏi và buồn ngủ, tôi chuyển từ suy nghĩ sang mắt nhắm mắt mở, gật gà lúc nào không biết. Thấy thế, tôi bèn chiều theo nhu cầu của cơ thể, nằm thẳng ra trên thảm cỏ và ngủ một giấc dài lấy sức.”

“Tôi tỉnh dậy khi mặt trời sắp lặn. Giờ tôi không còn sợ bị người Morlock bắt trong khi ngủ gật. Duỗi người lấy sức, tôi đi xuống đồi về phía tòa sư tử trắng, một tay cầm thanh sắt, tay kia trong túi nắm vào những que diêm.”

“Một cảnh bất ngờ không thể tưởng tượng hiện ra trước mắt khi tôi đến gần cái bệ dưới tòa sư tử. Những cánh cửa mở rộng, đúng hơn là đã bị đẩy xuống dọc theo những bản lề. Thấy thế tôi dừng lại phân vân.”

“Bên trong tôi thấy một căn phòng nhỏ, và ở trong một góc cao là chiếc máy thời gian. Những chiếc cần số còn nằm yên trong túi. Tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng để mở cuộc tấn công tòa sư tử trắng, đâu ngờ kẻ địch lại đầu hàng quá dễ dàng. Tôi vắt thanh sắt trong tay đi, gần như tiếc rẻ vì không có cơ hội dùng đến nó.”

“Một ý nghĩ bất ngờ nảy ra trong đầu khi tôi cúi người đi vào. Tối thiểu lần này tôi hiểu mưu toan của bọn Morlock. Cố nhịn cười, tôi đi qua khung cửa bằng đồng tới chỗ để chiếc máy thời gian. Tôi ngạc nhiên khi thấy rằng nó đã được chăm dầu và lau chùi kỹ lưỡng. Sau, tôi nghi bọn Morlock có thể đã tháo ráp vài bộ phận để cố tìm hiểu mục đích của chiếc máy bằng khối óc thô sơ của chúng.”

“Trog khi tôi đứng xem xét và thấy một niềm hạnh phúc chỉ vì được sờ vào chiếc máy, việc tôi biết trước sẽ xảy ra đã xảy ra. Những cánh cửa đồng đột ngột chạy vụt lên, chạm vào thành trên, đóng chặt lại, tạo thành một tiếng “keng”. Tôi ở trong bóng tối - mắc bẫy. Bọn Morlock hẳn chắc chắn như thế. Ý nghĩ của chúng khiến tôi không khỏi tức cười.”

“Tôi nghe tiếng cười xì xào của chúng tiến lại gần. Một cách bình tĩnh, tôi bật que diêm. Tôi chỉ cần gắn cần số vào máy rồi biến mất như một bóng ma. Nhưng tôi quên mất một điều. Những que diêm này thuộc loại chỉ cháy khi được quẹt vào hộp mà thôi.”

“Quý vị có thể hiểu mọi sự bình tĩnh của tôi đều biến mất. Những con thú nhỏ bé nhào tới, một tên đụng vào tôi. Tôi cầm những chiếc cần số quạt ngang vào bóng tối, trong khi leo vọt lên chỗ ngồi trên chiếc máy. Thêm một bàn tay chạm vào tôi, rồi một bàn tay nữa. Kế đó, tôi vừa phải cản không cho chúng giật những chiếc cần từ tay tôi, vừa phải lần ra chỗ để gắn cần vào. Một chiếc cần suýt nữa bị chúng kéo mất. Trong khi nó đang trượt ra khỏi tay tôi, tôi phải húc đầu tới - và nghe thấy tiếng cụng vào sọ tên Morlock - để giữ nó lại. Nghĩ lại, cuộc đụng độ cuối cùng này còn nguy hiểm hơn cả lần đánh nhau trong khu rừng cháy.”

“Nhưng cuối cùng những chiếc cần số được lắp vào đúng chỗ và đẩy sang vị trí khác. Những bàn tay đang nắm vào tôi vụt ra. Bóng tối trước mặt rơi mất, nhường chỗ cho màu xám và những chấn động mà tôi đã diễn tả trước đây.”

CHƯƠNG 11

“Tôi đã kể cho quý vị nghe về cảm giác dật dờ như mắc bệnh và nỗi hoang mang đi kèm với việc vượt thời gian. Lần này tôi lại không ngồi đúng chỗ trên yên, mà ở một góc xéo không đứng vững chút nào cả. Trong một khoảng thời gian tưởng chừng vô tận, tôi bầu vào cái máy trong khi nó vừa rung vừa lắc mà không biết mình sẽ đến đâu. Khi đủ bình tĩnh để nhìn đồng hồ, tôi không khỏi sửng sốt. Một đồng hồ chỉ ngày, một đồng hồ chia đơn vị là một ngàn ngày, một đồng hồ triệu ngày, một đồng hồ tỉ ngày. Thay vì kéo ngược cần số, tôi đã đẩy chúng đi tới. Và tôi thấy kim chỉ ngàn đang quay nhanh như kim chỉ giây của một chiếc đồng hồ đeo tay - đến tương lai xa tít.”

“Tiếp tục đi tới, một đổi thay kỳ lạ phủ trùm lên vạn vật. Màu xám thấp thoáng trở thành đậm hơn; rồi - mặc dù tôi vẫn đi tới với thời tốc thật nhanh - những thay đổi nhấp nháy giữa ngày đêm, dấu hiệu của một thời tốc thấp hơn, trở lại càng lúc càng rõ rệt. Thoạt đầu hiện tượng này khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Sự đổi thay giữa ngày đêm xảy ra chậm hơn, cùng với sự di chuyển của ánh mặt trời, đến một lúc như mỗi chu kỳ kéo dài đến mấy trăm năm. Cuối cùng, trái đất chỉ còn một ánh mờ liên tục, gián đoạn thỉnh thoảng bởi sự xuất hiện của những ngôi sao chổi soi sáng khoảng trời đen. Luồng sáng, dấu vết của mặt trời đã biến mất hẳn, vì mặt trời không còn lặn nữa - nó chỉ nhô lên hụp xuống ở phía tây, đồng thời trở thành lớn hơn và đỏ hơn. Tất cả mọi dấu vết của mặt trăng cũng đã biến mất. Những chuyển động xoay tròn càng lúc càng chậm của các vì sao bị thay thế bởi vô vàn điểm sáng.”

“Một khoảng thời gian trước khi tôi dừng lại, mặt trời - đỏ và rất lớn - nằm bất động ở chân trời, như một cái vòm vĩ đại lung linh với một sức nóng yếu ớt, và thỉnh thoảng tắt ngấm hoàn toàn. Có một lúc nó chiếu ra ánh sáng mạnh hơn, nhưng rồi thật nhanh chóng lại trở về với ánh nóng đỏ muộn sầu. Dựa theo sự lên xuống chậm lại của mặt trời, tôi đoán là hiện tượng thủy triều không còn nữa. Trái đất đã thôi quay, với một mặt hướng về mặt trời, có thể y hệt như mặt trăng đối với trái đất trong thời của chúng ta. Hết sức thận trọng - vì nhớ lại lần bị té trước - tôi bắt đầu kéo cần số ngược lại. Những kim đồng hồ chạy chậm dần, cho đến khi kim chỉ ngàn ngày gần như đứng yên và kim chỉ ngày không chỉ còn là một ánh sương mù trên mặt đồng hồ. Chậm hơn nữa, cho đến khi những đường nét của một bãi biển hoang vu trở thành rõ rệt.”

“Tôi nhẹ nhàng dừng lại và ngồi trên chiếc máy thời gian nhìn ra xung quanh. Bầu trời không còn xanh. Phía đông bắc tối đen như mực, và giữa màu đen đó nổi bật những ngôi sao trắng nhạt tỏa ánh sáng đều đặn. Trên đầu tôi là một vùng đỏ không sao, đến phía đông nam thì sáng hơn thành một màu đỏ chói. Ở đó, bị cắt ngang bởi đường chân trời, là cái thân vĩ đại của mặt trời, đỏ và bất động. Những tảng đá gần tôi có một màu đỏ gay gắt, và tất cả dấu hiệu của sự sống tôi thấy được là những loài thảo mộc xanh hết sức đậm phủ đầy những mặt đá hướng về phía đông nam. Màu xanh đậm này y hệt như của các loài rêu trong rừng hoặc trong hang động: những loại thực vật mọc ở nơi vĩnh viễn chỉ có ánh sáng mờ mờ.”

“Chiếc máy đứng trên một bờ biển thoai thoải. Mặt biển kéo xa về phía tây nam, trở thành một lần ngang sắc bên rực rỡ nổi bật dưới bầu trời xám ngắt. Không có sóng bạc đầu, không có ngay cả những đợt sóng nhỏ, vì trời hoàn toàn không có gió. Chỉ riêng một chỗ như có ánh dầu loang nhô lên hụp xuống giống bụng người đang thở nhẹ, chứng tỏ rằng lòng biển muôn đời vẫn sống. Ở ngoài bìa, chỗ nước thỉnh thoảng vỡ ra, là một lớp muối dày - hồng dưới bầu trời tái nhợt. Tôi có cảm giác đầu mình bị đè ép, và tôi khám phá rằng mình đang thở thật nhanh. Cảm giác ấy tôi chỉ từng có trong lần leo núi duy nhất. Từ đó tôi suy rằng không khí đã trở

thành loãng hơn thời của chúng ta.”

“Thật xa phía trên sườn bờ biển tôi nghe một tiếng kêu, và thấy một con vật như bướm khổng lồ bước xéo xeo, đập cánh bỗng người lên bầu trời, bay vòng quanh, rồi biến mất sau những chiếc gò ở xa hơn. Tiếng kêu của nó thê thảm đến nỗi tôi run người, bám chặt vào chỗ ngồi của mình trên chiếc máy thời gian. Nhìn quanh, tôi khám phá rằng, ở khá gần, cái mà tôi tưởng là một cục đá đang chuyển động về phía tôi. Thì ra đó là một con quái vật hình giống như con cua. Hãy tưởng tượng một con cua lớn như cái bàn ở chỗ kia, với một mớ chân bò chậm chạp vô định, hai càng đưa qua đưa lại, những chiếc râu dài như cây roi của gã chớ đồ quờ quạng tìm phương hướng, và đôi mắt gắn vào hai bên cái áo giáp như kim loại nhìn chăm chăm vào quý vị. Lưng nó xếp khúc điểm những đốm lồi lên kỳ cục, lại có lớp màu xanh bám chỗ này chỗ khác. Tôi thấy những vi tu trong cái miệng phức tạp của nó rụt ra rụt vào dò xét trong khi nó chuyển người trên mặt đất.”

“Đang nhìn con quái vật rùng rợn này bò tới, trên má tôi bỗng có cảm giác nhồn nhột như vừa bị một con ruồi chạm vào. Tôi lấy tay gạt ra, nhưng nó trở lại liền, và rồi thêm một con khác ở tai tôi. Tôi vội chụp lấy, nhằm một vật dài như chỉ, nhưng bị vượt mất ngay. Với một sự ghê tởm và sợ hãi, tôi quay lại nhìn và khám phá rằng mình đã chụp nhằm sợi râu của một con quái vật hình cua khác ở ngay sau lưng. Đôi mắt tàn ác của nó rung trên hai cái cuống, miệng nó đầy vẻ đói khát, và đôi càng vĩ đại vung về bám đầy bùn rêu đang chụp xuống tôi. Trong chớp mắt tay tôi ấn vào cần số, và tức thì cách xa những con vật ấy khoảng một tháng trời. Nhưng tôi vẫn ở trên bờ biển cũ, và tôi thấy chúng thật rõ khi dừng lại. Hơn mười con bò chỗ này chỗ kia, dưới ánh mờ sâu thẳm, giữa những mảng thảo mộc màu xanh thẫm.”

“Tôi không thể diễn tả nỗi hoang vu ghê rợn chế ngự mặt địa cầu. Bầu trời đỏ phía đông, màu đen phía bắc, vùng biển chết, bờ đá đầy những con quái vật dơ bẩn bò run rẩy chậm chạp, màu xanh trải đều như thuốc độc của những loại rong rêu, bầu không khí loãng làm phổi người ta đau nhức: tất cả tạo thành một cảm giác rùng rợn. Tôi đi tới một trăm năm nữa. Mặt trời vẫn đỏ - lớn hơn, và mờ hơn một chút. Vẫn vùng biển chết, vẫn bầu không khí lạnh lẽo, vẫn đám quái vật có vỏ cứng bò đó đây giữa rêu xanh đá đỏ. Ở bầu trời phía tây, tôi thấy một đường cong nhạt, có lẽ của một vòng trăng thượng tuần khổng lồ.”

“Tôi cứ đi như thế, thỉnh thoảng dừng lại, cách khoảng cả ngàn năm hoặc hơn, bởi sự tò mò về số phận trái đất, chăm chú nhìn với một niềm say sưa kỳ lạ. Mặt trời mỗi lúc một lớn hơn và mờ nhạt hơn ở bầu trời phía tây, và cuộc sống của trái đất cũ úa tàn đi. Cuối cùng, sau hơn 30 triệu năm, cái vòm khổng lồ của mặt trời đã chiếm khoảng mười phần trăm của bầu trời đen. Tôi dừng lại lần nữa vì thấy đám cua bò lổn ngổn đã biến mất. Bãi biển đỏ, ngoại trừ những mảng rong rêu xanh mét, không còn một dấu hiệu nào của sự sống. Đó đây lấm chấm những vùng màu trắng. Cái lạnh ghê người xâm lấn tôi. Những mảnh trắng thỉnh thoảng rơi lảo đảo xuống. Về phía đông bắc, ánh sáng phản chiếu của băng tuyết nổi bật dưới bầu trời sao, hiện thành những gò nhấp nhô màu trắng hồng. Một vành băng chạy dọc theo nơi tiếp giáp giữa nước với đất liền, thêm những mảng băng trôi ở ngoài xa, nhưng nói chung cái mặt biển ấy, đỏ như máu dưới ánh hoàng hôn vĩnh cửu, vẫn chưa đông thành đá.”

“Tôi nhìn quanh tìm dấu vết của đời sống động vật. Một sự sợ hãi không thể giải thích vẫn giữ tôi trên chỗ ngồi của chiếc máy thời gian. Nhưng không có một hình thù nào chuyển động dưới đất, trên trời, cũng như ngoài biển. Dấu hiệu duy nhất chứng minh rằng sự sống vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt chỉ là đám rêu xanh. Một bãi cát nông lộ ra khi nước biển rút khỏi bờ. Tôi tưởng đã thấy một vật màu đen xoay trở trên bãi cát ấy, nhưng khi tôi chú ý nhìn, nó trở thành bất động. Tôi kết luận mình đã nhìn lầm, và vật đen ấy chỉ là một khối đá. Những ngôi sao trên bầu trời sáng ngoài sức tưởng tượng, và hình như nhấp nháy rất ít so với những ngôi sao của thời đại chúng ta.”

“Đột nhiên tôi nhận ra một sự biến đổi trong đường nét của vòng cung mặt trời ở phía tây. Một

khoảng đen cũng hình cung đang lặn vào vị trí của nó. Tôi thấy khoảng đen lớn dần. Có lẽ đến cả phút đồng hồ tôi sững sờ nhìn khoảng đen này lặn át mặt trời, rồi chợt hiểu một cuộc nhật thực đang bắt đầu. Hoặc mặt trăng, hoặc Thủy Tinh đang đi ngang vùng ảnh hưởng của mặt trời. Theo lẽ bình thường, lúc đầu tôi cho đó là mặt trăng, nhưng rồi tôi phải đoán mình đã thấy một hành tinh đang di chuyển rất gần trái đất.”

“Bóng tối tăng dần. Một luồng gió lạnh thổi từng đợt từ phía đông, và những mảnh tuyết trên không rơi càng lúc càng nhiều. Từ mé biển vọng về tiếng thì thầm của sóng. Ngoại trừ những tiếng động chết này, vũ trụ hoàn toàn im lặng. Im lặng? Thật khó mà diễn tả sự im lặng ấy. Âm thanh của loài người, tiếng kêu của đàn cừu, tiếng gọi của loài chim, lời rên của côn trùng, những gì tạo thành căn bản của đời sống chúng ta - tất cả đều không còn nữa. Khi bóng tối dày thêm, những mảnh tuyết lao đảo rơi càng nhiều, nhảy múa trước mắt tôi, và cái lạnh của không khí quanh tôi càng ghê gớm. Cuối cùng, lần lượt và nhanh chóng, từng đỉnh trắng của những ngọn đồi xa biến vào đen tối. Gió bắt đầu nổi lên những tiếng kêu gào. Cái bóng tối tăm của nhật thực chạy vụt về phía tôi. Phút chốc sau đó ngoại trừ ánh sáng của những ngôi sao, bầu trời chỉ còn là một vùng đen thẫm.”

“Màu đen tuyệt đối của vũ trụ làm tôi ghê sợ. Cái lạnh thấu xương, và cái đau đớn của từng hơi thở lặn át tôi. Tôi rùng mình, thấy buồn nôn không chịu nổi. Rồi cạnh của mặt trời lại xuất hiện như một cây cung nóng đỏ. Tôi bước ra khỏi chiếc máy thời gian để phục hồi sức lực. Cơn chóng mặt khiến tôi không dám đối diện với chuyến trở về. Trong khi đứng đó như một người bệnh hoạn và hoang mang, tôi lại thấy cái khối đen lúc nãy di chuyển trên bãi cát nông - không nghi ngờ gì nữa, nó đúng là một sinh vật - ngay mé nước của vùng biển đỏ. Nó hình tròn, cỡ một trái banh, cũng có thể lớn hơn, với những sợi dài xuôi về một phía. Màu nó đen bên cạnh vùng biển đỏ, và nó đang nhảy qua nhảy lại một cách vô định. Tôi biết mình đang ngất xỉu. Nhưng nỗi sợ hãi rằng mình sẽ nằm xuống tuyệt vọng giữa chốn xa xôi mờ ảo rừng rợn đó đã cho tôi đủ sức mạnh để leo trở lại lên chỗ ngồi của chiếc máy thời gian.”

CHƯƠNG 12

“Thế là tôi trở lại. Chắc tôi đã ngất đi trên chỗ ngồi một thời gian dài. Những nhấp nháy thay đổi giữa ngày đêm lại bắt đầu, mặt trời lại trở về màu vàng chói, và bầu trời lại trở thành xanh. Tôi thở dễ dàng hơn. Những thay đổi đường nét của mặt đất khi nhanh khi chậm. Kim đồng hồ chạy ngược. Rồi tôi thấy bóng mờ của những ngôi nhà, dấu hiệu của loài người suy thoái. Những hình ảnh ấy cũng đổi thay, biến mất và bị thay thế. Khi kim đồng hồ chỉ triệu năm về số không, tôi giảm tốc lực. Tôi bắt đầu nhận ra những công trình kiến trúc tầm thường và quen thuộc của thời đại chúng ta. Kim chỉ ngàn năm trở về vị trí ban đầu, sự xoay chuyển giữa ngày đêm càng lúc càng chậm. Rồi những bức tường cũ của căn phòng thí nghiệm lại bao quanh tôi. Một cách nhẹ nhàng, tôi giảm vận tốc của chiếc máy thời gian.”

“Tôi thấy một hiện tượng khá kỳ dị. Tôi đã kể cho quý vị nghe rằng ở lúc đầu của chuyến ra đi, trước khi đạt vận tốc cao, tôi thấy bà Watchett đi ngang căn phòng, xẹt nhanh như một chiếc hỏa tiễn. Khi trở về, tôi lại đi ngang phút giây khi bà bước qua phòng thí nghiệm. Nhưng lần này mọi hành động của bà như hoàn toàn ngược lại. Cánh cửa góc thấp của phòng thí nghiệm mở ra, bà lướt lên trên, lưng hướng về phía trước, và biến mất ở cánh cửa mà lần trước bà đi vào. Hình như tôi cũng thấy Hillyer trong thoáng giây, nhưng hắn vụt đi như một lần chớp.”

“Tôi ngừng máy, thấy chung quanh căn phòng thí nghiệm quen thuộc, những dụng cụ máy móc vẫn ở chỗ cũ. Tôi loạng choạng bước ra khỏi máy đến chiếc ghế dài, ngồi đó run bần bật mấy phút rồi mới bình tĩnh lại. Xung quanh là nơi làm việc, vẫn y hệt như cũ. Có thể tôi đã ngủ ở đó, và tất cả chỉ là một giấc mơ.”

“Nhưng không hẳn như thế! Chiếc máy bắt đầu ở góc đông nam phòng thí nghiệm như quý vị đã thấy và trở về ở góc tây bắc, cạnh bức tường. Đó chính là khoảng cách giữa thảm cỏ và cái bệ của tòa sư tử trắng, nơi bọn Morlock đã giấu chiếc máy của tôi.”

“Đầu óc tôi ngưng động một lúc lâu. Rồi tôi đứng dậy đi theo hành lang về phía này, khắp khiêng vì gót chân vẫn còn đau, và cảm thấy người mình quá dơ bẩn. Tôi thấy tờ Pall Mall Gazette trên bàn cạnh cửa, ngày tháng đúng là hôm nay, và nhìn lên đồng hồ thấy gần đúng tám giờ tối. Tôi nghe tiếng nói chuyện của quý vị và tiếng chén đĩa. Tôi lưỡng lự - cảm thấy thật bệnh hoạn và yếu ớt. Rồi ngửi thấy mùi thịt đầy hấp dẫn, tôi mở cửa gặp quý vị. Quý vị đã biết những gì xảy ra sau đó. Tôi tắm rửa, ăn tối, và kể lại câu chuyện cho quý vị nghe.”

“Tôi biết,” hắn ngừng lại một lát, rồi tiếp, “tất cả đều quá khó tin đối với quý vị. Với tôi, điều khó tin nhất là tôi có mặt ở đây đêm nay trong căn phòng quen thuộc này, nhìn thấy những nét mặt thân quen của quý vị và kể cho quý vị nghe những chuyển thám hiểm lạ lùng kia”.

Hắn nhìn ông bác sĩ. “Không. Tôi không dám mong quý vị tin câu chuyện của tôi. Cứ việc cho đây là một chuyện nói dối hoặc một lời tiên tri. Cứ việc nói là tôi đã mơ thấy nó trong phòng làm việc. Bởi tôi đã từng suy nghĩ về số phận của loài người chúng ta trước khi đặt ra câu chuyện giả tưởng này. Cứ coi việc tôi khẳng khẳng nói đó là một câu chuyện thật chỉ là một phương pháp nghệ thuật để người ta chú ý hơn. Và quý vị nghĩ thế nào, nếu chỉ coi nó là một câu chuyện kể?”

Hắn cầm ống pip lên và bắt đầu, do thói quen, gõ gõ nó lên những thanh ngang của chiếc lưới sắt. Một thoáng im lặng trôi qua, rồi có tiếng ghế, tiếng chân đi trên tấm thảm. Mắt tôi rời khỏi khuôn mặt của kẻ vượt thời gian, nhìn sang đám người nghe kể chuyện. Họ ở trong bóng tối, và

trước mặt họ tôi thấy những đốm sáng nhảy múa. Ông bác sĩ có vẻ bị thu hút bởi thái độ trầm tư của chủ nhà. Anh chủ báo nhìn chăm chăm vào điều xì gà đang hút - điều thứ sáu. Anh phóng viên đang vụng về lần kiểm đồng hồ. Những người khác, tôi nhớ lại, đều bất động.

Anh chủ báo đứng dậy, thở dài. “Thật tiếc anh không phải là một nhà văn!” Vừa nói anh vừa đặt tay lên vai kẻ vượt thời gian.

“Anh không tin những điều tôi kể?”

“Ừ...”

“Tôi cũng đã nghĩ thế.”

Kẻ vượt thời gian quay về phía chúng tôi. “Que diêm đâu?” hắn hỏi. Hắn đốt một que diêm và nói trong khi vừa hút píp. “Nói thật... chính tôi cũng không dám tin tôi... vậy mà...”

Với vẻ đầy thắc mắc, đôi mắt hắn chuyển xuống những bông hoa tàn nằm trên chiếc bàn nhỏ. Rồi hắn xoay bàn tay đang cầm ống píp. Tôi nhận ra là hắn đang nhìn những vết thương chưa lành hắn trên các ngón tay.

Ông bác sĩ đứng dậy, đi tới trước cái đèn, xem xét những bông hoa. “Cái nụ hoa thật lạ”, ông nói. Nhà tâm lý học chồm tới trước để nhìn cho rõ, đưa tay ra nắm vào một bông hoa.

“Chết! Chắc phải gần một giờ sáng rồi”, anh phóng viên hốt hoảng. “Làm sao mình về nhà đây?”

“Còn rất nhiều taxi ở bến”, nhà tâm lý học trả lời.

“Thật lạ lùng”, ông bác sĩ nói, “tôi không hề biết những loại hoa này. Anh đưa chúng cho tôi được không?”

Kẻ vượt thời gian phân vân. Rồi đột ngột trả lời: “Chắc chắn là không.”

“Nói thật đi, anh tìm thấy những hoa này ở đâu?” ông bác sĩ nài.

Kẻ vượt thời gian đặt tay lên đầu. Hắn nói như cố giữ lại những suy nghĩ đang tìm cách bỏ hắn ra đi. “Weena bỏ chúng vào túi tôi, khi tôi vượt thời gian.” Hắn nhìn quanh. “Tôi không hiểu nữa. Căn phòng này và không khí bình thường hàng ngày ảnh hưởng đến trí nhớ của tôi. Tôi đã từng bao giờ làm ra một chiếc máy vượt thời gian, hay một mẫu nhỏ của nó chưa? Hay tất cả chỉ là một giấc mộng? Người ta nói đời là một giấc mộng, đôi khi là một giấc mộng quý giá đáng tội nghiệp - nhưng tôi không thể nào chịu đựng một giấc mộng khó giải thích. Quả là điên rồ. Và giấc mộng ấy từ đâu tới?... Tôi phải nhìn lại cái máy đó. Nếu quả thực nó hiện hữu!”

Kẻ vượt thời gian chụp vội cây đèn sáng đỏ, cầm nó đi qua cửa đến hành lang. Chúng tôi theo sau hắn. Quả nhiên, trước ánh lung linh của ngọn đèn, chiếc máy thời gian hiện rõ, to thấp, xấu xí, và quái đản; làm bằng đồng, gỗ mun, ngà, và thạch anh sáng đục. Nó cứng cáp - tôi nắm vào một cái lườn của nó nên biết thế - với những bệ màu nâu trên các chỗ ngà, những đốm cỏ và râu ở phần dưới, và một lườn đã bị cong vẹo.

Kẻ vượt thời gian đặt cây đèn xuống chiếc ghế dài, và đưa tay vuốt dọc theo cái lườn bị cong. “Vây là được rồi”, hắn nói. “Câu chuyện tôi kể cho quý vị nghe hoàn toàn có thật. Xin lỗi vì đã bắt quý vị đến chỗ lạnh lẽo này.” Hắn cầm cây đèn lên và chúng tôi trở về phòng hút thuốc trong sự im lặng hoàn toàn.

Hắn đi theo chúng tôi đến phòng khách và giúp anh chủ báo mặc áo choàng. Ông bác sĩ nhìn vào mặt hắn, rồi sau một chút phân vân, bảo hắn rằng hắn đã làm việc quá sức. Nghe thế hắn cười ha hả. Tôi còn nhớ hắn đứng ở cánh cửa mở tiền chân chúng tôi.

Tôi đi chung taxi với anh chủ báo. Anh ta nghĩ câu chuyện chỉ là “những lời dối trá hoa mỹ.” Riêng tôi thì không dám có kết luận nào. Câu chuyện quá khó tin, nhưng lời kể lại quá tỉnh táo và thành thật. Tôi trằn trọc suy nghĩ gần cả đêm, và quyết định hôm sau đến gặp kẻ vượt thời gian. Đến nơi, tôi được biết hắn đang ở trong phòng thí nghiệm. Nhờ là một người khách được tin tưởng, tôi vào tận nơi tìm hắn. Nhưng hắn không có mặt ở đó. Tôi nhìn chiếc máy thời gian đến cả phút đồng hồ rồi đưa tay đụng nhẹ vào chiếc cần số. Tức thì cái khối nặng nề to thấp đó lung lay như một cành cây trong cơn gió mạnh. Sự thiếu thăng bằng của nó làm tôi giật mình, và tôi có sự hồi tưởng lạ kỳ như trở về thuở ấu thơ bị cấm đoán mỗi khi nghịch phá.

Tôi đi theo hành lang trở lại, và được kẻ vượt thời gian tiếp ở phòng hút thuốc. Hắn mới từ trong nhà ra, một tay kẹp máy ảnh, một tay kẹp một túi đựng đồ. Hắn cười khi gặp tôi, và đưa khuỷu tay ra cho tôi bắt. “Tôi vô cùng bận bịu”, hắn nói, “với chiếc máy trong kia”.

“Nhưng bộ không phải đây là một trò lừa sao?” Tôi hỏi. “Anh vượt thời gian thật à?”

“Đương nhiên và hiển nhiên.” Và hắn nhìn vào mắt tôi một cách thành thật. Hắn lưỡng lự, đảo mắt nhìn vô định khắp căn phòng. “Tôi chỉ cần nửa tiếng”, hắn nói. “Tôi biết tại sao anh đến. Anh thật tốt. Có báo và tạp chí ở đây. Nếu anh ở lại ăn trưa, tôi sẽ chứng minh chuyện vượt thời gian, lần này tới nơi tới chốn, bằng những vật mang về, và mọi thứ khác nữa. Nếu anh không phiền vì tôi phải tạm rời anh bây giờ.”

Tôi đồng ý, mặc dù không thấu hiểu những gì hắn muốn nói. Thế là hắn gật đầu và đi ra hành lang. Tôi nghe cánh cửa phòng thí nghiệm đóng sầm lại. Tôi ngồi xuống, cầm một tờ nhật báo lên. Hắn sẽ làm gì trước giờ ăn trưa? Rồi đột ngột mẩu quảng cáo nhắc tôi là tôi hứa gặp Richardson của nhà xuất bản lúc hai giờ. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay, phải đi ngay mới kịp. Tôi đứng dậy đi theo hành lang định báo cho kẻ vượt thời gian biết.

Đúng lúc chạm tay vào nắm đấm cửa, tôi nghe một tiếng động bất thần, bị ngắt cut một cách kỳ lạ, rồi một tiếng “tách” và một tiếng “ầm”. Một luồng không khí bao quanh tôi khi tôi mở cửa, và từ bên trong vang tiếng kính rơi vỡ trên sàn. Tôi không thấy kẻ vượt thời gian; chỉ có một bóng mờ ảo như ma ngồi trên một khối xoay tròn có màu đen và màu đồng - chiếc bóng trong suốt đến nỗi tôi nhìn thấy rõ chiếc ghế dài và những tấm họa đồ phía sau nó. Nhưng tôi vừa đưa tay dụi mắt, hình ảnh ma quái đã biến mất. Chiếc máy thời gian không còn nữa. Ngoại trừ lớp đất bụi đang dần lắng xuống, góc cuối của phòng thí nghiệm trống rỗng hoàn toàn. Hình như một khung kính soi nắng đã bị hút vào, bể vỡ.

Tôi ngạc nhiên không thể tưởng tượng. Tôi biết một chuyện lạ đã xảy ra, nhưng ngay lúc ấy tôi không thể xác định chuyện lạ ấy là gì. Trong lúc tôi đang đứng trố mắt, cánh cửa phía vườn mở ra, và người đầy tớ trai xuất hiện.

Chúng tôi nhìn nhau. Rồi sự suy nghĩ trở lại với tôi. “Ông... có đi về phía đó không?” Tôi hỏi.

“Không. Thưa ông. Không có ai đi về phía đó. Tôi tưởng sẽ gặp ông chủ trong này.”

Nghe vậy tôi hiểu ngay. Bất chấp sự thất vọng của Richardson, tôi ở lại chờ kẻ vượt thời gian; mong đợi câu chuyện thứ hai, có lẽ còn lạ lẫm hơn câu chuyện cũ, những vật thu thập được, và những hình ảnh hắn mang về. Nhưng bây giờ tôi e là tôi phải chờ suốt đời. Kẻ vượt thời gian mất tích ba năm trước. Và, như mọi người đều biết, hắn chưa trở về một lần nào.

LỜI CUỐI

Người ta không thể nào không thắc mắc. Kẻ vượt thời gian có bao giờ trở về không? Có thể hắn đã bị cuốn lùi về quá khứ, rơi vào thời đồ đá của những kẻ lông lá, uống máu man rợ; hoặc chìm vào vùng biển sâu của thời Cretaceous; hoặc lạc vào giữa những con khủng long kỳ quái, những loài bò sát kinh dị của thời Jurassic. Cũng có thể ngay bây giờ - nếu tôi được phép tạm nói như vậy - hắn đang lẫn lẩn trên những vùng san hô đầy loài hải thú bò sát, hoặc ở cạnh những hồ muối của thời Triassic. Có thể hắn đi tới tương lai về một thời đại không xa lắm, khi mà người vẫn còn là người, với những vấn nạn của thời đại chúng ta đã được giải quyết? Đi tới bản tính của nhân loại. Vì đối với riêng tôi, thật khó mà tin những thời đại gần đây với thí nghiệm thiếu sót, lý thuyết rời rạc và quan điểm bất đồng đã là cao điểm của loài người! Đó là phần tôi. Phần hắn, tôi biết - vì vấn đề đã được đặt ra giữa chúng tôi từ rất lâu trước khi chiếc máy thời gian được chế tạo - hắn chẳng thích thú gì mỗi lần nghĩ đến những tiến bộ của nhân loại. Và hắn nhìn thấy trong cái khối lượng tăng dần của văn minh nhân loại một sự thu thập ngu dại không sớm thì muộn thế nào cũng đổ ngược lại, tiêu diệt kẻ tạo thành ra nó. Nếu đó là sự thật, chúng ta vẫn phải sống làm như sự thật không phải như thế.

Tôi vẫn thấy tương lai là một vùng tối đen và trống rỗng, một khoảng mênh mông không thể biết, chỉ được soi sáng vài chỗ bởi câu chuyện kể của kẻ vượt thời gian. Nhưng tôi có ở bên cạnh, như một niềm an ủi, hai đóa hoa trắng lạ lùng - hai đóa hoa đã tàn, chuyển sang màu nâu héo, rũ bẹp xuống, mong manh hơn bao giờ hết - như một chứng minh rằng ngay cả khi lý trí và sức mạnh đã ra đi, lòng biết ơn và tính dịu dàng vẫn còn sống mãi trong trái tim con người.

Dịch xong tại Bắc California, Hoa Kỳ

Ngày 1 tháng 11, 1992

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>